

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 182/CBTT-LT-TCHC

V/v Công bố tổ chức họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh
2. Mã chứng khoán : FCS
3. Địa chỉ trụ sở chính : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM
4. Điện thoại : (028) 3967 2060
5. Fax : (028) 3967 2022
6. Người thực hiện công bố thông tin : Bà Đỗ Ngọc Nga
7. Loại thông tin công bố: Thông tin bất thường
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - Công bố Nghị quyết tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
 - Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
9. Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/6/2022 tại địa chỉ www.foodcosa.vn (Mục QUAN HỆ CỔ ĐÔNG/Đại hội đồng cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTKCKVN-CN TP.HCM;
- Lưu: VT.HY(2b).

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Ngọc Nga

Số: 07/NQ-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT SỐ 07

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-LT-HĐQT ngày 29/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh;
- Biên bản kiểm phiếu Lấy ý kiến số 03/BBKP-LT-HĐQT ngày 31/5/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua thời gian, địa điểm, nội dung, tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Thời gian: 08 giờ ngày 24 tháng 6 năm 2022.

2. Địa điểm: Văn phòng Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh số 1610 đường Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Tp.HCM.

3. Nội dung:

3.1. Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

3.2. Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

3.3. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021 - 2026)

3.4. Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021 - 2026)

3.5. Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

- Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

- Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2017 - 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 - 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017 - 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022
- Báo cáo tài chính năm 2017 - 2021 đã được kiểm toán
- Các Tờ trình thông qua Điều lệ, QC nội bộ, QC HĐQT, QC BKS, QC bầu cử
- Điều lệ công ty (sửa đổi, bổ sung)
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty
- Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát
- Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS
- Tờ trình về thực hiện giao dịch với các tổ chức có liên quan
- Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao năm 2017 - 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022
- Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ I (2016 – 2021) và danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021 – 2026)
- Các tờ trình khác và nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ – nếu có
- Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết
- Biên bản kiểm phiếu bầu cử
- Dự thảo Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
- Dự thảo Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Điều 2. Nội dung, tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được Công ty đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) và gửi cho cổ đông tham dự Đại hội theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các ông (bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ vào Quyết nghị này để phối hợp đầy đủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BKS Cty;
- Bộ phận công bố thông tin;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Quang Tâm



FOODCOSA

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39672060; Email: info@foodcosa.vn

Website : www.foodcosa.vn

THÔNG BÁO MỜI HỌP **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty với nội dung chi tiết như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00 phút, thứ Sáu ngày 24 tháng 6 năm 2022

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh

Số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Tp.Hồ Chí Minh

3. Thành phần tham dự: Tất cả Cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh tại thời điểm chốt danh sách ngày 01/4/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

4. Tài liệu cuộc họp: Kính đề nghị Quý cổ đông tham khảo/truy cập tài liệu Cuộc họp và mẫu Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 trên Website của Công ty tại địa chỉ website: www.foodcosa.vn (mục: quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong) từ ngày 01/6/2022.

5. Vấn đề ủy quyền và thông tin liên hệ:

Để công tác tổ chức Cuộc họp được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Cuộc họp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Cuộc họp **trước ngày 23 tháng 6 năm 2022** qua điện thoại/email/bưu điện. Trường hợp Quý cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể ủy quyền cho người đại diện theo mẫu ủy quyền của Công ty.

Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

- Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh
Số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (84-28) 39672060 ; Email: info@foodcosa.vn

- Liên hệ: Phó trưởng phòng TCHC - Thư ký HĐQT bà Trương Thị Ngọc Mão – Di động: 0918 636 611

Quý cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Cuộc họp ĐHCĐ vui lòng mang theo giấy CMND (hoặc Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu), Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự Cuộc họp (bản chính) để đăng ký dự họp.

Rất mong sự hiện diện của Quý cổ đông để Cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 thành công tốt đẹp.

Trân trọng thông báo và kính mời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ NICH
LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 6 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quang Tâm



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 39672060

Email: info@foodcosa.vn

Website : www.foodcosa.vn

FOODCOSA



....., ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN / GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Tên cá nhân/tổ chức:

Số CMND/GCNDKKD:..... ngày cấp nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần sở hữu: cổ phần (bằng chữ:))

Nay xác nhận: (chi đánh dấu "X" vào ô vuông bên trái để xác nhận)

Đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Không tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và ủy quyền cho:

Ông/Bà:(Chức vụ tại tổ chức (nếu có):.....)

Số CMND/GCNDKKD:..... ngày cấp..... nơi cấp

Địa chỉ:

(* *Hoặc thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh có tên dưới đây:*

Ông Nguyễn Quang Tâm, Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Thị Xuân Mai, Thành viên HĐQT

Được đại diện tôi tham dự, biểu quyết, bỏ phiếu và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 24/6/2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Tôi cam đoan không khiếu nại về kết quả biểu quyết, bỏ phiếu và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này.

Người nhận ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền (hoặc đăng ký dự)

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Việc ủy quyền tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông không chọn được người để ủy quyền thì có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT có tên tại mục () bằng cách đánh dấu "X" vào ô vuông bên trái tương ứng với người được chọn để ủy quyền.*

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

QUY CHẾ

Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 - 2026)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 07/NQ-LT-HĐQT ngày 31/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2022.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ II (2021-2026).

Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (gọi tắt là Quy chế) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định theo khoản 2 điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- Thành viên Hội đồng Quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác, có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành, quản lý của Công ty.



- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 3. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị

1. Giấy đề nghị/quyết định ứng cử, đề cử tham gia Hội đồng quản trị
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (*theo mẫu*).
3. Bản sao có công chứng các giấy tờ của các ứng viên không phải là thành viên đương nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: Hộ khẩu thường trú (*hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn*), bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước (*hoặc Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài*) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
4. Văn bản ủy quyền của Cổ đông pháp nhân cho ứng cử viên tham gia ứng cử đối với trường hợp ứng cử viên đại diện cho pháp nhân.

Điều 4. Điều kiện ứng cử, đề cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên tham gia ứng cử Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Giấy đề nghị/quyết định ứng cử, đề cử tham gia Ban Kiểm soát
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).
3. Bản sao có công chứng các giấy tờ của các ứng viên không phải là thành viên đương nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước (hoặc Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
4. Văn bản ủy quyền của Cổ đông pháp nhân cho ứng cử viên tham gia ứng cử đối với trường hợp ứng cử viên đại diện cho pháp nhân.

Điều 6. Các vấn đề khác

1. Mẫu hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.foodcosa.vn>, mục Đại hội đồng cổ đông.

2. Thời hạn đăng ký và gửi hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chậm nhất là 16 giờ 30 phút ngày 14/6/2022 (căn cứ theo dấu bưu điện).

Nơi nhận: Bà Trương Thị Ngọc Mão – Phó Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính; Thủ ký Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3.967.2060 ; Email: Vanthu@foodcosa.vn

Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài phong bì cần ghi rõ “**Hồ sơ ứng cử, đề cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và (hoặc) Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).**”

Nơi nhận:

- Cổ đông Cty;
- HĐQT, BKS;
- Sở GDCKHN, UBCKNN (Công bố TT);
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Quang Tâm

Số: 05/TB-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v ứng cử, đề cử để tổ chức bầu thành viên Hội đồng quản trị
và thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2021-2026)
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty Đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Quy chế về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026) ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng thông báo về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026) tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026) gồm 05 thành viên.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026) gồm 03 thành viên.

2. Hồ sơ ứng cử đề cử:

Quy chế ứng cử, đề cử và mẫu hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <https://www.foodcosa.vn>. Mục Đại hội đồng cổ đông.

3. Thời hạn đăng ký và gửi hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chậm nhất là 16 giờ 30 phút ngày 14/6/2022 (căn cứ theo dấu bưu điện, fax, email):

Nơi nhận: Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài phong bì cần ghi rõ “Hồ sơ ứng cử, đề cử tham gia thành viên Hội đồng quản trị và (hoặc) Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026)

Điện thoại: (028) 3.967.2060

Email: info@foodcosa.vn

(Hoặc: Vanthu@foodcosa.vn)



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY FOOD JOIN STOCK COMPANY

Địa chỉ : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 39672060

FOODCOSA

Website : www.foodcosa.vn

Email: info@foodcosa.vn

TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39672060; Email: info@foodcosa.vn

Website : www.foodcosa.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU
họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Số TT	Nội dung
1	Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)
2	Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)
3	Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
4	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
5	Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2017-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022
6	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017- 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022
7	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017-2021 và phương hướng hoạt động năm 2022
8	Báo cáo tài chính năm 2017 - 2021 đã được kiểm toán
9	Các Tờ trình thông qua Điều lệ, QC nội bộ, QC HĐQT, QC BKS, QC bầu cử
10	Điều lệ công ty (sửa đổi, bổ sung)
11	Quy chế nội bộ về quản trị công ty
12	Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị
13	Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát
14	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS
15	Tờ trình về thực hiện giao dịch với các tổ chức có liên quan
16	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao năm 2017 – 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022
17	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
18	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2021
19	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ I (2016 – 2021) và danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021 – 2026)
20	Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông
21	Biên bản kiểm phiếu biểu quyết + Biên bản kiểm phiếu bầu cử
22	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
23	Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
24	Mẫu Thẻ biểu quyết + Phiếu biểu quyết + Phiếu bầu cử

CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thời gian tổ chức: 8 giờ 00 phút, thứ Sáu ngày 24/6/2022

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh

Số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Tp.Hồ Chí Minh

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
7.00 – 8.00	- Đón tiếp đại biểu và khách mời; - Đăng ký cổ đông, phát tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.	Lễ tân Ban thẩm tra tư cách cổ đông
I. Nghi thức khai mạc cuộc họp		
8.00 – 8.15	- Chào cờ, tuyên bố lý do. - Giới thiệu đại biểu, Ban thẩm tra tư cách cổ đông. - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông. - Thông qua Quy chế làm việc. - Thông qua Chương trình cuộc họp. - Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.	Dẫn chương trình, Ban thẩm tra tư cách cổ đông
II. Nội dung cuộc họp		
8.15 – 10.00	- Phát biểu khai mạc.	Đoàn Chủ tịch
	Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động SXKD từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022	Đoàn Chủ tịch
	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022	Đoàn Chủ tịch
	Báo cáo hoạt động của BKS từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022	Kế toán trưởng
	Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2021	Ban kiểm soát
	- Các Tờ trình: 1. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; 2. Các tờ trình thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty, quy chế hoạt động HĐQT và quy chế hoạt động BKS. 3. Tờ trình về thực hiện giao dịch với các tổ chức có	Đoàn Chủ tịch

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
	liên quan 4. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao từ năm 2017 đến năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022; 5. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2022; 6. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ I năm 2016-2021. 7. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và giới thiệu danh sách bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026. 8. Các tờ trình khác và nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ – nếu có Đại biểu thảo luận và phát biểu ý kiến	
10.00 – 10.45	- Thông qua Quy chế bầu cử. Hướng dẫn bầu cử. - Cổ động bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử. - Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.	Ban kiểm phiếu
	Đại biểu nghỉ giải lao.	
10.45 – 11.00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả bầu cử.	Ban kiểm phiếu
11.00 – 11.15	- Thông qua Biên bản cuộc họp; - Thông qua Nghị quyết cuộc họp.	Ban Thư ký
III. Bế mạc		
11.15 – 11.30	Phát biểu bế mạc cuộc họp. Chào cờ bế mạc.	Đoàn Chủ tịch Dẫn chương trình

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày 24/6/2022.

Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Quy chế) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 quy định các nguyên tắc, quyền và nghĩa vụ các bên tham gia và cách thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Cuộc họp) của Công ty.
2. Quy chế này áp dụng đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (gọi tắt là người được ủy quyền dự họp) và các bên tham dự Cuộc họp.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ trên tinh thần đoàn kết, hợp tác.
2. Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Điều 3. Yêu cầu chung

1. Trang phục của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Cuộc họp đảm bảo yêu cầu lịch sự, trang trọng

2. Khi Cuộc họp bắt đầu cho đến khi kết thúc, người tham dự Cuộc họp có hành vi ứng xử văn minh, không gây mất trật tự trong Cuộc họp, không sử dụng nhạc chuông điện thoại (hoặc chỉ để chế độ im lặng).

3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm tham dự trong suốt thời gian diễn ra Cuộc họp. Trường hợp rời Cuộc họp trước khi kết thúc, cổ đông, người được ủy quyền dự họp liên hệ Thư ký để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Cuộc họp.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA CUỘC HỌP

Điều 4. Vốn điều lệ và số cổ phần biểu quyết

1. Ngày 29/09/2017, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 và ban hành Nghị quyết số 02/NQ-LT-ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty từ 294,500 tỷ đồng giảm còn 255,138 tỷ đồng do điều chỉnh giảm phần vốn Nhà nước 39,362 tỷ đồng tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 này đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng.

2. Từ năm 2017 đến nay, Công ty nhiều lần làm việc với cấp có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) nhưng vẫn chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết.

Tại Cuộc họp này, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tính/kiểm đếm theo 02 trường hợp (Cổ đông sẽ biểu quyết 02 lần cho cùng 01 nội dung xin ý kiến):

- Một là biểu quyết trên số cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại: 29.450.000 cổ phần (tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng).

- Hai là biểu quyết trên số cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 thông qua: 25.513.800 cổ phần (tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách (ngày 01/4/2022) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được quyền tham dự Cuộc họp.

2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

a) Tham dự, phát biểu tại Cuộc họp;

b) Ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) cho người đại diện tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp;

c) Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Cuộc họp với Ban thẩm tra tư cách cổ đông. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Cuộc họp, các điều kiện và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;

d) Thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp (hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp) tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

đ) Nhận tài liệu dự họp theo quy định, gồm có:

- 01 cuốn/bộ tài liệu là các văn bản báo cáo, quy chế, tờ trình và khác.

- 01 Thẻ biểu quyết (*màu trắng*) có ghi: số thứ tự, họ tên cổ đông hoặc đại diện cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết. Thẻ được sử dụng khi Chủ tọa Cuộc họp đề nghị biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Theo nội dung chương trình, khi Chủ tọa đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự:

+ Lần thứ nhất: Biểu quyết đồng ý.

+ Lần thứ hai: Biểu quyết không đồng ý.

+ Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến.

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được biểu quyết 01 lần (*đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến*) trên số cổ phần tương ứng với số cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành của Công ty và trên số cổ phần tương ứng với số cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 thông qua đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết.

- 01 Phiếu biểu quyết (*màu vàng, khổ giấy A4*) có ghi: số thứ tự, họ tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết và đầy đủ các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông.

- 01 Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II năm 2021-2026 (*màu xanh*).

- 01 Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 (*màu hồng*).

e) Thảo luận và phát biểu theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Cuộc họp.

g) Nghiêm túc chấp hành nội quy Cuộc họp, tôn trọng kết quả làm việc tại Cuộc họp;

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Cuộc họp và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:

a) Nhận đăng ký dự họp của Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp;

b) Kiểm tra điều kiện tham dự Cuộc họp của cổ đông hoặc đại diện cổ đông;

- c) Cấp phát tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu;
- d) Báo cáo trước Cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Cuộc họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Cuộc họp được quy định như sau:
 - a) Điều hành Cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hướng dẫn thảo luận, biểu quyết và trả lời các vấn đề được yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời;
 - b) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Cuộc họp sẽ mang tính phán quyết cao;
 - c) Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành Cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
 - d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp;
 - đ) Hoãn Cuộc họp đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người tham dự Cuộc họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm Cuộc họp không bảo đảm cho cổ đông tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày Cuộc họp dự định khai mạc.

3. Khi có những sự việc phát sinh ngoài chương trình Cuộc họp theo điểm b khoản 2 Điều này, Chủ tọa cuộc họp sẽ bàn bạc với các thành viên Hội đồng quản trị trước khi Cuộc họp bắt đầu và trong quá trình diễn ra Cuộc họp. Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến có sự ủng hộ của Chủ tọa Cuộc họp sẽ mang tính quyết định.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Cuộc họp

1. Thư ký Cuộc họp do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Thư ký Cuộc họp có nhiệm vụ sau:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Cuộc họp;
 - b) Tiếp nhận và chuyển cho Chủ tọa phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông;

c) Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Cuộc họp hoặc thông báo của Chủ tọa gửi đến cổ đông khi có yêu cầu;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công trong thời gian Cuộc họp tạm nghỉ.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử (phương thức bầu dồn phiếu);

b) Kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả bầu cử;

c) Kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết theo từng nội dung;

d) Bàn giao các biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử, phiếu biểu quyết cho Chủ tọa.

đ) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Chương III TIẾN HÀNH CUỘC HỌP

Điều 10. Điều kiện tiến hành Cuộc họp

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (Thời điểm này được ghi trong chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông và người được ủy quyền dự họp) mà cổ đông và người được ủy quyền dự họp đăng ký chưa đủ tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì xem như Cuộc họp chưa đủ điều kiện tiến hành. Trường hợp này, việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Thể thức tiến hành họp

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự quy định của Công ty.

2. Chương trình và nội dung họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nghi thức khai mạc Cuộc họp.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập;

b) Chủ tọa cử một số người (02 người) làm thư ký cuộc họp;

c) Đại hội đồng cổ đông bầu một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa Cuộc họp

Điều 12. Biểu quyết tại Cuộc họp

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến theo số cổ phần của cổ đông tham dự hoặc người được ủy quyền dự họp.

2. Đối với những vấn đề cần xin ý kiến quyết định ngay, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giao Thẻ biểu quyết (thẻ màu trắng). Đối với các báo cáo, tờ trình sử dụng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng). Kết quả kiểm phiếu là việc thu về, tập họp kiểm đếm số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

3. Nội dung biểu quyết được thông qua khi số phiếu thu về họp lệ đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV KẾT THÚC CUỘC HỌP

Điều 13. Thông qua Nghị quyết của Cuộc họp

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2. Nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội.

3. Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty được thông qua qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Biên bản Cuộc họp

Diễn biến Cuộc họp phải được Thư ký ghi thành biên bản. Biên bản được đọc và thông qua trước khi bế mạc Cuộc họp. Biên bản họp được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và được lưu giữ vào hồ sơ của Công ty.

Chương V CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 15. Một số quy định khác

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Cuộc họp. Các phát biểu yêu cầu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Cuộc họp đã được thông qua, tránh phát biểu trùng lặp nội dung đã được phát biểu trước đó. Trường hợp cần thiết để đảm bảo đúng thời gian cuộc họp, Chủ tọa có thể quy định thời gian phát biểu của Cổ đông. Cổ đông tham dự Cuộc họp có thể ghi các nội dung vào phiếu đăng ký phát biểu, gửi cho Thư ký trình Chủ tọa Cuộc họp.

2. Trường hợp muốn ghi âm, ghi hình, live stream phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tọa Cuộc họp. Việc ghi âm, ghi hình, live stream này không được cản trở hoạt

động bình thường của Chủ tọa, Thư ký, khách mời, các cổ đông và toàn bộ quá trình diễn ra Cuộc họp.

3. Trục xuất ngay lập tức những người không tuân thủ quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Chương VI **HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 6 chương, 16 điều được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra vào lúc 8 giờ 00 ngày 24 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /BC-LT-KD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ban điều hành Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) kính báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017 và phương hướng SXKD năm 2018 của Công ty, cụ thể như sau:

Phần A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2017 tình hình kinh doanh lương thực trong nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt từ những doanh nghiệp cùng ngành. Thị trường xuất khẩu gạo không có những hợp đồng tập trung với số lượng lớn. Giá cả trong nước biến động bất thường theo nhu cầu xuất khẩu của các hợp đồng thương mại. Tại Công ty cũng không tránh khỏi xu hướng trên và do không có nguồn vốn kinh doanh nên hoạt động kinh doanh lương thực của Công ty tạm thu hẹp lại.

Trong quá trình thực hiện SXKD, Công ty gặp những thuận lợi và khó khăn sau:

1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự đồng thuận từ 02 Cổ đông lớn: Tổng công ty Lương thực miền Nam là công ty xuất khẩu gạo hàng đầu cả nước và Công ty cổ phần Đầu tư SFC là công ty trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

- Công ty hiện có 07 Xí nghiệp chế biến lương thực với tổng năng lực sản xuất khoảng 412.800 tấn nguyên liệu/năm. Kho tàng, nhà xưởng nằm trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, vùng lúa trọng điểm của cả nước. Các mặt bằng chuỗi cửa hàng bán lẻ ở hầu hết ở các quận huyện TP.HCM và một cửa hàng ở khu vực Tây Nguyên.

- Nguồn nhân lực: có nhiều thuận lợi do kế thừa lực lượng lao động có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực lương thực, tập thể đoàn kết vượt qua khó khăn nhằm duy trì sản xuất, ổn định thu nhập cho người lao động.

2. Khó khăn

a. Về nguồn lực tài chính

- Các tài sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị tại các xí nghiệp hiện nay chỉ khai thác được 1/10 năng suất so với năng lực bán ra hiện tại. Các mặt bằng đất đai hiện nay chủ yếu là đất thuê, do đó việc thế chấp các mặt bằng để vay vốn ngân hàng gặp nhiều khó khăn do một số ngân hàng không nhận thế chấp các tài sản này. Công ty phải gánh chịu chi phí khấu hao không sản lượng phát sinh cao trong khi Công ty chưa có biện pháp sử dụng hiệu quả các tài sản, gánh nặng chi phí tiền thuê, thuế đất.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty nằm hết trong tài sản cố định, không có nguồn vốn kinh doanh, vốn lưu động âm (*Thời điểm 01/9/2016, vốn lưu động Công ty âm trên 41 tỷ đồng*). Kết quả kinh doanh chưa thật sự hiệu quả dẫn đến vốn lưu động của Công ty ngày càng thiếu hụt trầm trọng hơn, mọi hoạt động kinh doanh đều phải vay vốn. Tình hình tài chính quá khó khăn và kết quả kinh doanh chưa hiệu quả, Công ty chưa thể huy động được nguồn vốn từ ngân hàng.

b. Về kinh doanh

- Đối với ngành hàng lương thực: Năng lực kinh doanh của Công ty còn nhiều hạn chế, còn phụ thuộc vào chỉ tiêu của Tổng Công ty từ các hợp đồng tập trung, chưa có mối liên hệ giữa năng lực sản xuất và năng lực bán ra. Năng lực về khai thác khách hàng chưa tốt, việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường thương mại còn gặp nhiều khó khăn, khả năng bán hàng còn hạn chế nên chưa tìm kiếm được thêm khách hàng mới. Công ty không huy động được vốn từ các ngân hàng thương mại nên không có vốn cho hoạt động SXKD lương thực, Công ty đang thu hẹp hoạt động của các xí nghiệp lương thực.

- Đối với chuỗi cửa hàng tiện ích và cửa hàng xăng dầu: trước sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới và khu vực có xu thế đẩy mạnh tham gia vào thị trường Việt Nam như FamilyMart, B's mart, Ministop, Circle K... và trong nước như Satrafood, Vinmart,... Công ty chưa có chiến lược đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa trong lĩnh vực bán lẻ dẫn đến thị phần kinh doanh chuỗi cửa hàng bán lẻ sụt giảm, không đủ sức cạnh tranh các nhà bán lẻ lớn đang đẩy mạnh tham gia vào thị trường Việt Nam. Đối với xăng dầu, với nguồn vốn còn nhiều hạn chế, Công ty mất đi cơ hội dự trữ tại thời điểm giá thích hợp khi nhận định xu hướng giá tăng nên lãi gộp chưa đạt mức kỳ vọng.

- Về khai thác dịch vụ: trong tình hình quá khó khăn, Công ty đã chỉ đạo các Xí nghiệp lương thực tận dụng khai thác dịch vụ triệt để như nhận gia công, nhận dịch vụ gửi giữ hàng hóa để bù đắp phần nào định phí của Công ty. Tuy nhiên, nguồn thu từ những dịch vụ này còn rất ít và không thể bù đắp được chi phí tiền lương tại các đơn vị, chưa kể các khoản định phí khác như khấu hao, thuê đất, chi phí sửa chữa nhỏ thường xuyên.

II. Kết quả thực hiện năm 2017

1. Về kết quả thực hiện SXKD năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Năm 2017	Tỷ lệ % so với KH
I.	MUA VÀO				
1.	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	150.000	1.195	0,79
2.	Xăng, dầu, nhớt	tỷ đồng	172	134	78
3.	Công nghệ phẩm & hàng khác	tỷ đồng	561	630	112,3
II.	BÁN RA				
1.	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	150.000	29.286	19,5
-	rong đó: XKTT, XKUT	tấn	60.000	425	0,7
2.	Phụ phẩm	tấn	47.652	627	1,3
3.	Xăng, dầu, nhớt	tỷ đồng	195	145	74,35
4.	Công nghệ phẩm & hàng khác	tỷ đồng	581	654	112,6
5.	Khai thác dịch vụ	tỷ đồng		25	
III.	TỔNG DOANH THU	tỷ đồng	2.275	1.054	46,3
IV.	LỢI NHUẬN	tỷ đồng	15	- 63,635	
V.	NỢ NGÂN SÁCH	tỷ đồng	29,7	18,865	63,5

- Sản lượng mua vào: 1.195 tấn (quy gạo) đạt 0,79% so kế hoạch. Sản lượng bán ra: 29.286 tấn (quy gạo) đạt 19,5% so kế hoạch. Doanh thu: 1.054 tỷ đồng đạt 46,3% so kế hoạch. Lợi nhuận lỗ 63,635 tỷ đồng.

- Cánh đồng lớn: Vụ Đông Xuân 2016-2017 và Hè Thu 2017, Công ty ký kết hợp đồng với Hội nông dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để liên kết sản xuất lúa theo phương thức 3 (khả năng tài chính và công tác quản lý sản xuất để phát huy hiệu quả) với tổng diện tích 2.300 ha, sản lượng thu hoạch ước 13.300 tấn lúa Jasmine và 2.800 tấn lúa IR50404. Tuy nhiên do tình hình biến động giá và thiếu nguồn vốn nên Công ty không thực hiện được.

2. Tình hình tài chính

Năm 2017 lợi nhuận lỗ 63,635 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến 1/12/2017: 95,131 tỷ đồng. Tình hình tài chính khó khăn, Công ty chưa ngăn chặn được lỗ nên không huy động được vốn từ ngân hàng trong năm 2017 Công ty chỉ tập trung trả nợ vay ngân hàng năm trước chuyển sang với số tiền: 221,28 tỷ đồng tỷ đồng vay các tổ chức khác như Công ty cổ phần đầu tư SFC (SFC): 15 tỷ đồng; Công ty cổ phần Song Ngọc với số tiền: 20 tỷ đồng và ông Công ty hỗ trợ: 75,50 tỷ đồng (ứng tiền theo hợp đồng mua bán gạo). Đến nay, tuy Công ty không còn dư nợ ngân hàng nợ vay các tổ chức khác nhưng các khoản nợ phải trả đến hạn chưa thể cấn đổi được khoảng 93,74 tỷ đồng, gồm: nợ Tổng công ty: 83,88 tỷ đồng (trong đó, nợ tiền gạo: 26,46 tỷ đồng, nợ về quỹ hỗ trợ sắp xếp DN: 57,42 tỷ đồng); nợ về Bộ tài chính: 7,5 tỷ đồng; nợ Công ty Lương thực Long An:

2,365 tỷ đồng. Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn: 567,118 tỷ đồng (trong đó: phải trả nhà nước tiền giá trị quyền sử dụng đất tăng thêm do xác định giá trị doanh nghiệp là 561,416 tỷ đồng tạm tính theo phương án giao đất) Công ty cũng chưa c n đối được nguồn để trả khoản nợ dài hạn này.

3. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

ì nh hình khó khăn về tài chính và kinh doanh đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa hiệu quả, lỗ: , 5 tỷ đồng. Một số nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ như sau:

1. Do Công ty không có vốn hoạt động, với áp lực trả nợ vay ngân hàng đã quá hạn lớn, có nguy cơ ảnh hưởng tới các văn bản bảo lãnh của Tổng công ty đối với Công ty nên Công ty buộc phải bán hàng tồn kho trong điều kiện giá thị trường không thuận lợi nên không có lãi gộp (chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn âm 14,295 tỷ đồng).

2. Công ty không có vốn lưu động để sản xuất kinh doanh, nguồn vốn để Công ty tổ chức SXKD chủ yếu là vốn vay nên chi phí lãi vay phát sinh do không có nguồn vốn kinh doanh 4,059 tỷ đồng. Trong đó, hệ thống chuỗi bán lẻ: 1,12 tỷ đồng, tồn kho lương thực: 2,939 tỷ đồng.

3. Do không có lợi nhuận gộp nên các khoản định phí, chi phí chưa bù đắp được 44,214 tỷ đồng gồm: chi phí khấu hao SC Đ, ph n bổ: 26,753 tỷ đồng; Lương và các khoản theo lương: 14, 4 tỷ đồng; chi phí trợ cấp mất việc làm (do thực hiện tái cấu trúc về nhân sự): 2,797 tỷ đồng; tiền thuê đất bị truy thu từ những năm trước: 0,97 tỷ đồng.

4. Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại Công ty CP Phú am Khôi, Công ty DV Đồng Thịnh được kế thừa từ Công ty TNHH hoạt động không hiệu quả nên phát sinh khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư lỗ: 1,067 tỷ đồng. Nên hiện nay Công ty đang làm thủ tục để trình Tổng công ty xem xét việc thoái vốn tại các đơn vị này.

- Tổng cộng các nguyên nhân $(1+2+3+4) = 63,635$ tỷ đồng.

4. Một số mặt công tác đã thực hiện

a) *Về công tác bàn giao Công ty cổ phần:* Công ty đã hoàn tất các thủ tục bàn giao Công ty TNHH sang Công ty cổ phần.

b) *Về công tác tài chính kế toán*

- Hoàn thành đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính, kê khai thuế, các mẫu báo cáo định kỳ và đảm bảo công bố thông tin định kỳ trên thị trường chứng khoán đúng quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát kịp thời về công tác tài chính kế toán. Báo cáo các số liệu về kế toán, thống kê đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành Công ty. Không ngừng cập nhật các quy định Pháp luật hiện hành về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước; luật thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát thanh lý các công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng, không phát sinh công nợ khó đòi mới.

- Việc huy động vốn, Công ty đã tích cực làm việc với các ngân hàng để tái cấp hạn mức tín dụng theo nhiều hình thức khác nhau như tín chấp, thế chấp tài sản,..... Tuy nhiên, do tình hình tài chính xấu, Tổng Công ty không bảo lãnh, việc thế chấp tài sản để vay vốn còn gặp nhiều khó khăn nên Công ty chưa huy động được vốn ngân hàng. Công ty tận dụng tối đa nguồn vốn từ công nợ chậm trả đối với các khách hàng, tranh thủ huy động nguồn vốn từ Công ty cổ phần Đầu tư SFC, Công ty cổ phần Đầu tư Song Ngọc để duy trì hoạt động chuỗi cửa hàng FoodcoMart Sài Gòn, đặc biệt là sự hỗ trợ từ phía Tổng công ty.

c) Về công tác đầu tư, kỹ thuật

- Các hạng mục đầu tư, mua sắm không phát sinh trong năm 2017. Công ty thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng,... tại các Xí nghiệp, đảm bảo công tác vận hành bình thường. Dự án Trạm xăng dầu tại E1/4 Nguyễn Hữu Trí, Quận 1, Bình Chánh: Công ty đã làm việc với đơn vị thiết kế để lập các phương án thiết kế sơ bộ.

- Sau cổ phần hóa Công ty quản lý sử dụng 70 cơ sở nhà, đất, hiện nay còn lại 69 cơ sở (1 cơ sở tại các tỉnh và 56 cơ sở tại TPHCM). Có 09/12 cơ sở tại các tỉnh đang hoạt động sản xuất kinh doanh đã hoàn tất chuyển đổi pháp lý sang Công ty cổ phần, 03/12 cơ sở đang hoàn tất, 01 cơ sở trả đất bàn giao cho địa phương quản lý sử dụng (Tỉnh Bình Thuận), 5 cơ sở tại TPHCM chưa có ý kiến của các cấp có thẩm quyền về phương án sử dụng đất.

- Về hoạt động hợp tác liên doanh, liên kết, Công ty đang làm việc với các đối tác của dự án tại số 400 Nguyễn Duy (Công ty cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành), dự án số 1 10 Võ Văn Kiệt (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim) và 161 Trần Huy Liệu (Công ty Cổ phần Phú Lâm Khôi) để có phương án đề xuất phù hợp.

d) Về cơ cấu tổ chức bộ máy, lao động- tiền lương và chế độ chính sách

- Ban lãnh đạo Công ty đã có đánh giá và nỗ lực thích nghi với mô hình Công ty mới, thực hiện sắp xếp lại cơ cấu bộ máy và lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Sáp nhập phòng Kế hoạch - Kinh doanh và phòng Xuất nhập khẩu thành phòng Kinh doanh; thành lập phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông trên cơ sở tách bộ phận Công nghệ thông tin thuộc phòng Tổ chức - Hành chính. Tạm thu hẹp hoạt động SXKD tại 6/7 Xí nghiệp lương thực. Các Xí nghiệp đều phải tăng cường khai thác dịch vụ gia công, giữ hàng, ... nhằm tăng doanh thu, bù đắp một phần chi phí phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty sắp xếp lại các cửa hàng tiện ích hoạt động không hiệu quả để chuyển sang hình thức kinh doanh khác.

- Tổng số lao động thời điểm ngày 1/12/2017 : 417 người (trong đó nữ 15 người). Tổng số lao động có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2017: 270 người (trong đó nữ 108 người) (*Bố trí lao động tại khối Văn phòng 42 người, khối Xí nghiệp 58 người, Khối FoodcoMart 170 người*). So thời điểm 31/12/2016, giảm 147 lao động, tỷ lệ giảm 35%. Số lao động tuyển dụng mới trong năm 2017 là 90 người. Số lao động chấm dứt HĐLĐ trong năm là 237 người (có 02 trường hợp nghỉ hưu).

+ Phân tích theo loại hợp đồng lao động (HĐLĐ): HĐLĐ không xác định thời hạn 211 người (tỷ lệ 78,15%, trong đó có 03 người không ký HĐLĐ là HĐQT, BKS), HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến năm 45 người (tỷ lệ 16,67%), HĐLĐ mùa vụ từ 0 đến 06 tháng 11 người (tỷ lệ 4,07%) và HĐLĐ thử việc 0 người (tỷ lệ 1,11%).

+ Phân tích theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ: trên đại học 01 người (tỷ lệ 0,7%), Đại học 71 người (tỷ lệ 25,37%), Cao đẳng, Trung cấp 55 người (tỷ lệ 20,37%), Phổ thông, nghề, thợ 14 người (tỷ lệ 5,29%).

- Năm 2017, Quỹ tiền lương đối với người quản lý 1.280.854 đồng (tiền lương bình quân 17,79 triệu đồng/người/tháng); Quỹ tiền lương đối với người lao động 21.948.102 đồng (tiền lương bình quân 5,79 triệu đồng/người/tháng); Thù lao người quản lý không chuyên trách 124.000.000 đồng.

- Mặc dù tình hình hoạt động SXKD của Công ty vô cùng khó khăn nhưng Ban điều hành vẫn đảm bảo thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như: giao kết HĐLĐ, tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ,... Trong năm 2017, số tiền mà Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc lên đến 3,366 tỷ đồng.

e) Về công tác công nghệ thông tin và truyền thông

- Công ty đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 03/3/2017 và thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo qui định như báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo tài chính định kỳ, Đại hội đồng cổ đông, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021,...

- Hệ thống Website mới của Công ty đã cơ bản hoàn thiện nhằm đảm bảo các yêu cầu về quảng bá hình ảnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công bố thông tin đáp ứng nhu cầu hiện tại của Công ty. Từng bước hoàn thiện, củng cố và nâng cao mức độ bảo mật cơ sở dữ liệu, đảm bảo an ninh an toàn mạng trong toàn bộ hệ thống CNTT của Công ty. Thử nghiệm việc đồng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, mua bán hàng hóa, nghiệp vụ Công ty.

g) Công tác pháp chế, an toàn VSLĐ – PCCC, phòng chống tham nhũng

- Thực hiện các quy chế, đồng thời tiến hành xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy chế cho phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty (Quy chế chi tiêu nội bộ,...). Chế độ báo cáo Tổng Công ty theo quy định. Tiếp tục theo sát các vụ kiện còn lại của Công ty (Vụ kiện nhà 57 Nguyễn Thị Minh Khai đang chờ Giám đốc thẩm và vụ khu đất của Cửa hàng xăng dầu Tam Bình).

- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng, thực hiện kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Lập kế hoạch và báo cáo công tác phòng chống tham nhũng đúng quy định. Thực hiện kê khai tài sản thu nhập năm 2017 với những người có nghĩa vụ kê khai (30 người) theo quy định.

h) Công tác thi đua – khen thưởng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Phối hợp cùng đoàn thể, Công ty phát động và vận động cán bộ, nhân viên và người lao động hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo với mục tiêu “năng suất, chất lượng, hiệu quả và bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” phong trào phát huy sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh; phong trào phòng chống cháy nổ; phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giảm chi phí trong quản lý, trong tiêu hao nguyên nhiên vật liệu; nâng cao hiệu suất của máy móc, thiết bị, tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao, giá thành thấp để cạnh tranh và tham gia hội nhập khu vực và quốc tế phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao. Qua công tác tuyên truyền và phát động thi đua cùng với việc triển khai các văn bản về công tác thi đua khen thưởng đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong đội ngũ người lao động trong việc hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả năm 2017, Công ty có 06 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều tập thể và cá nhân đạt thành tích tốt được Tổng giám đốc Tổng Công ty tặng bằng khen và Tổng giám đốc Công ty tặng giấy khen.

- Thực hiện có kết quả phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi hoạt động, đặc biệt là tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu trong việc tổ chức hội họp, tiếp khách, hội thảo; vận dụng tốt thiết bị công nghệ thông tin trong việc chuyển tải tài liệu, gửi và tiếp nhận văn bản nhằm tiết kiệm giấy, mực in, cước phí bưu điện; sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất. Kết quả năm 2017 tiết kiệm được 575 triệu đồng.

i) Hoạt động đoàn thể (Công đoàn và Đoàn Thanh niên)

Các tổ chức đoàn thể của Công ty chủ động hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức, hoàn thành tốt công tác, tuyên truyền, vận động người lao động triệt để tiết kiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Ban điều hành Công ty tạo mọi điều kiện cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên phát huy vai trò và chức năng của mình, phối hợp phát động các phong trào thi đua, triển khai công tác tổng kết và bình xét thi đua khen thưởng năm 2017. Kết quả thi đua năm 2017, Công Đoàn và Đoàn thanh niên Công ty đều đạt danh hiệu vững mạnh.

5. Các vấn đề chưa thực hiện được còn hạn chế

- Mặc dù đã chuyển sang hình thức Công ty cổ phần nhưng Công ty vẫn chưa thể nắm bắt đổi mới kịp thời với hoạt động của mô hình Công ty mới, chưa tìm được giải pháp phù hợp trong tình hình kinh doanh còn gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh không đạt được so với kỳ vọng.

- Công ty chưa có giải pháp phù hợp để tổ chức thực hiện việc tái cơ cấu lại tổ chức, tăng cường và nâng cao hoạt động kinh doanh và lành mạnh tài chính của Công ty.

- Sau khi thực hiện giảm vốn điều lệ theo Quyết định phê duyệt Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã làm các thủ tục cần thiết để đăng ký lại

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới nhưng chưa thực hiện được. Công ty cũng đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ Công ty việc tháo gỡ khó khăn, về vấn đề này đến nay vẫn chưa được xem xét giải quyết, Công ty vẫn tiếp tục liên hệ Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường thương mại còn gặp nhiều khó khăn chưa có đột phá, đ y cũng là lý do chính về sức cạnh tranh kém về giá (do giá thành cao và Công ty chưa đa dạng hóa sản phẩm). Khả năng bán hàng còn hạn chế nên chưa tìm kiếm được thêm khách hàng mới. Về chuỗi của hàng bán lẻ chưa mạnh dạn đầu tư để n ng cao cơ sở vật chất tại các cửa hàng, cũng như có chiến lược đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa trong lĩnh vực bán lẻ dẫn đến thị phần kinh doanh chuỗi cửa hàng bán lẻ sụt giảm.

- Công ty chưa chủ động để tìm hướng đi mới để hoạch định chiến lược kinh doanh n ng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như tìm những giải pháp kinh doanh có hiệu quả hơn trong giai đoạn khó khăn của ngành lương thực (chưa tìm được mặt hàng kinh doanh thay thế).

- Tài sản, máy móc thiết bị, cơ sở nhà đất: hồ sơ pháp lý chưa đầy đủ dẫn đến việc bán, thanh lý các tài sản này không thể thực hiện được, vẫn còn một số cơ sở nhà đất chưa chuyển tên sang Công ty cổ phần và trong năm 2017 cơ chế Nhà nước cũng chưa cho phép Công ty thực hiện. Ngoài ra, đối với các dự án liên doanh liên kết Công ty đang làm việc với các đối tác để thực hiện thoái vốn tại các đơn vị này nhưng chưa thực hiện được.

- Công ty chưa thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do tình hình tài chính của Công ty không tốt.

- Công ty chưa có chính sách tuyển dụng, chiêu đãi, thu hút, giữ nh n tài người đứng đầu tại các xí nghiệp vẫn còn nhiều thụ động, chưa chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng, đề xuất phương án kinh doanh mới trong tình hình không có vốn hiện nay. Đối với lực lượng lao động trẻ thì chưa phát huy được hết tính sáng tạo, sự năng động, nhiệt tình. Đối với lực lượng lao động làm việc tại Công ty từ 5 năm trở lên và có nhiều kinh nghiệm nhưng phần lớn thiếu năng động, ngại đấu tranh và ngại va chạm, thiếu tinh thần sáng tạo trong công việc.

- Công ty vẫn chưa có cơ chế trả lương chưa gắn liền với kết quả lao động, hiệu quả công việc do đó không có khả năng kích thích người lao động tăng năng suất lao động.

- Chưa thể hợp nhất được được hệ thống phần mềm giữa văn phòng Công ty và các chi nhánh trực thuộc ảnh hưởng đến phần nào công tác báo cáo cập nhật số liệu lập báo cáo mất nhiều thời gian và công sức.

Phần B

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. Nhận định tình hình

Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) nhận định xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm 2018 sẽ tăng tốc, các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết từ đầu năm 2018 tăng mạnh cả về số lượng lẫn giá bán so với cùng kỳ năm ngoái. Indonesia đã quay lại thị trường và nhập khẩu gạo ngay từ đầu năm 2018 sau nhiều năm giảm mua. Nhìn chung các doanh nghiệp xuất khẩu gạo dự báo lạc quan về xuất khẩu gạo trong năm nay. Tuy nhiên, trước diễn biến giá xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng cao, tình hình xuất khẩu gạo trong thời gian tới rất khó dự đoán, dự báo.

II. Mục tiêu

Theo định hướng của Công ty và căn cứ vào năng lực sản xuất, trang thiết bị, kho tàng thực tế tại từng Chi nhánh của Công ty, Công ty tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch thu mua, sản xuất chế biến nhằm bán trực tiếp cho khách hàng, cung ứng cho Tổng Công ty, xuất khẩu trực tiếp, bán cho các đơn vị ngoài và tham gia bình ổn thị trường gạo, đảm bảo an ninh lương thực, góp phần thực hiện thành công những mục tiêu đề ra.

III. Kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2018

Trên cơ sở định phí năm 2017 và định phí tối thiểu của năm 2018, Công ty dự kiến triển khai kế hoạch SXKD năm 2018 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
I.	MUA VÀO		
1.	Lúa gạo (quy gạo thành phẩm)	<i>tấn</i>	60.000
2.	Xăng, dầu, nhớt	<i>tỷ đồng</i>	142
3.	Công nghệ phẩm & hàng khác	<i>tỷ đồng</i>	421
II.	BÁN RA		
1.	Lúa gạo (quy gạo thành phẩm)	<i>tấn</i>	60.000
	rong đó,		
	+ XKTT và UT	<i>tấn</i>	40.000
	+ Cung ứng và nội địa	<i>tấn</i>	20.000
2.	Doanh thu Xăng, dầu, nhớt	<i>tỷ đồng</i>	158
3.	Doanh thu Công nghệ phẩm	<i>tỷ đồng</i>	428
4.	Khai thác dịch vụ	<i>tỷ đồng</i>	43
III.	TỔNG DOANH THU	<i>tỷ đồng</i>	1.327
IV.	LỢI NHUẬN (trước thuế)	<i>tỷ đồng</i>	0,360
V.	NỢP NGÂN SÁCH	<i>tỷ đồng</i>	21
VI.	ĐẦU TƯ XDCB	<i>tỷ đồng</i>	8,5
VII.	QUỸ TIỀN LƯƠNG	<i>tỷ đồng</i>	19

Công ty định hướng và xác định kinh doanh lương thực vẫn là ngành nghề kinh doanh chính, đưa lên hàng đầu, bao gồm xuất khẩu trực tiếp, bán nội địa và tham gia bình ổn thị trường. Kế hoạch năm 2018 và những năm tiếp theo vẫn tập trung chính vào lĩnh vực kinh doanh lương thực và cửa hàng tiện ích, triển khai tốt công tác tham gia

binh ổn thị trường, phát huy tối đa chức năng bình ổn thị trường của hệ thống cửa hàng. Tiếp tục theo dõi, cập nhật sát sao tình hình thị trường, sẵn sàng kinh doanh lương thực ngay khi tiếp cận được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng. ăng cường khai thác dịch vụ gia công, giữ hộ hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty tổ chức kinh doanh các mặt hàng khác theo khả năng của đơn vị, đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn vốn và phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 cụ thể như sau:

1. Mảng kinh doanh lương thực

a) Giải pháp về nguồn vốn

- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để tái cấp hạn mức tín dụng thông qua nhiều hình thức như tín chấp, đưa các hồ sơ tài sản để ngân hàng thẩm định và xem xét cấp hạn mức trên cơ sở thế chấp tài sản, vay theo từng món khi ký được hợp đồng bán (trên cơ sở Phòng Kinh doanh Công ty xây dựng phương án kinh doanh khả thi có hiệu quả làm cơ sở để các ngân hàng xem xét).

- Tranh thủ mọi cơ hội để có thể huy động vốn nhằm để Công ty duy trì hoạt động, từng bước khắc phục và vượt qua khó khăn, tranh thủ huy động nguồn tài trợ từ các tổ chức khác như Công ty cổ phần Đầu tư SFC; Công ty cổ phần Đầu tư Song ộc, Tổng công ty.

- Tổng công ty xem xét hỗ trợ giao chỉ tiêu cung ứng, xuất khẩu ủy thác nhằm giúp hỗ trợ đầu ra đối với Công ty, ứng vốn để Công ty thực hiện hợp đồng cung ứng. Hỗ trợ Công ty cơ chế đặc thù riêng để Công ty có thể thanh lý được các Xí nghiệp lương thực đang dư thừa công suất, tăng vốn điều lệ.

- Tạo nguồn vốn để hoạt động thông qua việc tận dụng tối đa nguồn vốn chiếm dụng từ khách hàng (chính sách trả chậm, công nợ ứng trước,..) để giảm tối đa chi phí sử dụng vốn, nâng cao vòng quay hàng hóa tồn kho, vòng quay vốn, luân chuyển nhanh nguồn vốn để bù đắp phần nguồn vốn kinh doanh đang thiếu hụt trầm trọng. ăng cường tìm kiếm khách hàng để mở rộng hoạt động khai thác dịch vụ, tận dụng công suất máy móc, thiết bị (gia công ngoài, giữ hộ hàng hóa, khai thác bến cảng,...) nhằm tạo thêm nguồn tiền bù đắp chi phí quản lý, thuê đất, xoay vòng vốn để mua hàng hoá kinh doanh.

- Duy trì hoạt động tại các Xí nghiệp Satake, Cửu Long, Mỹ Thới (khi có vốn kinh doanh gạo). Đối với các Xí nghiệp còn lại hiện đang dư thừa công suất, Công ty xây dựng phương án thế chấp các tài sản này cho Tổng công ty để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả Tổng công ty (sau khi được SFC chấp thuận) hoặc làm cơ sở để thế chấp cho các ngân hàng để vay vốn.

b) Giải pháp về kinh doanh

* ***Về kinh doanh xuất nhập khẩu:*** Tập trung đẩy mạnh công tác thị trường: gắn kết các khách hàng truyền thống, nối lại quan hệ với các khách hàng cũ và tìm kiếm

thêm khách hàng mới để có thể ký bán thêm các hợp đồng thương mại đối với gạo trắng và gạo thơm. Cụ thể:

- Tiếp tục củng cố chất lượng hàng hóa đối với các khách hàng truyền thống về gạo thơm, gạo đặc sản xuất khẩu đi Hongkong, Singapore, Qatar hiện đang bán với số lượng nhỏ, giá cao.

- Nối lại quan hệ với các khách hàng cũ như Opefer, Olam, Phoenix ... để ký bán gạo trắng, gạo thơm với số lượng lớn, dù hiệu quả thấp nhưng tạo đầu ra cho sản xuất tại các Xí nghiệp của Công ty.

- Mở rộng thị trường mới: như tích cực tham gia các hội thảo về lương thực... từ đó tranh thủ quảng bá giới thiệu hình ảnh mới của Công ty trong danh sách các nhà cung ứng gạo để có thể tham gia đấu thầu cung cấp gạo; kết nối lại thị trường Châu Phi...

- Xây dựng bổ sung đội ngũ cán bộ, nhân viên bán hàng giỏi ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu giao dịch, đàm phán với khách hàng. Giao nhiệm vụ và phân công cụ thể cán bộ tham mưu cập nhật thường xuyên, kịp thời thông tin có giá trị về biến động giá cả lương thực trong và ngoài nước, có khả năng phân tích tương đối về tình hình nguồn cung cầu ứng với từng thời điểm nhất định.

*** Về sản xuất kinh doanh nội địa**

- Tìm kiếm, liên kết với các đơn vị trong và ngoài Tổng Công ty để cung ứng, ủy thác xuất khẩu nhằm giải quyết đầu ra cho sản phẩm.

- Giao giá mua cho các Xí nghiệp trực thuộc một cách tốt nhất để mang lại hiệu quả cao nhất. Quản lý chặt chẽ các khâu thu mua, sản xuất theo đúng định mức kinh tế - kỹ thuật, tăng cường tối đa tiết kiệm trong sản xuất nhằm giảm chi phí, hạ giá thành để tăng tính cạnh tranh trên thị trường đồng thời đảm bảo chất lượng để củng cố thương hiệu gạo của Công ty.

- Xây dựng, điều chỉnh các quy chế giao chỉ tiêu, giao giá cho các Xí nghiệp trực thuộc nhằm phát huy tính chủ động của đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, song song đó tăng cường các khâu kiểm tra, giám sát của Công ty nhằm đảm bảo chặt chẽ tiền - hàng luân chuyển.

*** Cảnh đồng lớn:** Tiếp tục xúc tiến làm việc tiến tới ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa của nông dân, thông qua Hợp tác xã, Nông dân và chính quyền địa phương theo phương thức 3, tập trung chủ yếu tại tỉnh An Giang.

2. Về xăng dầu và công nghệ phẩm

- Tập trung củng cố hệ thống cửa hàng tiện ích, sắp xếp lại cơ cấu mặt hàng, ngành hàng, trưng bày hàng hóa tại các cửa hàng phù hợp với đối tượng mà cửa hàng hướng tới. Tăng số lượng những mặt hàng mang lại hiệu quả tốt theo từng thời điểm. So sánh hiệu quả sử dụng vốn để đầu tư kinh doanh từng mặt hàng (gạo, công nghệ phẩm, xăng dầu...) để chọn ra đúng mục tiêu và tập trung tối ưu hóa việc đầu tư vốn vào kinh doanh mặt hàng đó. Lập phương án kinh doanh có phê duyệt đối với từng ngành hàng, đánh giá

tổng kết hiệu quả sau khi thực hiện.

- r ong công tác mua hàng, đặt hàng: gắn mua hàng với bán hàng một cách chặt chẽ, đảm bảo mua vào những hàng hóa phù hợp với cơ cấu hàng hóa cần có để bán và bán được với mức giá cạnh tranh, phù hợp với thị trường.

- ăng cường quảng bá thương hiệu FoodcoMart. Tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi đi đôi với việc chấn chỉnh phong cách phục vụ, nâng cao khả năng giới thiệu sản phẩm hàng hóa của nhân viên bán hàng. Nhượng quyền thương hiệu cửa hàng Foodco a rt để thêm thu nhập, mặc khác quảng bá và n ăng cao được thương hiệu chuỗi cửa hàng tiện ích. Khai thác tối đa dịch vụ cho thuê quầy kệ, chuẩn hóa trưng bày sản phẩm và các dịch vụ tiện ích khác để tăng thu nhập cho cửa hàng.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trạm xăng dầu tại E1/4 Nguyễn Hữu Trí, Tân Túc, Bình Chánh đưa vào hoạt động năm 2018 vì mặt hàng này kinh doanh hiệu quả và có lãi.

- Thực hiện tốt việc kiểm soát, dùng kịp thời các mặt hàng chậm luân chuyển, thay thế mặt hàng mới theo nhu cầu thị trường (trừ mặt hàng thuộc đối tượng bình ổn thị trường).

3. Khai thác dịch vụ

- Tận dụng công suất máy móc, thiết bị tại các Xí nghiệp qua các hình thức gia công chế biến cho các đơn vị có nhu cầu. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ như: gia công ngoài, giữ hộ hàng hóa, khai thác bến cảng để tăng thêm thu nhập cho đơn vị. Sắp xếp lại hệ thống kho tàng hiện có để tăng diện tích cho thuê gửi hàng hóa.

- Tiếp tục khai thác dịch vụ, xây dựng đề án phát triển hoạt động khai thác dịch vụ kho bãi tại Văn phòng Công ty và các Chi nhánh. ập trung khai thác, tận dụng tối đa các tài sản hiện có còn đang để trống bằng nhiều hình thức.

4. Công tác khác

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức, lao động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và Tổng Công ty sau cổ phần hóa. Tạo điều kiện cho người lao động được tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng n ăng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, rèn luyện tay nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

- Tiếp tục công tác chuyển đổi pháp lý các cơ sở nhà đất tại TP.HCM. Tích cực tìm kiếm đối tác khai thác kinh doanh có hiệu quả các tài sản cố định tại TP.HCM và một số tỉnh của Công ty.

- Sớm thống nhất phương án hợp nhất phần mềm kế toán chung để việc tổng hợp số liệu được vận hành thông suốt, triển khai công tác hợp nhất dữ liệu toàn Công ty. Nâng cao mức độ bảo mật cơ sở dữ liệu, đảm bảo an ninh an toàn mạng trong toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của Công ty. Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin, quản lý thông tin và các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

- Phát động và triển khai phong trào thi đua phát huy sáng kiến, hợp lý hoá sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, đoàn thể hoạt động, phấn đấu đạt thành tích vững mạnh.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS
- Ban GD
- Lưu V, KD.HY.

TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ban điều hành Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh kính báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty, cụ thể như sau:

Phần A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình

Thị trường lương thực năm 2018 sôi động, tình hình xuất khẩu gạo khả quan, tăng mạnh về lượng và giá trị so với năm 2017. Giá lương thực biến động tăng do nhu cầu xuất khẩu của các hợp đồng tập trung xuất sang Indonesia, Philippines và các hợp đồng thương mại. Giá gạo cạnh tranh hơn bởi các doanh nghiệp giảm được chi phí xuất khẩu và ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, chủng loại hàng hóa đa dạng hơn (Chính phủ thông qua Nghị định 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 về kinh doanh xuất khẩu gạo, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp).

Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) có hệ thống nhà xưởng, kho tàng khá lớn tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long- vùng lúa trọng điểm của cả nước; có hệ thống cửa hàng tiện ích mang thương hiệu “FoodcoMart” trải đều các quận huyện tại Thành phố Hồ chí Minh và cửa hàng tại khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, do tình hình tài chính còn khó khăn nên hoạt động kinh doanh lương thực của Công ty chủ yếu là bán nội địa và xuất khẩu với số lượng nhỏ, bằng 1/10 so với năng lực sản xuất; hoạt động chuỗi cửa hàng tiện ích được cơ cấu lại, nhiều giải pháp được áp dụng trong tình hình cạnh tranh gay gắt với các nhà bán lẻ Familymart, B’smart, Circle K, Satrafood, Bách Hóa Xanh,..

Sự tạo điều kiện của Tổng công ty Lương thực miền Nam và Công ty cổ phần Đầu tư SFC cùng với sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, sự quyết tâm, nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động là động lực đưa Công ty từng bước khắc phục khó khăn, giảm lỗ qua từng quý, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), cân đối nguồn vốn để vừa kinh doanh vừa đảm bảo các khoản chi bắt buộc và thiết yếu kịp thời.

Khó khăn về tài chính là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến việc đánh mất cơ hội kinh doanh lương thực lớn trong năm 2018. Với điểm số xếp hạng tín dụng thấp, mặc dù Công ty đã đề xuất thế chấp tài sản vay vốn nhưng vẫn không được Ngân hàng xem xét, chấp thuận.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % so KH
I	MUA VÀO				
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	60.000	3.309	6%
2	Xăng, dầu, nhớt	tỷ đồng	142	151	106%
3	Công nghệ phẩm & hàng khác	tỷ đồng	421	334	79%
II	BÁN RA				
1	Lúa gạo	tấn	60.000	3.636	6%
-	XKTT, XKUT	tấn	20.000	1.659	8%
-	Cung ứng, nội địa	tấn	40.000	1.977	5%
2	Xăng, dầu, nhớt	tỷ đồng	158	165	104%
3	Công nghệ phẩm & hàng khác	tỷ đồng	428	345	81%
4	Khai thác dịch vụ và khác	tỷ đồng	43	47	109%
III	TỔNG DOANH THU	tỷ đồng	1.327	597	45%
IV	LỢI NHUẬN	tỷ đồng	0,36	-26,89	
V	NỢP NGÂN SÁCH	tỷ đồng	21	28,85	137%

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty không đạt kỳ vọng, vẫn lỗ. Trong năm 2018 Công ty thực hiện được việc giảm lỗ theo từng quý, duy trì được dòng tiền dương cũng như cân đối ở mức độ nhất định nguồn tiền trả nợ Tổng công ty Lương thực miền Nam. Với quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã định hướng, hòa vốn và tiến tới có lãi, năm 2019 Công ty sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Các mặt công tác đã thực hiện trong năm 2018

2.1 Công tác quản lý điều hành

- Thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị về các công việc sau khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần như đất đai, các vấn đề còn tồn đọng được Công ty cổ phần tiếp tục kế thừa và giải quyết.

- Sắp xếp lại chuỗi cửa hàng, thực hiện nhiều giải pháp để từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh; thí điểm hợp tác theo mô hình 1 cửa hàng 2 thương hiệu (FoodcoMart - Sài Gòn 360). Tiếp tục rà soát hoạt động các xí nghiệp nhằm có kế hoạch

điều chỉnh nhân sự, sắp xếp hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả.

- Ban điều hành Công ty nỗ lực khắc phục những khó khăn nội tại, liên tục cập nhật tình hình thị trường, chủ động kết nối quan hệ khách hàng truyền thống, khách hàng cũ để ký bán các hợp đồng thương mại. Tranh thủ sự quan tâm tạo điều kiện của Tổng công ty Lương thực miền Nam trong việc thực hiện các hợp đồng ủy thác xuất khẩu, tăng cường tối đa khai thác dịch vụ gia công, giữ hộ hàng hóa.

- Sau khi thực hiện giảm vốn điều lệ theo quyết định phê duyệt của Tổng công ty Lương thực miền Nam và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban điều hành nhiều lần chủ động làm việc với các cơ quan ban ngành để thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được phê duyệt (từ tháng 09/2017 Công ty đã làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và nhiều lần có văn bản gửi Tổng công ty nhờ hỗ trợ).

2.2. Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách

- Trên cơ sở sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động của Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake. Bên cạnh đó, đối với các cửa hàng tiện ích hoạt động không hiệu quả cũng được sắp xếp lại để chuyển sang hình thức kinh doanh khác.

- Tổng số lao động thời điểm ngày 31/12/2018: 229 người (trong đó có 95 lao động nữ), giảm 41 lao động so với thời điểm 31/12/2017 (tỷ lệ giảm 15,2%). Trong năm 2018, tuyển mới 30 người và chấm dứt HĐLĐ cho 71 người (trong đó có 05 lao động nghỉ hưu, 08 lao động nghỉ dôi dư).

- Cơ cấu lao động được bố trí như sau:

- + Người quản lý chuyên trách: 05 người;
- + Văn phòng Công ty: 34 người;
- + Khối FoodcoMart 142 người;
- + Khối Xí nghiệp 48 người.

- Việc chi trả lương được thực hiện theo quy định pháp luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Ngoài ra, nhân dịp lễ, tết trong năm, Công ty đã chi bổ sung lương cho người lao động. Thu nhập bình quân năm 2018 của người lao động 5.765.700 đồng/người/tháng.

- Thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như: giao kết HĐLĐ; tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; tổ chức khám sức khỏe định kỳ với danh mục khám cao hơn quy định; thanh toán đầy đủ chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc cho người lao động. Hoàn tất việc trả sổ BHXH cho người lao động theo hướng dẫn của BHXH TP.HCM

- Tổ chức Hội nghị người lao động 2018, ký kết thỏa ước lao động tập thể mới với một

số quy định có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

- Công tác thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định. Năm 2018 Công ty có 24 cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 04 tập thể và 13 cá nhân được đề nghị tặng giấy khen cấp Tổng công ty. Có 03/4 tập thể được Tổng công ty Lương thực miền Nam công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

- Thực hiện đúng các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, hệ thống chống sét tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Các tổ chức đoàn thể của Công ty chủ động hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức, hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức tốt hoạt động tuyên truyền và vận động người lao động triệt để tiết kiệm, thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

2.3 Công tác tài chính kế toán

- Chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty; đảm bảo chế độ kế toán chính xác, đúng thời gian quy định; có hình thức và giải pháp cần thiết để tận dụng nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất; kiểm soát dòng tiền, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (trong năm 2018, Công ty đã thực hành tiết kiệm được 831 triệu đồng). Rà soát thanh lý các công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng (thanh lý thu hồi vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền: 529 triệu đồng), không phát sinh công nợ khó đòi mới.

- Tích cực làm việc với các ngân hàng để huy động vốn như NH VCB – Chi nhánh HCM, Công thương – Chi nhánh 6; ACB – Chi nhánh TP.HCM, TPBank – Chi nhánh HCM; ngân hàng UOB, VBBank. Tuy nhiên, các ngân hàng chưa đồng ý cấp hạn mức tín dụng do tình hình tài chính Công ty còn nhiều khó khăn, điểm số xếp hạng tín dụng thấp, mặc dù đã có đề xuất thế chấp tài sản vay vốn nhưng vẫn chưa được ngân hàng xem xét chấp thuận.

- Mở tài khoản và thanh toán lương cho người lao động Văn phòng Công ty, XNLT Satake và CN FoodcoMart Sài Gòn tại Ngân hàng VPBank.

- Cân đối nguồn vốn mua gạo thực hiện hợp đồng đã ký với Tổng công ty và mua hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh của chuỗi cửa hàng đặc biệt trong dịp Tết Mậu Tuất 2018, đảm bảo công tác bình ổn thị trường TP.HCM.

- Thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mở rộng mọi rủi ro đối với tài sản, hàng hóa của Công ty và các đơn vị trực thuộc năm 2019.

2.4 Công tác đầu tư, kỹ thuật

- Trong năm 2018 không phát sinh các hạng mục đầu tư, mua sắm mới. Công ty chỉ tiến hành sửa chữa nhỏ tại một số mặt bằng đã xuống cấp nghiêm trọng.

- Tình hình chuyên đổi pháp lý của 69 cơ sở nhà đất do Công ty quản lý, sử dụng:

+ Tại Tp. Hồ Chí Minh: có 56/56 cơ sở chưa chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Công ty đang phối hợp cùng với Tổng công ty Lương thực miền Nam làm việc với Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh, cùng các ban ngành về phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất khi chuyển sang công ty cổ phần.

+ Tại các tỉnh gồm có: 13 cơ sở. Cụ thể là: 01 cơ sở hiện đang làm việc với Sở ban ngành tỉnh Bình Thuận để hoàn tất thủ tục pháp lý; 11 cơ sở: đã chuyển sang Công ty cổ phần (trong đó còn một phần diện tích 60 m² tại cơ sở 406A Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp hiện Chi cục thuế đang xác định đơn giá để ký hợp đồng thuê đất); 01 cơ sở tại Xí nghiệp Lương thực Cửu Long, hiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cần Thơ đang lập hợp đồng thuê đất.

- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

+ Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng cho thuê và Căn hộ hợp tác tại mặt bằng số 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, TP.HCM: Công ty đã có thông báo cho đối tác về quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 12/3/2018 của Bộ Tài chính về thu hồi cơ sở nhà, đất này. Tuy nhiên phía đối tác vẫn chưa có ý kiến phản hồi.

+ Dự án đầu tư xây dựng Đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại, văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và khai thác dịch vụ thương mại hỗ trợ khác tại mặt bằng số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM: Công ty đã hợp với đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim về chấm dứt hợp đồng hợp tác và giải thể Công ty cổ phần Địa ốc Bình Tây nhưng phía đối tác đã không ký biên bản nên Công ty không thể thực hiện các bước kế tiếp.

+ Công ty cổ phần Phú Tam Khôi (địa chỉ 161 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận): Ngày 12/3/2018, Bộ Tài chính có quyết định số 323/QĐ-BTC về việc thu hồi cơ sở nhà, đất này, Công ty đã thông báo cho đối tác và đang tiến hành các thủ tục thoái vốn. Ngoài ra, Công ty cổ phần Phú Tam Khôi chưa giải trình về việc mua cổ phần ra ngoài với giá trị 7 tỷ đồng.

+ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Đồng Thịnh, địa chỉ 304A Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp (hợp tác liên doanh với Saigon Coop): Hiện đang kinh doanh Siêu thị Coopmart Foodcosa.

+ Hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng, dầu với Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại mặt bằng 4/34 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM: Công ty góp vốn bằng giá trị tài sản là vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng đã qua sử dụng và được chia lợi nhuận cố định, không phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của cửa hàng. Thời gian hiệu lực hợp đồng đến ngày 31/03/2021.

2.5 Công tác công nghệ thông tin và truyền thông

- Tổ chức công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời, đầy đủ và đúng các qui định của pháp luật.

- Thường xuyên cập nhật và hoàn thiện các nội dung trên hệ thống Website, Fanpage

của Công ty nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ của Công ty tốt hơn.

- Đảm bảo việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT toàn Công ty với mức độ an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cao nhất.

- Tổ chức đào tạo việc sử dụng phần mềm bán hàng cho các nhân viên của chuỗi Cửa hàng FoodcoMart. Nghiên cứu phần mềm chăm sóc khách hàng.

2.6. Công tác pháp chế

- Công ty đang chờ kết quả xét xử cấp Giám đốc thẩm vụ thuê nhà 57 Nguyễn Thị Minh Khai (trụ sở cũ của Công ty).

- Việc khởi kiện Công ty cổ phần Phú Tam Khôi về việc mua cổ phần ra ngoài trái luật với giá trị 7 tỷ đồng: vụ kiện đang trong giai đoạn thu thập chứng cứ và hòa giải.

Phần B

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. Định hướng chung

- Tiếp tục phát triển theo định hướng 04 ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh lương thực (gạo); kinh doanh chuỗi cửa hàng Foodcomart (Cửa hàng sỉ và lẻ); kinh doanh xăng dầu (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu); khai thác dịch vụ, giữ hàng hóa. Đồng thời xem xét phát triển ngành nghề kinh doanh mới, hợp tác liên doanh liên kết nhằm khai thác tốt các Xí nghiệp lương thực thừa công suất và các mặt bằng Công ty đang quản lý.

- Trên cơ sở các nguồn lực hiện có về năng lực sản xuất, máy móc, kho tàng, nhà xưởng, Công ty xây dựng kế hoạch với mục tiêu phấn đấu hòa vốn trong năm 2019 và tiến đến có lãi trong những năm tới. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch thu mua, sản xuất chế biến nhằm bán trực tiếp cho khách hàng, cung ứng cho các đơn vị, xuất khẩu trực tiếp và đặc biệt là tham gia bình ổn thị trường gạo góp phần thực hiện thành công mục tiêu hòa vốn và tiến đến có lãi.

II. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

1. Các chỉ tiêu chính

- Mua vào	540,723 tỷ đồng, bao gồm :	
+ Lúa gạo (quy gạo) 7.500 tấn tương đương	:	68,227 tỷ đồng
+ Xăng dầu nhớt	:	175,796 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác	:	296,700 tỷ đồng
- Bán ra	616,608 tỷ đồng, bao gồm :	
+ Gạo (quy gạo) 7.400 tấn tương đương	:	74,342 tỷ đồng
+ Xăng dầu nhớt 9.368.000 lít tương đương	:	186,900 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác	:	304,350 tỷ đồng

- + Khai thác dịch vụ, giữ hàng hóa : 51,016 tỷ đồng
- **Tổng doanh thu : 620 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận trước thuế : 00 tỷ đồng (hòa vốn)**

2. Kế hoạch và giải pháp thực hiện

- Nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty với kết quả tốt nhất, không để phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu. Phần đầu giảm lỗ từng quý và tiến đến hòa vốn. Tiếp tục rà soát cắt giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tiếp tục tìm kiếm giải pháp cần thiết nhằm thu hút khách hàng, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, kiểm soát tài chính của các đơn vị trực thuộc công ty. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên của các đơn vị đảm bảo việc sử dụng vốn, tài sản hiệu quả, đúng mục đích nhằm bảo toàn vốn cho Công ty.

- Tiếp tục làm việc với các Ngân hàng để tái cấp hạn mức tín dụng thông qua nhiều hình thức như tín chấp, thế chấp tài sản. Tranh thủ mọi cơ hội huy động vốn để Công ty duy trì hoạt động, từng bước khắc phục và vượt qua khó khăn, tận dụng tối đa nguồn vốn của khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường tìm kiếm khách hàng, mở rộng hoạt động khai thác dịch vụ, tận dụng công suất máy móc thiết bị nhằm tạo thêm nguồn thu, bù đắp một phần chi phí.

- Thực hiện công bố thông tin đúng quy định. Bên cạnh đó cũng chú trọng phát triển các kênh Website, Fanpage... nhằm quảng bá hình ảnh Công ty tốt hơn. Đồng thời, Công ty chú trọng đến việc đảm bảo an ninh mạng một cách tốt nhất.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần lương thực thành phố Hồ Chí Minh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch, phương hướng SXKD năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: /LT-KD

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ban điều hành Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh kính báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty, cụ thể như sau:

Phần A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2019 là một năm đầy khó khăn đối với ngành nông nghiệp của Việt Nam khi phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam gặp nhiều bất lợi, sau khi sụt giảm liên tiếp, đến tháng cuối năm 2019 đã tăng mạnh trở lại. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường truyền thống trong thời gian qua đang bị chững lại. Đặc biệt là Trung Quốc (*thị trường chủ lực*) chỉ mua nhỏ giọt, giảm mạnh cả về lượng và kim ngạch so với năm 2018 trong khi các thị trường khác hầu như không có những tín hiệu khả quan.

Năm 2020 được dự báo xuất khẩu gạo có nhiều khả năng tăng trưởng tốt. Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Philippines – Thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam (*trong năm 2019*) sẽ tiếp tục là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới. Bên cạnh đó, triển vọng xuất khẩu gạo là khá tốt khi tiêu thụ tại Châu Phi tương đối khả quan.

Cơ hội là có, song khó khăn chưa kết thúc. Biến đổi khí hậu, trước mắt là tình hình hạn mặn xảy ra tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã và đang tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất lúa gạo. Tình hình kinh doanh trong nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn, đặc biệt, dịch Covid-19 đang ngày càng diễn biến phức tạp tác động mạnh đến sự ổn định trong giao dịch mua bán.

Nhìn chung, trong điều kiện ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới cũng như tình hình trong nước, Ban Lãnh đạo Công ty cùng tập thể người lao động đã chung tay, nỗ lực hết sức mình vượt khó để hoàn thành một số nhiệm vụ cơ bản. Trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty gặp những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi

- Công ty luôn được sự hỗ trợ, quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị cùng với sự quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

- Hệ thống nhà xưởng, kho tàng lớn nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

– vùng lúa trọng điểm của cả nước vẫn là tiềm năng khai thác khi có thời cơ thuận lợi.

- Hệ thống cửa hàng tiện ích mang thương hiệu “Foodcomart” trải đều tại các quận, huyện tại thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng tại khu vực Tây Nguyên vẫn đang đem lại những hiệu quả nhất định (đặc biệt là công tác tham gia bình ổn thị trường) ngày càng được củng cố và hoàn thiện tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh lương thực và công nghệ phẩm.

2. Khó khăn

- Khó khăn về tài chính là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến việc đánh mất cơ hội kinh doanh lương thực lớn trong năm. Vốn lưu động trong SXKD luôn thiếu hụt từ trước, trong và sau khi cổ phần hóa làm ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của Công ty. Nguồn vốn vay ngân hàng, huy động từ các tổ chức khác vẫn chưa được xem xét hỗ trợ do tình hình kinh doanh của Công ty vẫn chưa có hiệu quả.

- Công ty có 07 xí nghiệp lương thực thừa công suất về máy móc, gánh nặng về định phí rất lớn nhưng lại thiếu vốn hoạt động.

- Các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án để chuyển đổi pháp lý theo quy định làm ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Năm 2019, Công ty phải nộp tiền thuế đất và truy thu tiền thuế đất của nhiều năm trước là một trong những vấn đề trọng yếu trong năm.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2019

1.1. Kết quả kinh doanh chung

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % TH 2019 / TH 2018
I	Mua vào						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	3.309	7.500	3.490	46,5%	105,5%
2	Xăng, dầu, nhớt	Lít	9.303.466	9.520.000	8.628.316	90,6%	92,7%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	335,26	296,7	482,48	162,6%	143,9%
II	Bán ra						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	4.181	7.400	3.348	45,2%	80,1%
	- Xuất khẩu	tấn	1.659	1.500	724	48,3%	43,6%
	- Nội địa, bình ổn TT	tấn	2.522	5.900	2.624	44,5%	104,0%
2	Xăng, dầu, nhớt	Lít	9.319.012	9.368.000	8.420.000	89,9%	90,4%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	360,08	304,35	525,52	172,7%	145,9%
4	Khai thác TS, DV, khác	tỷ đồng	29,41	54,41	28,97	53,2%	98,5%
III	Tổng doanh thu	tỷ đồng	597,16	620,01	731,53	118,1%	122,6%
V	Lợi nhuận	tỷ đồng	(26,89)	0	(15,55)		Giảm lỗ 42,2%
VI	Nộp ngân sách	tỷ đồng	28,84	26,28	40,89	155,6%	141,8%

1.2. Kết quả kinh doanh phân theo ngành hàng

TT	Ngành hàng	Tổng doanh thu (tỷ đồng)			Lợi nhuận (tỷ đồng)		
		Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % so với cùng kỳ	Năm 2018	Năm 2019	So với cùng kỳ
1	Kinh doanh lương thực	42,94	33,50	78,0%	(36,22)	(25,64)	Giảm lỗ 10,58 tỷ đồng
2	Kinh doanh xăng dầu	164,73	144,35	87,6%	5,39	3,63	Giảm hiệu quả 1,76 tỷ đồng
3	Chuỗi FoodcoMart	360,08	525,52	146,0%	(3,41)	2,03	Có hiệu quả
4	Khai thác TS, DV, khác	29,41	28,16	95,7%	7,34	4,43	Giảm hiệu quả 2,91 tỷ đồng
	Tổng cộng	597,16	731,53	122,5%	(26,89)	(15,55)	Giảm lỗ 11,34 tỷ đồng

Năm 2019, tình hình hoạt động SXKD của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả SXKD tuy chưa đạt kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận nhưng đã giảm lỗ 42,2% so với năm 2018. Tổng doanh thu vượt 18,1% so với kế hoạch và vượt 22,6% so với năm 2018. Điểm nổi bật là hệ thống chuỗi FoodcoMart đã cắt được lỗ và có lãi trong năm 2019.

Thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty từng bước đi vào ổn định. Trong điều kiện Công ty thiếu hụt vốn, Công ty đã đẩy mạnh khai thác các nguồn lực hiện có để tạo nguồn thu tốt nhất trong ngắn hạn.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh lỗ:

- Khó khăn về tài chính là nguyên nhân cốt lõi. Mà nguyên nhân lỗ chủ yếu của Công ty từ mảng kinh doanh lương thực do kế thừa 07 xí nghiệp lương thực với công suất rất lớn hơn rất nhiều so với thực tế hoạt động. Do vậy, dù đã tập trung khai thác các dịch vụ như gia công, gửi, giữ hàng hóa,... nhưng doanh thu không đủ để bù đắp các khoản định phí quá lớn (khấu hao, thuế, thuê đất,...)

- Không vay được vốn từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng, vốn kinh doanh của Công ty chủ yếu tận dụng từ các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, xoay vòng vốn nhanh, chính sách công nợ của nhà cung cấp, tăng nhanh vòng quay hàng tồn kho. Công ty đã nỗ lực hết sức để duy trì hoạt động, có được dòng tiền dương thanh toán được một phần các khoản nợ Tổng công ty (năm 2019 trả nợ Tổng công ty 18 tỷ đồng) và có đủ tiền nộp tiền thuế, thuê đất của năm 2019 và truy thu thuế, thuê đất từ những năm trước là 40,89 tỷ đồng.

2. Các mặt công tác đã thực hiện năm 2019

2.1 Công tác quản lý điều hành

- Ban điều hành Công ty nỗ lực khắc phục những khó khăn nội tại, liên tục cập nhật tình hình thị trường, chủ động kết nối quan hệ khách hàng truyền thống, khách hàng cũ để ký bán các hợp đồng thương mại. Tranh thủ sự quan tâm tạo điều kiện của Tổng công ty Lương thực miền Nam trong việc thực hiện các hợp đồng ủy thác xuất khẩu (tuy nhiên trong điều kiện khó khăn chung, năm 2019 Công ty không nhận được hợp đồng ủy thác xuất khẩu từ phía Tổng công ty); tăng cường tối đa khai thác dịch vụ gia công, giữ hộ hàng hóa.

- Trong năm qua, Công ty đã tập trung làm tốt nhiệm vụ tham gia công tác bình ổn thị trường lương thực trên địa bàn TP.HCM, được Ủy ban nhân dân TP.HCM tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Ngoài ra, Công ty còn được nhận Bằng khen do Ủy ban nhân dân TP.HCM khen tặng cho thành tích xuất sắc trong thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” liên tục nhiều năm (2009 – 2019).

2.2 Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách

- Tổng số lao động tại thời điểm ngày 31/12/2019: 211 người (trong đó 87 nữ), giảm 18 lao động so với cùng kỳ.

- Lao động được bố trí như sau:

- + Người quản lý chuyên trách: 05 người;
- + Văn phòng Công ty: 36 người;
- + Cửa hàng xăng dầu: 27 người;
- + Khối FoodcoMart: 99 người;
- + Khối Xí nghiệp: 44 người.

- Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động giúp người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn chi bổ sung cho người lao động nhân dịp lễ, tết trong năm. Thu nhập bình quân năm 2019 của người lao động là 6,462 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như: giao kết HĐLĐ; tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; tổ chức khám sức khỏe định kỳ với danh mục khám cao hơn quy định; thanh toán đầy đủ chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động. Luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do Công đoàn tổ chức.

- Tổ chức thành công Hội nghị người lao động 2019, ký kết sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể.

- Bình xét thi đua năm 2019 kịp thời cho các tập thể, cá nhân đúng theo quy định của Quy chế thi đua khen thưởng và hướng dẫn của Tổng công ty Lương thực miền Nam, gồm 11 cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 01 tập thể và 02 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, 06 tập thể và 14 cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Thực hiện đúng các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, hệ thống chống sét...

2.3 Công tác tài chính kế toán

- Chấp hành tốt các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty trong hoạt động nghiệp vụ.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát thanh lý các công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng thu hồi vốn đưa vào sản xuất kinh doanh; tổ chức quản lý tốt tiền hàng, cân đối sử dụng vốn hiệu quả nhất, không phát sinh công nợ khó đòi mới.

- Cân đối tốt các khoản chi, đạt hiệu quả tối ưu nhất (trong thực trạng và điều kiện tình hình tài chính khó khăn), đảm bảo chi được các khoản thiết yếu, tiền lương, BHXH, trả tiền thuế, thuê đất,...

- Trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, trước mắt trình HĐQT thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán 6 tháng đầu năm 2019 và cả năm 2019 (đã hoàn tất báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019) được Hội đồng quản trị chấp thuận chọn đơn vị kiểm toán AISC.

- Tích cực làm việc với ngân hàng để huy động vốn (NH VCB – Chi nhánh HCM, Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn, Chi nhánh Kỳ Đồng; Ngân hàng Đông Á; Ngân hàng TPBank...), tuy nhiên các ngân hàng chưa đồng ý cấp hạn mức tín dụng do tình hình tài chính công ty còn nhiều khó khăn, điểm số xếp hạng tín dụng thấp, mặc dù đã có đề xuất thế chấp tài sản vay vốn nhưng vẫn chưa được ngân hàng xem xét chấp thuận.

- Về công tác kiểm tra giám sát: Công ty đã tổ chức kiểm tra, giám sát kịp thời về công tác tài chính kế toán tại các đơn vị. Đồng thời hướng dẫn, chấn chỉnh kịp thời các Xí nghiệp, các phòng ban nghiệp vụ, người đại diện vốn tại các đơn vị có vốn đầu tư ra ngoài thực hiện các nhiệm vụ đã được giao.

2.4 Công tác đầu tư, kỹ thuật

- Trong năm 2019 không phát sinh các hạng mục đầu tư, mua sắm mới, chỉ tiến hành sửa chữa nhỏ tại Văn phòng Công ty, chống dột nhà kho tại các Xí nghiệp Lương thực.

- Tình hình chuyển đổi pháp lý các cơ sở nhà đất do Công ty quản lý, sử dụng:

+ Tại Tp. Hồ Chí Minh: 55 cơ sở nhà, đất (do ngày 22/10/2019 đã bàn giao 01 cơ sở 22 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4) chưa chuyển tên sang công ty cổ phần. Công ty đang phối hợp cùng với Tổng công ty Lương thực miền Nam làm việc với Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh, cùng các ban ngành về phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất khi chuyển tên sang công ty cổ phần để có cơ sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty đã có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường sớm xem xét chuyển đổi pháp lý đối với 35 cơ sở nhà đất đã được cơ quan thẩm quyền có ý kiến thống nhất tại văn bản 5069/BTC-QLCS ngày 03/05/2019 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được chuyển đổi pháp lý.

+ Tại các tỉnh gồm có: 13 cơ sở, trong đó 12 cơ sở nhà đất đã chuyển tên sang công ty cổ phần.

2.5 Công tác công nghệ thông tin và truyền thông

- Tổ chức thực hiện tốt việc công bố các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên thực hiện cập nhật và truyền tải các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến với các phương tiện truyền thông đại chúng, đồng thời tăng cường nội dung thông tin trên hệ thống Website, Fanpage nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ của Công ty ngày càng tốt hơn.

- Đào tạo việc sử dụng các ứng dụng và phần mềm quản lý bán hàng cho các Chi nhánh và chuỗi Cửa hàng FoodcoMart.

- Đảm bảo việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT toàn Công ty với mức độ an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cao nhất.

2.6 Công tác đoàn thể và công tác xã hội

- Các tổ chức đoàn thể của Công ty chủ động hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức, hoàn thành tốt công tác, tuyên truyền, vận động người lao động triệt để tiết kiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Một số thành tích tiêu biểu được Công đoàn Tổng công ty Lương thực miền Nam khen thưởng năm 2019:

+ Tập thể Công đoàn cơ sở Công ty: đạt thành tích thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;

+ Cá nhân: đạt thành tích tiêu biểu trong hoạt động Tháng công nhân 2019 (*Anh Nguyễn Văn Tươi – Cửa hàng trưởng Cửa hàng FoodcoMart số 9 Nguyễn Hữu Trí thuộc Chi nhánh FoodcoMart Sài Gòn*);

+ Cá nhân: đạt thành tích “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật” năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 (*Anh Cao Thành Dân – Chủ tịch Công đoàn bộ phận Sài Gòn Satake*).

- Đoàn viên thanh niên tích cực tham gia hiến máu tình nguyện do Đoàn thanh niên Tổng công ty và UBND phường 7 quận 6 phát động.

- Tập thể CBNV, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực hưởng ứng công tác xã hội do địa phương và Tổng công ty vận động như: ủng hộ 01 ngày lương cho Quỹ “Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc”, tham gia nhắn tin “Cả nước chung tay vì người nghèo”,...

Phần B

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. ĐỊNH HƯỚNG

Năm 2020, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 vận hành hợp lý chặt chẽ từ khâu tổ chức thu mua, sản xuất, chế biến đến việc tiêu thụ qua các kênh phân phối, bán trực tiếp cho khách hàng nội địa; cung ứng cho các đơn vị, xuất khẩu trực tiếp và đặc biệt chú trọng công tác tham gia bình ổn thị trường gạo thường niên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh góp phần thực hiện thành công mục tiêu hòa vốn và tiến đến có lãi.

Nhất quán với định hướng trên Công ty sẽ tiếp tục tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh lương thực (gạo);
- Kinh doanh chuỗi cửa hàng FoodcoMart;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Khai thác dịch vụ, giữ hàng hóa;
- Ngoài ra, phát triển thêm ngành nghề kinh doanh mới, hợp tác liên doanh liên kết nhằm khai thác tốt các Xí nghiệp lương thực thừa công suất và các mặt bằng Công ty đang quản lý.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2020

1. Kế hoạch

- Mua vào: 713,928 tỷ đồng.
 - + Lúa gạo (quy gạo): 4.200 tấn tương đương 37,115 tỷ đồng.
 - + Xăng, dầu, nhớt: 9.640.000 lít tương đương 155,609 tỷ đồng.

+ Công nghệ phẩm, hàng khác:		521,204 tỷ đồng.
- Bán ra:		
+ Gạo (quy gạo):	4.000 tấn tương đương	40,320 tỷ đồng.
+ Xăng, dầu, nhớt:	9.307.000 lít tương đương	160,264 tỷ đồng.
+ Công nghệ phẩm, hàng khác:		538,139 tỷ đồng.
+ Phụ phẩm:		0,137 tỷ đồng.
+ Khai thác dịch vụ, thu nhập khác:		60,279 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu:		799,139 tỷ đồng.
- Lợi nhuận:		0 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách:		31,285 tỷ đồng.

2. Giải pháp thực hiện

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp đã mang lại hiệu quả trong năm 2019 và tìm thêm các giải pháp mới cho từng ngành hàng trong từng giai đoạn để đạt hiệu quả cao nhất, cụ thể:

- Hệ thống FoodcoMart: ngoài bán hàng truyền thống, tăng cường bán hàng online trên mạng, đa dạng hóa mặt hàng, tìm thêm các nhà cung cấp mới, có các chương trình khuyến mãi phù hợp.

- Kinh doanh gạo: ngoài các mặt hàng gạo cho chương trình bình ổn, đa dạng hóa loại gạo (nhất là gạo túi, gạo an toàn), giao hàng đến tận người mua, ổn định và cải thiện chất lượng gạo. Đối với gạo xuất khẩu, trong điều kiện nguồn vốn ít, Công ty tập trung đẩy mạnh phân khúc gạo đặc sản; giữ khách hàng cũ và tìm thêm khách hàng mới.

- Kinh doanh xăng dầu: tìm thêm khách hàng mới (doanh nghiệp vận tải, taxi,...), tiết giảm chi phí và hao hụt.

- Tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh đối với những xí nghiệp lương thực thừa công suất. Tận dụng tối đa việc khai thác tài sản, dịch vụ.

- Tiết kiệm tối đa chi phí trong sản xuất và quản lý.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần lương thực thành phố Hồ Chí Minh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch, phương hướng SXKD năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: /BC-LT-TCHC

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ban điều hành Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh kính báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, cụ thể như sau:

Phần A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Về thị trường chung: Trong năm 2020 ngành xuất khẩu gạo có sự tăng trưởng tốt, Philippines vẫn là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam. Bên cạnh đó, theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), gần đây giá gạo xuất khẩu của Việt Nam liên tục tăng, loại gạo 5% tấm đã có lúc vượt giá gạo Thái Lan vươn lên dẫn đầu thế giới. Ngoài ra, nhiều loại gạo xuất khẩu khác thuộc nhóm gạo cao cấp, gạo thơm KDM, gạo Jasmine, DT8...cũng có giá tốt.

- Về sản xuất lúa ở địa phương, nguồn cung đầu vào nguyên liệu lúa, gạo, các sản phẩm khác hiện đang kinh doanh: Công ty có hệ thống kho nằm ở khu vực trọng điểm vùng sản xuất lúa ở Miền tây nên rất thuận lợi trong việc thu mua nguyên liệu.

- Các cửa hàng tiện ích FoodcoMart, các cửa hàng xăng dầu đã hoạt động trong thời gian lâu dài, có uy tín nên được sự tin tưởng của khách hàng và đã có nhiều khách hàng truyền thống.

- Hệ thống cửa hàng tiện ích mang thương hiệu “FoodcoMart” trải đều tại các quận, huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng tại khu vực Tây Nguyên vẫn đang đem lại những hiệu quả nhất định ngày càng được củng cố và hoàn thiện tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị cùng với sự quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khó khăn

- Về thị trường: tình hình kinh doanh trong nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn. Đặc biệt, trong cả năm 2020 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tác động mạnh đến

nền kinh tế thế giới, kinh tế trong nước nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

- Công ty có 07 xí nghiệp lương thực thừa công suất về máy móc, gánh nặng về định phí rất lớn nhưng lại thiếu vốn hoạt động. Dây chuyền máy móc hiện có đã đầu tư lâu, với công nghệ lạc hậu chưa được duy tu sửa chữa nên tỷ lệ thu hồi thành phẩm thấp giá thành cao.

- Các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án để chuyển đổi pháp lý theo quy định làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Vốn lưu động trong SXKD luôn thiếu hụt làm ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Công ty không mua được nguyên liệu kịp thời tại thời điểm chính vụ Đông Xuân để có chân hàng chất lượng tốt nhất trong năm với mức giá hợp lý. Nguồn vốn vay ngân hàng, huy động từ các tổ chức khác vẫn chưa được xem xét hỗ trợ do tình hình kinh doanh của Công ty vẫn chưa có hiệu quả.

Với những thuận lợi, khó khăn nêu trên, Công ty đã triển khai thực hiện việc mua nhanh, bán nhanh với những đơn hàng có số lượng nhỏ, điều khoản thanh toán linh hoạt và sử dụng nguồn tiền ứng trước của khách hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Nhờ đó, Công ty đã sản xuất, kinh doanh năm 2020 với kết quả cụ thể được nêu tại phần II.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Kết quả kinh doanh chung

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % TH 2020 /TH 2019
I	Mua vào						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	3.490	4.200	2.053	48,88%	58,8%
2	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	8.628	9.640	7.215	74,8%	83,6%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	482,482	521,200	599,781	115,08%	124,3%
II	Bán ra						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	3.348	4.000	2.058	51,45%	61,5%
	- Xuất khẩu	tấn	724	1.000	604	60,4%	83,4%
	- Nội địa, bình ổn TT	tấn	2.624	3.000	1.454	48,47%	55,4%
2	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	8.420	9.307	7.218	77,6%	85,7%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	525,52	538,140	614,587	114,21%	116,9%
4	Khai thác TS, DV, khác	tỷ đồng	28,97	60,420	56,146	92,93%	193,8%
III	Tổng doanh thu	tỷ đồng	732,335	799,139	794,210	99,38%	108,4%
V	Lợi nhuận	tỷ đồng	-15,545		-36,704		236,0%
VI	Nộp ngân sách	tỷ đồng	40,889	31,280	42,802	136,84%	104,7%

Ghi chú: Công ty đã ghi nhận thêm tiền lãi do chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp là 14,177 tỷ đồng.

1.2. Đánh giá chung về hoạt động SXKD năm 2020

- Năm 2020 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức lớn bất ngờ xuất hiện, tác động xấu, nhiều mặt và ảnh hưởng rất nặng nề đến nền kinh tế và xã hội. Ngay từ đầu năm, đại dịch Covid-19 đã bùng phát và lan rộng ra ở nước ta và hầu hết các nước trên thế giới, diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường và hiện vẫn đang tiếp tục lây lan ở nhiều nơi. Tình hình hoạt động SXKD của Công ty cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng chung do dịch Covid-19. Trong năm 2020, doanh thu, lãi gộp một số mặt hàng bị ảnh hưởng đáng kể và giảm mạnh, không bù đắp được các khoản chi phí. Mặc dù kết quả SXKD chưa giảm lỗ nhưng Ban điều hành đã cố gắng tự cân đối được nguồn thu để đảm bảo công tác bình ổn thị trường, cân đối các khoản chi thiết yếu tối thiểu, nộp ngân sách Nhà nước và có nguồn tiền trả nợ Tổng công ty.

- Điểm nổi bật là 02 chi nhánh FoodcoMart tiếp tục duy trì có hiệu quả trong năm 2020, đặc biệt là Chi nhánh FoodcoMart Sài Gòn đạt lợi nhuận 2,5 tỷ đồng vượt 25% so với kế hoạch và tăng 56% so với cùng kỳ.

- Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh lỗ:

+ Kết quả kinh doanh lỗ chủ yếu từ mảng kinh doanh lương thực do 07 xí nghiệp lương thực với công suất lớn hơn rất nhiều so với thực tế hoạt động. Dù đã tập trung khai thác các dịch vụ như gia công, gửi, giữ hàng hoá,... nhưng doanh thu không đủ bù đắp các khoản định phí quá lớn (khấu hao, thuế, thuê đất,...) và các chi phí phát sinh.

+ Công ty phải chịu thêm khoản truy thu tiền thuê đất từ những năm trước, đơn giá tiền thuê đất cũng tăng thêm.

+ Công ty ghi nhận thêm tiền lãi do chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

+ Ngoài ra, do ảnh hưởng dịch Covid-19, nguồn thu của Công ty bị giảm do khách hàng không gửi hàng hóa, cách ly xã hội làm doanh thu bán xăng dầu giảm đã làm cho tình hình tài chính thêm phần khó khăn.

2. Các công tác đã thực hiện trong năm 2020

2.1. Công tác quản lý điều hành

- Ban điều hành Công ty đã nỗ lực khắc phục những khó khăn nội tại, liên tục cập nhật tình hình thị trường, chủ động kết nối quan hệ khách hàng truyền thống, khách hàng cũ để ký bán các hợp đồng thương mại, tăng cường tối đa khai thác dịch vụ gia công, giữ hộ hàng hóa.

- Trong năm qua, Công ty đã tập trung làm tốt nhiệm vụ tham gia công tác bình ổn thị trường lương thực trên địa bàn TP.HCM, được Ủy ban nhân dân TP.HCM tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Ngoài ra, Công ty còn được Ủy ban nhân dân TP.HCM quyết định công nhận cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự".

2.2. Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách

- Tổng số lao động tại thời điểm ngày 31/12/2020: 201 người (trong đó 88 nữ), giảm 10 lao động so với cùng kỳ. Năm 2020 tuyển mới 29 lao động, giảm 39 lao động, trong đó cho thôi việc 36 lao động, giải quyết mất việc làm 02 lao động do sắp xếp lại nhân sự tại XNLT Mỹ Thới và giải quyết nghỉ chế độ hưu trí 01 lao động.

- Việc bố trí nhân sự hiện nay tương đối phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong giai đoạn thu gọn mảng sản xuất kinh doanh lương thực hiện tại. Lao động được bố trí như sau:

- + Người quản lý chuyên trách : 07 người;
- + Văn phòng Công ty : 38 người;
- + Cửa hàng xăng dầu : 23 người;
- + Khối FoodcoMart : 93 người;
- + Khối Xí nghiệp : 40 người.

- Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động giúp người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty. Đặc biệt trong cao điểm dịch Covid-19 tại thành phố, cách ly toàn xã hội, Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực không ngừng để ổn định việc làm và duy trì thu nhập cho người lao động, không để người lao động bị mất việc làm. Thu nhập bình quân năm 2020 của người lao động là 7,109 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như: giao kết HĐLĐ; tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; tổ chức khám sức khỏe định kỳ; thanh toán đầy đủ chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động. Luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do Công đoàn tổ chức.

- Tổ chức thành công Hội nghị người lao động 2020.

- Bình xét thi đua năm 2020 kịp thời cho các tập thể, cá nhân đúng theo quy định của Quy chế thi đua khen thưởng và hướng dẫn của Tổng công ty Lương thực Miền Nam. Hội đồng sáng kiến Công ty đã công nhận 15 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. Hội đồng Thi đua khen thưởng đã đề nghị tặng Giấy khen của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam cho 08 tập thể và 21 cá nhân.

- Thực hiện đúng các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, hệ thống chống sét,...

2.3. Công tác tài chính kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán Công ty ngày càng được hoàn thiện, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ phân công. Công tác hạch toán kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoàn thành tốt các báo cáo, đảm bảo chính xác kịp thời, đáp ứng theo mọi yêu cầu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành của các cấp lãnh đạo.

- Chấp hành tốt các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước, quy chế tài chính của Công ty.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát thanh lý các công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng, không phát sinh công nợ khó đòi mới.

- Trước tình hình tài chính của Công ty vẫn còn rất nhiều khó khăn, Công ty đã cân đối tốt các khoản chi, đạt hiệu quả tối ưu nhất (trong thực trạng và điều kiện tình hình tài chính khó khăn). Thực hiện trả tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ nguồn thu (dòng tiền dương) trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty cũng tích cực làm việc với các ngân hàng, Công ty cho thuê tài chính (NH Quân Đội, Công ty cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam; Công ty cho thuê tài chính Chailease,...) để huy động vốn; tuy nhiên, chưa được cấp hạn mức do tình hình tài chính Công ty còn nhiều khó khăn.

- Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát kịp thời các đơn vị. Hướng dẫn, chấn chỉnh kịp thời các đơn vị để thực hiện đúng các quy định

- Trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, trước mắt trình HĐQT thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán 6 tháng đầu năm 2020 và cả năm 2020 được Hội đồng quản trị chấp thuận chọn đơn vị kiểm toán AISC.

2.4. Công tác đầu tư, kỹ thuật

- Trong năm 2020 không phát sinh các hạng mục đầu tư, mua sắm mới, chỉ tiến hành sửa chữa nhỏ tại Văn phòng Công ty, chống dột nhà kho, nâng nền tại các Cửa hàng Xăng dầu, bảo trì bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các Xí nghiệp Lương thực. Bên cạnh đó, Công ty đã hỗ trợ và phối hợp cùng với Ngân hàng Chính sách Xã hội xây dựng lại từ tường chung thành tường riêng của mỗi bên tại hai khu đất 1492 & 1494 Võ Văn Kiệt, phường 3, quận 6.

- Tình hình chuyển đổi pháp lý của 68 cơ sở nhà, đất do Công ty quản lý, sử dụng năm 2020:

+ Tại Tp.Hồ Chí Minh: có 55 cơ sở nhà, đất chưa chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Công ty đang phối hợp cùng với Tổng công ty Lương thực Miền Nam làm việc cùng các Sở, ban ngành về phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất khi chuyển sang công ty cổ phần để có cơ sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tại các tỉnh có: 13 cơ sở nhà đất, trong đó 12 cơ sở đã chuyển đổi tên sang Công ty cổ phần, 01 cơ sở trả đất lại cho địa phương quản lý sử dụng (cơ sở nhà, đất số 50/19 Nguyễn Minh Châu, Khu phố 9, phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận hiện Công ty đang quản lý).

2.5. Công tác công nghệ thông tin và truyền thông

- Tổ chức thực hiện tốt việc công bố các thông tin về hoạt động SXKD của Công ty kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên thực hiện cập nhật và truyền tải các thông tin về hoạt động SXKD của Công ty đến với các phương tiện truyền thông đại chúng, đồng thời tăng cường nội dung thông tin trên hệ thống Website, Fanpage và kênh Youtube nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ của Công ty ngày càng tốt hơn.

- Đào tạo việc sử dụng các ứng dụng và phần mềm quản lý bán hàng cho các Chi nhánh và chuỗi Cửa hàng FoodcoMart.

- Đảm bảo việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT toàn Công ty với mức độ an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cao nhất.

2.6. Công tác đoàn thể và công tác xã hội

- Các tổ chức đoàn thể của Công ty chủ động hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức, hoàn thành tốt công tác, tuyên truyền, vận động người lao động triệt để tiết kiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Tổ chức Công đoàn phối hợp cùng chính quyền tổ chức tuyên truyền công tác thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại nơi làm việc và trong cộng đồng, trang bị khẩu trang, nước rửa tay cho người lao động.

- Đoàn viên thanh niên tích cực tham gia hiến máu tình nguyện do Đoàn thanh niên Tổng công ty và UBND phường 7 quận 6 phát động.

- Tập thể CBNV, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực hưởng ứng công tác xã hội do địa phương và Công đoàn Tổng công ty vận động như: ủng hộ Quỹ phòng,

chống dịch Covid-19 và người dân bị hạn mặn (28.600.000 đồng), ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục thiên tai, bão lũ năm 2020 (23.069.000 đồng).

Phần B

PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình thị trường và sản xuất

1.1. Dự báo thị trường ngành gạo

Thị trường xuất khẩu: tình hình diễn biến dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp, nhưng nhu cầu tiêu thụ gạo đối với một số nước vẫn cao.

Thị trường nội địa Việt Nam với dân số trên 90 triệu người và với xu hướng dân số ngày càng tăng, nhu cầu tiêu thụ gạo là khá lớn, vì gạo là nguồn lương thực thiết yếu của đời sống con người. Trong những năm gần đây, người tiêu dùng trong nước có xu thế dùng các loại gạo chất lượng cao, gạo thơm, gạo đặc sản, có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, đa phần người tiêu dùng, khách hàng sử dụng gạo đã có nơi cung ứng; do đó, để xâm nhập vào thị trường này phải nâng cao chất lượng gạo, với giá thành sản phẩm hợp lý để cạnh tranh.

1.2. Dự báo thị trường các mặt hàng khác

- Thị trường xăng dầu: trong năm 2021 sẽ có nhiều thuận lợi hơn so với năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam đã dần được kiểm soát; Bệnh viện ung bướu Thủ Đức đã chính thức hoạt động vào cuối năm 2020 nắm sát vị trí Cửa hàng xăng dầu Long Thạnh Mỹ, nhiều tuyến Metro sắp đi vào hoạt động, Thành phố Thủ Đức đã được thành lập nên tình hình dân cư ngày càng đông đúc và nhu cầu đi lại tăng cao mang lại tiềm năng lớn đối với cửa hàng xăng dầu của Công ty do có vị trí thuận lợi.

1.3. Thị trường bán lẻ tại Việt Nam, tác động đến hệ thống FoodcoMart cung ứng hàng công nghệ phẩm của Công ty

+ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam trong những năm gần đây đang gia tăng nhanh chóng.

+ Do tác động dịch Covid-19 nên thói quen mua sắm, tiêu dùng của khách hàng cũng đang chuyển từ việc mua hàng trực tiếp sang hình thức mua online, dự báo được tình hình trên, các cửa hàng FoodcoMart của Công ty cũng đã nắm bắt kịp thời được xu hướng nên đáp ứng được nhu cầu và hành vi mua sắm của người tiêu dùng, ngày càng thu hút khách hàng với nhiều mặt hàng đa dạng hơn, hoạt động bán lẻ của Công ty ngày càng thuận lợi và doanh số bán hàng cũng tăng thêm.

+ Điểm mạnh của thị trường này là quy mô dân số lớn tại thành phố lớn nhất cả nước, thu nhập gia tăng dẫn đến nhu cầu tiêu dùng lớn. Với tiềm năng dồi dào, thị trường bán lẻ Việt Nam đã và đang thu hút mạnh mẽ nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, có thể kể đến các hệ thống siêu thị như Hapro, Co.op Mart, Big C, Metro, Aeon Mall, Lotte. Tuy nhiên, sự cạnh tranh của thị trường bán lẻ ngày càng khốc liệt hơn.

2. Định hướng phát triển sản phẩm, kênh phân phối, thị trường, khách hàng mục tiêu

- Trong ngắn hạn Công ty tiếp tục tranh thủ tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp, khách mua hàng ứng trước tiền hàng để tận dụng nguồn vốn mua nguyên liệu, chế biến sản phẩm lợi thế của Công ty như gạo cao cấp, chất lượng cao, đóng bao túi nhỏ phù hợp với thị hiếu khách hàng và thực hiện phương thức mua nhanh bán nhanh theo hợp đồng (như đã làm vừa qua).

- Nghiên cứu hợp tác chế biến gia công lúa, gạo cho doanh nghiệp, khách hàng, giữ hộ hàng hóa tạo nguồn thu bù đắp chi phí khấu hao TSCĐ.

- Tiến tới khôi phục lại việc SXKD ngành lương thực, xác định mục tiêu là xuất khẩu trực tiếp và khai thác mở rộng thị trường trong nước.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Mua vào:	797,10 tỷ đồng
+ Lúa gạo (quy gạo): 4.016 tấn tương đương	46,66 tỷ đồng
+ Xăng, dầu, nhớt: 7.300.000 lít tương đương	91,01 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác:	659,43 tỷ đồng

2. Bán ra:	
+ Gạo (quy gạo): 4.008 tấn tương đương	55,31 tỷ đồng

(Trong đó: cung ứng xuất khẩu ước 1.000 tấn tương đương 12,12 tỷ đồng; tự doanh của đơn vị ước 3.008 tấn, cụ thể: xuất khẩu trực tiếp 1.000 tấn tương ứng 635.000 USD, tiêu thụ nội địa ước 2.000 tấn tương ứng 28,48 tỷ đồng và thu hồi phụ phẩm ước 8 tấn tương ứng 0,04 tỷ đồng)

+ Xăng, dầu, nhớt: 7.294.000 lít tương đương	98,23 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác:	673,86 tỷ đồng
+ Khai thác dịch vụ, thu nhập khác:	59,86 tỷ đồng
3. Tổng doanh thu:	887,26 tỷ đồng

4. Lợi nhuận (không tính thu nhập bán tài sản):	0 đồng
-------------------------------------------------	--------

5. Nộp ngân sách thực hiện theo qui định của pháp luật.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp trọng tâm

- Trước tình hình kinh doanh khó khăn, Công ty cũng chưa huy động được nguồn vốn vay cũng như nhận được sự hỗ trợ của bất kỳ tổ chức nào, vốn kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu là nguồn vốn từ chính sách trả chậm, công nợ ứng trước, các khoản phải trả chưa thanh toán, một phần nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, giữ hàng và các khoản thu từ khai thác tài sản, Công ty luôn chủ động đôn đốc thu nợ sớm nhất có thể không để phát sinh nợ quá hạn, cân đối dòng tiền kiểm soát nguồn thu, chi. Một số giải pháp có thể tạo nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn hiện nay như: (1) Tăng vốn điều lệ; (2) bán các tài sản là các xí nghiệp hiện đang dư thừa công suất; (3) thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra ngoài. Tuy nhiên, đối với các giải pháp này hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn và chưa thể thực hiện được.

- Trong năm 2021, trên cơ sở các nguồn lực hiện có (năng lực sản xuất, máy móc, kho tàng, nhà xưởng...), Công ty tập trung mọi nguồn lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD trong năm 2021, tiếp tục mục tiêu phấn đấu giảm lỗ theo từng quý trong năm 2021 và tiến đến hòa vốn, có lãi trong những năm tới. Nguyên nhân là do Công ty nhận định tình hình trong thời gian tới hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều yếu tố thuận lợi, khả quan hơn và Công ty sẽ quyết tâm thực hiện các định hướng, chiến lược kinh doanh mới để tăng trưởng doanh thu, phát triển thêm các ngành nghề mới phù hợp với tiềm lực và thế mạnh của Công ty. Ngoài ra, nguyên nhân góp phần ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh là chi phí khấu hao sẽ giảm dần theo từng năm, năm 2021 là 25,6 tỷ và năm 2022 còn 19,3 tỷ đồng.

2. Giải pháp cụ thể

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp đã mang lại hiệu quả trong thời gian vừa qua và tìm thêm các giải pháp mới cho từng ngành hàng trong từng giai đoạn để đạt hiệu quả cao nhất, cụ thể:

- Các cửa hàng FoodcoMart: Ngoài bán hàng truyền thống, tăng cường bán hàng online, đa dạng hóa mặt hàng, tìm thêm các nhà cung cấp mới, có các chương trình khuyến mãi phù hợp, tăng doanh số và hiệu quả;

- Lĩnh vực gạo: Ngoài các mặt hàng gạo cho công tác bình ổn, đa dạng hóa các loại gạo (nhất là gạo bạch, gạo an toàn), giao hàng đến tận người mua, ổn định và cải thiện chất lượng gạo; tập trung tìm kiếm khai thác nguồn tiêu thụ sỉ là các bếp ăn tập thể tại các khu công nghiệp, khu dân cư; đối với gạo xuất khẩu, với nguồn vốn ít thì đẩy mạnh gạo đặc sản (giá bán từ 700-800USD/tấn); giữ khách hàng cũ và tìm thêm khách hàng mới;

- Cửa hàng xăng dầu: Ngoài bán tại các cửa hàng, tìm thêm khách hàng mới từ các tổ chức, công ty như: Công ty vận tải, công ty taxi; tăng thêm các cửa hàng xăng dầu (nếu được); tiết giảm chi phí và hao hụt;

- Tận dụng tối đa việc khai thác tài sản, dịch vụ;

- Tiết kiệm tối đa chi phí trong sản xuất và quản lý;

- Tìm kiếm các đối tác để hợp tác kinh doanh đối với những xí nghiệp lương thực thừa công suất.

- Khi tình hình dịch Covid-19 trong nước đã được kiểm soát tốt như hiện nay, bên cạnh việc khẩn trương tìm kiếm các khách hàng mới, khách hàng tiềm năng Công ty sẽ tích cực liên hệ lại với các khách hàng cũ (do ảnh hưởng của dịch Covid-19 vừa qua đã không tiếp tục gửi hàng) để lấy lại phần doanh thu cung cấp dịch vụ bị mất đi trong thời gian vừa qua.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần lương thực thành phố Hồ Chí Minh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch, phương hướng SXKD năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ban điều hành Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh kính báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, cụ thể như sau:

**Phần A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2021**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Công ty có hệ thống kho nằm ở khu vực trọng điểm vùng sản xuất lúa ở miền Tây nên rất thuận lợi trong việc thu mua nguyên liệu.

- Hệ thống cửa hàng tiện ích mang thương hiệu “Foodcomart” trải đều tại các quận, huyện thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng tại khu vực Tây Nguyên đã hoạt động trong thời gian lâu dài, có uy tín nên tạo được sự tin tưởng của nhiều khách hàng truyền thống, vẫn đang đem lại những hiệu quả nhất định ngày càng được củng cố và hoàn thiện tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Công ty luôn được sự hỗ trợ, quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị cùng với sự quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khó khăn

- Tình hình kinh doanh trong nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn, đặc biệt, đại dịch Covid-19 trong 09 tháng đầu năm diễn biến phức tạp tác động mạnh đến sự ổn định của thị trường.

- Công ty có 07 xí nghiệp lương thực thừa công suất về máy móc, gánh nặng về định phí rất lớn. Dây chuyền máy móc đã đầu tư lâu, với công nghệ lạc hậu chưa được duy tu sửa chữa nên tỷ lệ thu hồi thành phẩm thấp, giá thành cao.

- Các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án để chuyển đổi pháp lý theo quy định làm ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch kinh doanh của Công ty (Đây là khó khăn trọng yếu qua nhiều năm chưa thể thực hiện do phụ thuộc vào các cơ quan Nhà Nước).

- Vốn lưu động trong SXKD luôn thiếu hụt làm ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Công ty không có nguồn tiền cho việc mua lúa, gạo nguyên liệu dự trữ kịp thời tại thời điểm chính vụ Đông xuân để có chân hàng chất lượng tốt nhất trong năm với mức giá hợp lý. Nguồn vốn vay ngân hàng, huy động từ các tổ chức khác vẫn chưa được xem xét hỗ trợ do tình hình kinh doanh của Công ty vẫn chưa có hiệu quả.

Với những thuận lợi, khó khăn trên, công ty đã triển khai thực hiện việc mua nhanh, bán nhanh những đơn hàng có số lượng nhỏ với điều khoản thanh toán linh hoạt và sử dụng nguồn tiền ứng trước của khách hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kết quả đạt được như sau.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Kết quả kinh doanh chung

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % TH 2021 /TH 2020
I	Mua vào						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	2.053	4.000	2.378	59%	116%
2	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	7.215	7.300	5.360	73%	74%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	599,781	659,432	730,18	111%	122%
II	Bán ra						
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	2.058	4.000	1.843	46%	90%
	- Xuất khẩu	tấn	604	1.000	381	38%	63%
	- Nội địa, bình ổn TT	tấn	1.454	3.000	1.462	49%	100%
2	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	7.218	7.294	5.376	74%	74%
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	614,587	673,864	736,09	109%	120%
4	Khai thác TS, DV, khác	tỷ đồng	56,136	59,86	54,67	91%	97%
III	Tổng doanh thu	tỷ đồng	794,210	887,265	905,6	102%	114%
V	Lợi nhuận	tỷ đồng	-36,704	-	-19,694		54%
VI	Nộp ngân sách	tỷ đồng	41,705	32,577	27,839	85%	67%

2. Đánh giá chung về hoạt động SXKD năm 2021

Trước sự tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế, xã hội. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng chung. Đặc biệt, trong năm 2021, Tp. Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị của Chính phủ, người dân hạn chế đi lại làm sản lượng bán ra xăng dầu Công ty giảm sâu có thời điểm chỉ đạt 16% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, mảng khai thác dịch vụ cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ dẫn đến doanh thu mảng này chỉ đạt 87% kế hoạch. Đối với mảng lương thực, nhu cầu tiêu thụ gạo tại bếp ăn công nghiệp

giảm trong thời gian doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động do dịch bệnh Covid - 19 làm cho sản lượng bán ra chỉ đạt 51% kế hoạch. Từ các nguyên nhân trên, doanh thu, lãi gộp một số mặt hàng bị ảnh hưởng đáng kể và giảm mạnh, không bù đắp đủ định phí dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2021 lỗ: **19,694 tỷ đồng**. Cụ thể:

+ Các khoản định phí như khấu hao TSCĐ, chi phí phân bổ, khác (XNLT, VP Cty): 15,347 tỷ đồng.

+ Chi phí tiền lương, trợ cấp mất việc, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính, tiền thuê đất: 2,644 tỷ đồng.

+ Chi phí lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng: 1,703 tỷ đồng.

- Đối với sản phẩm gạo: Công ty luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu thụ nội địa, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm được sản xuất qua dây chuyền có chứng nhận HACCP và tập trung bán vào thị trường nội địa qua các đơn vị đầu mối phân phối cho các bếp ăn công nghiệp. Ngoài ra, Công ty cũng bán trực tiếp vào bếp ăn tập thể khu công nghiệp Pouyuen, khu công nghiệp Thuận Đạo – Bến lức, Long an, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi Tp. Hồ Chí Minh... Đặc biệt là tham gia tốt chương trình bình ổn thị trường của Tp. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, do không có vốn lưu động để mua vào tạo chân hàng ổn định nên sản lượng gạo xuất khẩu trực tiếp giảm mạnh. Hiện tại công ty xuất khẩu sang thị trường Châu Á (Thailand, Singapore, Hong Kong...), chủng loại gạo xuất khẩu cấp trung bình, cấp cao.

- Kinh doanh mặt hàng xăng dầu: Hệ thống kho dự trữ xăng dầu hiện nay trên địa bàn thành phố đảm bảo đủ mức tồn trữ xăng dầu tối thiểu 30 ngày theo quy định tại Nghị định 83 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Các tập đoàn Petrolimex, Saigon Petro cũng luôn khẳng định nguồn cung đảm bảo cung ứng cho thị trường. Công ty hiện là đối tác kinh doanh nhượng quyền bán lẻ xăng dầu của Sài Gòn Petro cho hoạt động của 03 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Nguồn cung ứng đầu vào của Sài Gòn Petro và khả năng dự trữ xăng dầu của công ty, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

- Kinh doanh mặt hàng công nghệ phẩm Foodcomart: Hiện tại hệ thống FoodcoMart của công ty thực hiện giao dịch mua, bán với nhiều nhà cung ứng; trong đó, các nhà cung ứng chiến lược gồm: Tân Hiệp Phát, Acecook, Ajinomoto, Coca Cola, Pepsi, Vinamilk...

+ Nhận hàng cung ứng và bán sỉ, bán lẻ ra thị trường, với trên 4.000 mặt hàng công nghệ phẩm. Trong đó, bán mạnh nhất tập trung vào các nhóm hàng: nước giải khát, mì các loại, gia vị, sữa... Khách hàng mục tiêu của hệ thống: người bán sỉ và các cửa hàng bách hóa. Thị trường mục tiêu: khu vực Tp.HCM và các tỉnh lân cận.

+ Hệ thống FoodcoMart ngoài việc đảm bảo nguồn hàng kinh doanh, đơn vị luôn duy trì và làm tốt công tác bán hàng, bình ổn thị trường theo sự chỉ đạo UBND Tp.HCM và Sở Công thương Thành phố.

2. Các công tác quản lý đã thực hiện trong năm 2021

2.1. Những việc đã làm được

- Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến tình hình SXKD, nhưng Công ty đã rất cố gắng duy trì việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo quy định Nhà nước. Thu nhập bình quân năm

2021 của người lao động 6,779 triệu đồng/người/tháng. Công tác chăm lo đời sống cho CB-CNV, người lao động trong các dịp Lễ, Tết... cũng được Ban Lãnh đạo và các Tổ chức đoàn thể của Công ty đặc biệt chú trọng.

- Trong thực trạng thiếu vốn lưu động để kinh doanh, Công ty đã tập trung tìm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ như giữ hàng hoá, gia công, nhận làm dịch vụ logistic... góp phần tăng nguồn thu bù đắp các khoản định phí.

- Chấp hành tốt các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước, các Quy chế tài chính của Công ty.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rà soát thanh lý các công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng, không phát sinh công nợ khó đi mới.

- Thực hiện công bố thông tin kịp thời đúng quy định, như công bố báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát kịp thời các đơn vị. Hướng dẫn, chấn chỉnh kịp thời các đơn vị để thực hiện đúng các quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Do thiếu hụt về vốn kinh doanh, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là mảng xăng dầu và chuỗi cửa hàng tiện ích, mảng kinh doanh lương thực tạm thời thu hẹp. Ngoài Chi nhánh FoodcoMart Sài Gòn và FoodcoMart Đắk Nông hiện đang hoạt động ổn định cùng với XNLT Sài Gòn Satake thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường và cung ứng gạo nội địa, xuất khẩu. Các Xí nghiệp còn lại tập trung khai thác dịch vụ giữ, giữ hàng, ... nhằm tăng doanh thu, bù đắp một phần chi phí phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty cũng sắp xếp lại các cửa hàng tiện ích hoạt động không hiệu quả để chuyển sang hình thức kinh doanh khác. Công tác tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự hiện nay tương đối phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong giai đoạn thu gọn mảng sản xuất, kinh doanh lương thực.

- Về công tác thực hiện đầu tư sửa chữa, cải tạo; máy móc thiết bị: Trong năm 2021, Công ty thực hiện sửa chữa, cải tạo nhỏ một số hạng mục tại các mặt bằng gồm có:

+ Cải tạo, sửa chữa thay thế mới hệ thống đường dây điện, đồng hồ điện khu vực 2, hệ thống đường nước tại mặt bằng số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6.

+ Sửa chữa cải tạo mặt nền tại Trạm xăng dầu 424 Lê Văn Sỹ, Phường 2, quận Tân Bình.

+ Sửa chữa cải tạo văn phòng tại 165B Tam Bình, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức.

- Về tình hình chuyển đổi pháp lý của 68 cơ sở nhà, đất do Công ty quản lý, sử dụng năm 2021:

- **Tại Tp. Hồ Chí Minh:** có 55 cơ sở chưa chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Công ty đang phối hợp cùng với Tổng công ty Lương thực miền Nam làm việc với các ban ngành về phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất khi chuyển sang công ty cổ phần để có cơ sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó:

+ 04 cơ sở nằm trong quy hoạch lộ giới, Công ty đang chờ ý kiến phản hồi của các Ủy ban nhân dân quận, gồm các cơ sở:

Cơ sở nhà, đất số 13 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức: dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, thành phố Thủ Đức.

Cơ sở nhà, đất số 224 và 228 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4: Phương án bồi thường, hỗ trợ của tổ chức bị ảnh hưởng tại dự án xây dựng mới Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4.

Cơ sở nhà đất 43C Tôn Thất Thuyết, quận 4, UBND quận 4: Ủy ban dân quận 4 có văn bản số 1155/UBND-ĐT ngày 23/6/2021 gửi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh báo cáo thực hiện tiến độ thu hồi đất đang tiến hành các thủ tục thẩm định và trình ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất đối với cơ sở nhà, đất này nằm trong ranh thực hiện Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh T .

+ 02 cơ sở nhà, đất: Bộ Tài chính có quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 12/03/2018 về việc thu hồi giao nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại 161 Trần Huy Liệu, Phường 08, quận Phú Nhuận và 400 Nguyễn Duy Trinh, Phường 09, Quận 8 chưa thực hiện bàn giao.

+ Riêng đối với khu đất số 400 Nguyễn Duy Trinh, Phường 09, Quận 8: vào ngày 31/3/2021, Công ty làm việc với các Ban ngành địa phương hiện tại chưa thể thực hiện bàn giao theo quyết định thu hồi nêu trên vì đang chờ ý kiến của các cấp thẩm quyền. Trường hợp, đã có quyết định thu hồi nhưng chưa bàn giao thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính đối với việc lấn chiếm đất.

- Tại các tỉnh gồm có: 13 cơ sở. Cụ thể:

+ **11 Cơ sở đã chuyển sang Công ty cổ phần:** Tỉnh Đắk Nông (01 cơ sở); Tỉnh An Giang (02 cơ sở); Tỉnh Tây Ninh (01 cơ sở); Tỉnh Lâm Đồng (01 cơ sở); Tỉnh Cần Thơ (04 cơ sở); Tỉnh Vĩnh Long (01 cơ sở); Tỉnh Đồng Tháp (01 cơ sở).

+ **01 Cơ sở tại Tỉnh Cần thơ** - Xí nghiệp Lương thực Cửu Long (gồm 04 thửa đất): 03 thửa đất đã chuyển sang Công ty cổ phần; còn 01 thửa đất (diện tích 5.507 m²) đã ký hợp đồng thuê đất, hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đang lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khu đất tại Ấp Qui Lân I, Xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (9.545 m²). điều chỉnh giảm diện tích đất 9.344,7 m² (giảm diện tích từ 9.545 m² xuống 9.344,7 m² (giảm 200,3 m²) do mở rộng đường giao thông nông thôn). Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cần Thơ đã ký hợp đồng thuê đất điều chỉnh diện tích, đang tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận điều chỉnh diện tích.

***01 cơ sở trả đất lại cho địa phương quản lý sử dụng:** Cơ sở nhà, đất số 50/19 Nguyễn Minh Châu, Khu phố 9, phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Công ty đã gửi văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận đề nghị đo vẽ xác định lại diện tích đất khu đất này.

2.2. Những việc chưa làm được

- Việc thực hiện chuyển đổi tên của các cơ sở nhà đất tại TP.HCM chưa được chuyển đổi pháp lý sang Công ty Cổ phần Lương thực TP.HCM.

- Giấy phép kinh doanh chưa được cấp do giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn chưa được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh, các cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Năm 2021, tình hình tài chính Công ty vẫn còn rất khó khăn, Công ty vẫn tự cân đối nguồn để đảm bảo công tác bình ổn thị trường, cân đối các khoản chi thiết yếu tối thiểu. Do ảnh hưởng dịch Covid-19, nguồn thu của Công ty đã bị giảm do khách hàng không gửi hàng hóa, cách ly xã hội làm doanh thu bán xăng dầu giảm đã làm cho tình hình tài chính thêm phần khó khăn.

- Công ty hiện vẫn còn rất khó khăn về nguồn vốn nhưng các giải pháp được đề xuất để tạo nguồn vốn đến nay không thể thực hiện được.

- Các khoản nợ phải trả đã đến hạn nhưng chưa thanh toán được (chủ yếu nợ Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần); chưa có nguồn cân đối; một số giải pháp đã đề xuất chưa thực hiện được như: tăng vốn; thoái vốn các khoản đầu tư ngoài; hiệu quả kinh doanh chưa có lãi.

Phần B

PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình thị trường và sản xuất

a) Thị trường ngành gạo

Thị trường nội địa Việt Nam với nhu cầu tiêu thụ gạo là khá lớn. Trong những năm gần đây, người tiêu dùng trong nước có xu thế dùng các loại gạo chất lượng cao, gạo thơm, gạo đặc sản, có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, đa phần người tiêu dùng, khách hàng sử dụng gạo đã có nơi cung ứng; do đó, để xâm nhập vào thị trường này phải nâng cao chất lượng gạo, với giá thành sản phẩm hợp lý để cạnh tranh.

b) Thị trường xăng dầu

Trong năm 2022 sẽ có nhiều thuận lợi hơn so với năm 2021 do tình hình covid tại Việt Nam đã dần được kiểm soát, tuyến Metro sắp đi vào hoạt động, Thành phố Thủ Đức đã được phê duyệt nên tình hình dân cư ngày càng đông đúc và nhu cầu đi lại tăng cao mang lại tiềm năng lớn đối với cửa hàng xăng dầu của Công ty do vị trí thuận lợi.

c) Thị trường bán lẻ tại Việt Nam, tác động đến hệ thống FoodcoMart cung ứng hàng công nghệ phẩm của Công ty

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam trong những năm gần đây đang gia tăng nhanh chóng.

- Tác động dịch Covid nên thói quen mua sắm, tiêu dùng của khách hàng cũng đang chuyển từ việc mua hàng trực tiếp sang hình thức mua online, dự báo được tình hình các cửa hàng Foodcomart của Công ty cũng đã nắm bắt kịp thời được xu hướng trên nên đáp ứng được nhu cầu và hành vi mua sắm của người tiêu dùng, ngày càng thu hút khách hàng hơn với nhiều mặt hàng đa dạng hơn, hoạt động bán lẻ của công ty ngày càng thuận lợi hơn và doanh số bán hàng cũng tăng thêm.

- Điểm mạnh của thị trường này là quy mô dân số đông tại thành phố lớn nhất cả nước. Với tiềm năng dồi dào, thị trường bán lẻ Việt Nam đã và đang thu hút mạnh mẽ nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, có thể kể đến các hệ thống siêu thị như Hapro, Saigon Co.op Mart, Big C, Metro, Aeon Mall, Lotte. Từ đó, sự cạnh tranh của thị trường bán lẻ ngày càng khốc liệt hơn.

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam trong những năm gần đây đang dần hồi phục và dự báo sẽ tăng từ năm 2022.

- Với đa phần số dân trong độ tuổi trẻ, Việt Nam nhiều năm liền nằm trong nhóm thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất thế giới. Ngành Bán lẻ vì vậy cũng trải qua quá trình biến chuyển và tiến hóa cùng “con lốc” mua sắm trực tuyến để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang thay đổi từng ngày của khách hàng.

2. Định hướng phát triển sản phẩm, kênh phân phối, thị trường, khách hàng mục tiêu của đơn vị

- Trong ngắn hạn Công ty cần tiếp tục tranh thủ tăng cường quan hệ doanh nghiệp, khách mua hàng ứng trước tiền hàng để tận dụng nguồn vốn mua nguyên liệu, chế biến sản phẩm lợi thế của Công ty như gạo cao cấp, chất lượng cao, đóng bao túi nhỏ phù hợp với tình hình tài chính của Công ty và thực hiện phương thức mua nhanh bán nhanh theo hợp đồng (như đã làm vừa qua).

- Nghiên cứu hợp tác chế biến gia công lúa, gạo cho doanh nghiệp, khách hàng, giữ hộ hàng hóa tạo nguồn thu bù đắp chi phí khấu hao TSCĐ.

- Tiến tới từng bước khôi phục việc SXK ngành lương thực, xác định mục tiêu là xuất khẩu trực tiếp và khai thác mở rộng thị trường trong nước.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Mua vào:

+ Lúa gạo (quy gạo):	1.105 tấn tương đương	11,086 tỷ đồng
+ Xăng, dầu, nhớt:	6.200.000 lít tương đương	135,408 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác:		135,470 tỷ đồng

2. Bán ra:

+ Gạo (quy gạo):	1.538 tấn tương đương	18,354 tỷ đồng
+ Xăng, dầu, nhớt:	6.200.000 lít tương đương	141,865 tỷ đồng
+ Công nghệ phẩm, hàng khác:		139,780 tỷ đồng
+ Khai thác dịch vụ, thu nhập khác:		61,553 tỷ đồng

3. Tổng doanh thu: 361,552 tỷ đồng

4. Lợi nhuận (không tính thu nhập bán tài sản): **0,100 tỷ đồng**

5. Nộp ngân sách thực hiện theo qui định của pháp luật.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp trọng tâm

- Trong năm 2022, trên cơ sở các nguồn lực hiện có (năng lực sản xuất, máy móc, kho tàng, nhà xưởng...), Công ty tập trung mọi nguồn lực, phân đầu để đạt được kết quả từ hoà vốn đến có lãi. Công ty tiếp tục củng cố, duy trì hoạt động kinh doanh theo bốn ngành hàng chính là lương thực, xăng dầu, công nghệ phẩm và khai thác dịch vụ đã được định hình ổn định trong các năm qua. Ngoài ra, chi phí khấu hao giảm dần theo từng năm, năm 2021 là 25,6 tỷ và năm 2022 c n 19,3 tỷ sẽ tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 là 6,3 tỷ đồng.

2. Giải pháp cụ thể

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp đã mang lại hiệu quả trong thời gian vừa qua và tìm thêm các giải pháp mới cho từng ngành hàng trong từng giai đoạn để đạt hiệu quả tốt nhất, cụ thể:

- Các Foodcomart: thực hiện tái cơ cấu tổ chức hoạt động của hệ thống Foodcomart, thu hẹp, tạm dừng các cửa hàng kinh doanh thu lỗ kéo dài nhằm mục tiêu giảm chi phí, tăng hiệu quả của cả hệ thống.

- Lĩnh vực gạo:

+ Theo dõi sát diễn biến thị trường lúa, gạo trong ngoài nước, vụ mùa sản xuất để thực hiện tốt công tác mua, bán nội địa, xuất khẩu theo kế hoạch đã xây dựng bằng nhiều giải pháp, phù hợp với khả năng, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

+ Đối với thị trường nội địa, bán vào các bếp ăn tập thể, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp, chú trọng bán sỉ nội địa, thực hiện chương trình bình ổn thị trường tại Tp. Hồ Chí Minh,

+ Đối với thị trường xuất khẩu:

- Củng cố, tăng cường nhân sự bộ phận xuất khẩu gạo của công ty.

- Sắp xếp, hợp lý hóa, cải tiến, đầu tư mới hiện đại máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chế biến gạo, đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn gạo xuất khẩu.

- Tập trung, tăng cường công tác thị trường, bán hàng: liên hệ, kết nối với các khách hàng cũ đã có quan hệ mua bán trước đây; phát huy vai trò là thành viên của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) để thực hiện các hợp đồng xuất khẩu tập trung được phân bổ, tham gia các hội chợ, hội nghị thương mại gạo để tìm kiếm khách hàng xuất khẩu trực tiếp và tận dụng sự hỗ trợ từ cổ đông lớn Tổng công ty Lương thực miền Nam để tham gia cung ứng xuất khẩu.

+ Tận dụng tiềm năng lợi thế của các kho lương thực, Công ty chủ động liên hệ với các đối tác có tiềm lực về vốn đang có nhu cầu về kho chứa, sản xuất, gia công gạo nhằm phát huy thế mạnh của các bên để khai thác hết năng lực sản xuất, máy móc thiết bị của các xí nghiệp Lương thực và giải quyết tạm thời những khó khăn về vốn kinh doanh như hiện nay.

- Cửa hàng xăng dầu: Ngoài bán tại các cửa hàng, tìm thêm khách hàng mới từ văn phòng các tổ chức công ty, Công ty vận tải, taxi; tăng thêm các cửa hàng xăng dầu (nếu được); tiết giảm chi phí và hao hụt;

- Tận dụng tối đa việc khai thác tài sản, dịch vụ;

- Tiết kiệm tối đa chi phí trong sản xuất và quản lý;

- Khi tình hình dịch Covid-19 trong nước dự đoán trong năm 2022 sẽ được kiểm soát tốt, bên cạnh việc khẩn trương tìm kiếm các khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Công ty sẽ tích cực liên hệ với các khách hàng cũ (khó khăn ảnh của dịch Covid-19 vừa qua đã không tiếp tục gửi hàng) để lấy lại phần doanh thu cung cấp dịch vụ bị mất đi trong thời gian vừa qua.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần lương thực thành phố Hồ Chí Minh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về kết quả hoạt động SXK năm 2021 và kế hoạch, phương hướng SXKD năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban T Đ;
- Lưu: VT.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

I. Đánh giá tình hình chung

Với tình hình kinh tế - xã hội cả nước trong năm 2017 còn nhiều khó khăn, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt từ những doanh nghiệp cùng ngành. Thị trường xuất khẩu gạo không có những hợp đồng tập trung với số lượng lớn. Giá cả trong nước biến động bất thường theo nhu cầu xuất khẩu của các hợp đồng thương mại. Vì vậy, tại Công ty cũng không tránh khỏi xu hướng chung và do không có nguồn vốn kinh doanh nên hoạt động kinh doanh lương thực của Công ty tạm thời thu hẹp lại. Trong tình hình tài chính của Công ty còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đã có những quyết sách, những biện pháp giúp Công ty chủ động đối phó với những biến động của thị trường, ngoài những chủ trương về lựa chọn phương thức, mặt hàng kinh doanh, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí...; chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty ngoài việc kinh doanh lĩnh vực chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh lương thực, còn phải tập trung khai thác các lợi thế của Công ty như đẩy mạnh khai thác dịch vụ, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh chuỗi cửa hàng si và lẻ, tập trung khai thác các cơ sở vật chất mặt bằng nhà xưởng của Công ty để phù hợp với tình hình tài chính quá khó khăn hiện nay của Công ty.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017

1. Tổng kết các cuộc họp, các quyết định của HĐQT

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất 19 phiên, được tiến hành tại văn phòng Công ty số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM; lấy ý kiến bằng văn bản 12 lần, ban hành 33 Nghị quyết (NQ) và 23 Quyết định về những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của Công ty theo nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT; triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ

đông thường niên năm 2017 và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 (ĐHĐCĐ).

- Các NQ của HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD; chủ trương vay vốn từ các tổ chức khác để bổ sung nguồn vốn lưu động cho FoodcoMart mua hàng hóa, tham gia bình ổn thị trường; sắp xếp định biên lao động từng phòng ban đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn hiệu quả; cử người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp không chi phối và quyết định ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty. Thực hiện sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (chủ yếu giảm vốn điều lệ theo NQ ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2017).

- Về nhân sự HĐQT, tháng 06/2017 có thay đổi 01 thành viên HĐQT chuyên trách; tháng 10/2017 thay đổi 01 chủ tịch HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

2. Về tiền lương, thù lao của HĐQT

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, mức tiền lương và thù lao HĐQT như sau:

- Tiền lương: Chủ tịch HĐQT chuyên trách 20.250.000 đồng/người/tháng, thành viên HĐQT chuyên trách 17.250.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách 3.000.000 đồng/người/tháng (trong đó có 02 thành viên HĐQT tự nguyện không nhận thù lao từ tháng 06 đến tháng 12/2017).

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành

HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện định hướng chung năm 2017, Công ty tiếp tục kinh doanh mặt hàng chính là kinh doanh lương thực, không để tồn kho dài hạn, theo dõi sát tình hình thị trường, phát triển thị trường gạo nội địa (tổng lượng bán ra lúa gạo quy gạo 29.286 tấn), củng cố hoạt động kinh doanh của chuỗi bán lẻ FoodcoMart, tập trung khai thác dịch vụ (thuê kho, gia công lương thực tại các Xí nghiệp), không đầu tư mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoàn tất công tác bàn giao công ty TNHH sang công ty cổ phần, hợp nhất phần mềm kế toán chung (đang nghiên cứu), quản lý SXKD chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý, sắp xếp định biên lao động (đã tinh giảm 35% lao động – 31/12/2016: 417 người, 31/12/2017: 270 người), đào tạo và tuyển dụng nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu của Công ty (tuyển mới 90 lao động, chủ yếu tại FCM Sài Gòn). Các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực thi nhiệm vụ được phân công, nắm chắc tình hình hoạt động quản lý điều hành, tình hình kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý để có ý kiến trực tiếp hoặc ban hành nghị quyết kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền

HĐQT, giúp Ban điều hành giải quyết có hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động SXKD.

4. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, có nhiều cố gắng trong hoạt động điều hành, chăm lo đời sống người lao động, thường xuyên hội ý, báo cáo tình hình SXKD, các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để HĐQT nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

- Ngày 03/3/2017, Công ty tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UpCOM, thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đúng qui định và hệ thống Website mới của Công ty cơ bản hoàn thiện.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kỳ vọng, doanh thu không bù đắp được các khoản định phí nên dẫn đến việc phát sinh lỗ năm 2017 với số tiền 63,63 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Công ty vốn đã khó khăn lại càng thêm khó khăn, Công ty không còn vốn lưu động để tiếp tục hoạt động, chưa ngăn chặn được lỗ nên chưa huy động được vốn vay ngân hàng. Tuy vậy, Công ty đã tranh thủ huy động được nguồn vay từ các tổ chức khác như Công ty CP Đầu tư SFC, Công ty CP Đầu tư Song Mộc để duy trì hoạt động kinh doanh và đặc biệt là sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty.

- Kết quả kinh doanh năm 2017 tóm tắt như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% TH so với KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.275	1.054	46,3
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	15	- 63,635	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	29,7	18,865	63,5

(Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được trình bày cụ thể trong báo cáo của Ban điều hành Công ty).

5. Các mặt hoạt động còn hạn chế

Do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình kinh tế xã hội chung cũng như tình hình tài chính, nhân lực của Công ty nên một số mục tiêu của Hội đồng quản trị có đề ra nhưng chưa thực hiện được như:

- Chưa thể nắm bắt đổi mới kịp thời với hoạt động của mô hình Công ty cổ phần, chưa chủ động để tìm hướng đi mới để hoạch định chiến lược kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như tìm những giải pháp kinh doanh có hiệu quả hơn trong giai đoạn khó khăn của ngành lương thực.

- Chưa tìm được giải pháp phù hợp trong tình hình kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh không đạt được các chỉ tiêu so với kỳ vọng trong đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2017.

- Chưa thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do tình hình tài chính của Công ty không tốt.

- Chưa thực hiện được việc giảm vốn điều lệ theo Quyết định phê duyệt Tổng công ty Lương thực miền Nam và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Về chuỗi cửa hàng bán lẻ chưa mạnh dạn đầu tư để nâng cao cơ sở vật chất tại các cửa hàng, cũng như có chiến lược đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa trong lĩnh vực bán lẻ dẫn đến thị phần kinh doanh chuỗi cửa hàng bán lẻ bị sụt giảm.

- Hồ sơ pháp lý một số cơ sở nhà, đất chưa chuyển tên sang Công ty cổ phần và trong năm 2017 cơ chế Nhà nước cũng chưa cho phép Công ty thực hiện việc bán, thanh lý các tài sản dư thừa công suất.

II. Phương hướng hoạt động năm 2018

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.327
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,360
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	21

Phương hướng hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2018 như sau:

1. Công tác hoạt động của HĐQT, thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông.

2. Về công tác quản lý, xây dựng định hướng hoạt động SXKD của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2018 nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 và cố gắng phấn đấu đạt kế hoạch 2018. Hội đồng quản trị sẽ tập trung công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các mục tiêu sau:

2.1. Hoạt động kinh doanh:

- Đối với lương thực: Công ty định hướng và xác định kinh doanh lương thực vẫn là ngành nghề kinh doanh chính, tiếp tục quan hệ với các ngân hàng để có hạn mức tín dụng, huy động mọi nguồn lực để có vốn cho hoạt động kinh doanh lương thực, thực hiện phương châm mua nhanh bán nhanh và có hiệu quả.

- Kinh doanh chuỗi cửa hàng FoodcoMart: tập trung củng cố hệ thống cửa hàng tiện ích, sắp xếp lại cơ cấu mặt hàng, ngành hàng, trưng bày hàng hóa tại các

cửa hàng phù hợp với đối tượng mà cửa hàng hướng tới; đảm bảo mua vào những hàng hóa phù hợp với cơ cấu hàng hóa cần có để bán và bán được với mức cạnh tranh, phù hợp với thị trường; tăng cường quảng bá thương hiệu FoodcoMart với hình thức tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi đi đôi với việc chấn chỉnh phong cách phục vụ, nâng cao khả năng giới thiệu sản phẩm hàng hóa của nhân viên bán hàng. Song song đó, thực hiện tốt công tác kiểm soát, dùng kịp thời các mặt hàng chậm luân chuyển, thay thế mặt hàng mới theo nhu cầu của thị trường.

- Kinh doanh xăng dầu và khai thác dịch vụ: tiếp tục củng cố công tác quản lý, đầu tư và nhân sự để khai thác tốt hơn nữa và có hiệu quả.

- Khai thác hệ thống kho tàng, nhà xưởng tại các xí nghiệp lương thực: tận dụng công suất máy móc, thiết bị tại các Xí nghiệp qua các hình thức gia công chế biến cho các đơn vị có nhu cầu. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ như gia công ngoài, giữ hộ hàng hóa, khai thác bến cảng để tăng thêm thu nhập cho đơn vị.

2.2. Về nhân sự, tiền lương: Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, đổi mới chính sách tiền lương, thưởng đối với nhân viên và cán bộ quản lý.

2.3. Về pháp lý các cơ sở nhà đất: sớm hoàn tất việc chuyển đổi pháp lý sang Công ty cổ phần đối với các cơ sở nhà đất toàn công ty.

2.4. Công tác đầu tư ngoài: chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án thoái vốn đầu tư tại các công ty có vốn góp, các dự án không hiệu quả để thu hồi vốn cho hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 427/BC-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

I. Đánh giá tình hình chung

Căn cứ tình hình tài chính của Công ty cuối năm 2017, dự báo khả năng không thể tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng nên hoạt động kinh doanh lương thực của Công ty tạm thời thu hẹp lại. Hội đồng quản trị đã chủ động đối phó, ngoài những chủ trương về lựa chọn phương thức, mặt hàng kinh doanh, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí,...; chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty ngoài việc kinh doanh lĩnh vực chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh lương thực, còn phải tập trung khai thác các lợi thế của Công ty như đẩy mạnh khai thác dịch vụ, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh chuỗi cửa hàng sỉ và lẻ, tập trung khai thác các cơ sở vật chất mặt bằng nhà xưởng của Công ty để phù hợp với tình hình tài chính quá khó khăn hiện nay của Công ty.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018

1. Tổng kết các cuộc họp, các quyết định của HĐQT

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất 07 phiên, được tiến hành tại Văn phòng Công ty số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, TP.HCM; ban hành 03 Nghị quyết (NQ) và 09 Quyết định về những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của Công ty theo nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

- Các NQ của HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc thay đổi Người đại diện phần vốn và số cổ phần đại diện của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tại Công ty và việc hoãn không tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vì Công ty đang trong quá trình điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thông qua việc thay đổi vốn điều lệ từ 294.500.000.000 đồng tương ứng 29.450.000 cổ phần giảm còn 255.138.000.000 đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 ngày 29/09/2017 nên chưa thống nhất tỷ lệ biểu quyết Đại hội.

- Về nhân sự HĐQT: tháng 03/2018 có thay đổi 01 thành viên HĐQT không

chuyên trách; ông Nguyễn Thành Vinh đại diện 3.500.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tham gia ứng cử vị trí thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. Trong thời gian chờ đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ, tạm thời Ông Nguyễn Thành Vinh sẽ tiếp nhận vị trí thành viên HĐQT không chuyên trách tại Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM kể từ ngày 01/04/2018; ông Trương Tiến Dũng, đại diện 6.190.114 cổ phần (*trước đây đại diện 3.500.000 cổ phần*) của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tại Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM.

2. Về tiền lương, thù lao của HĐQT

Mức tiền lương và thù lao HĐQT thực hiện trong năm 2018 như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách 20.250.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: không thực hiện chi trả cho người quản lý không chuyên trách.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành

HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện định hướng chung năm 2018, Công ty tiếp tục kinh doanh mặt hàng chính là kinh doanh lương thực, củng cố hoạt động kinh doanh của chuỗi bán lẻ FoodcoMart, tập trung khai thác dịch vụ (thuê kho, gia công lương thực tại các Xí nghiệp), không đầu tư mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, hợp nhất phần mềm kế toán chung (đang nghiên cứu), quản lý SXKD chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý. Trên cơ sở sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động của Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake. Bên cạnh đó, đối với các cửa hàng tiện ích hoạt động không hiệu quả cũng được sắp xếp lại để chuyển sang hình thức kinh doanh khác. Tổng số lao động thời điểm ngày 31/12/2018: 229 người (trong đó có 95 lao động nữ), giảm 41 lao động so với thời điểm 31/12/2017 (tỷ lệ giảm 15,2%). Trong năm 2018, tuyển mới 30 người và chấm dứt HĐLĐ cho 71 người (trong đó có 05 lao động nghỉ hưu, 08 lao động nghỉ dôi dư).

4. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của HĐQT, có nhiều cố gắng trong hoạt động điều hành, chăm lo đời sống người lao động, thường xuyên hội ý, báo cáo tình hình SXKD, các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để HĐQT nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

- Trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với nhiều cố gắng, tận dụng khai thác triệt để việc nhận gia công hàng hóa, nhận dịch vụ gửi giữ hàng hóa để tăng thêm nguồn thu bù đắp phần nào định phí tại các xí nghiệp lương thực, khai thác dịch vụ tối đa các nguồn lực hiện có, tạo nguồn thu để bù đắp chi phí, tạo công ăn việc làm cho người lao động, thay đổi nhiều phương thức để hệ thống FoodcoMart Sài Gòn đã bắt đầu kinh doanh có hiệu quả, kết quả kinh doanh toàn Công ty đã giảm được lỗ qua từng quý và so với cùng kỳ.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kỳ vọng, doanh thu vẫn chưa thể bù đắp được các khoản chi phí cố định rất lớn nên dẫn đến việc phát sinh lỗ trong năm 2018. Tình hình tài chính của Công ty vốn đã khó khăn lại càng thêm khó khăn, Công ty không còn vốn lưu động để tiếp tục hoạt động, chưa ngăn chặn được lỗ nên chưa huy động được vốn vay ngân hàng.

- Kết quả kinh doanh năm 2018 tóm tắt như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% TH so với KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.327	597	45%
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,36	-26,89	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	21	28,85	137%

(Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được trình bày cụ thể trong báo cáo của Ban điều hành Công ty).

5. Các mặt hoạt động còn hạn chế

Do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình kinh tế xã hội chung cũng như tình hình tài chính, nhân lực của Công ty nên một số mục tiêu của Hội đồng quản trị có đề ra nhưng chưa thực hiện được như:

- Chưa chủ động để tìm hướng đi mới để hoạch định chiến lược kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như tìm những giải pháp kinh doanh có hiệu quả hơn trong giai đoạn khó khăn của ngành lương thực.

- Chưa thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do các chỉ tiêu tài chính xấu và kết quả kinh doanh của Công ty chưa có hiệu quả; Công ty không có vốn nên Công ty không tổ chức thu mua dự trữ trong năm 2018 và hiện kinh doanh lương thực của Công ty tạm thu hẹp lại. Hoạt động kinh doanh lương thực của Công ty chủ yếu là bán nội địa và xuất cho Tổng công ty, bình ổn thị trường tại TP. HCM.

- Chưa thực hiện được việc giảm vốn điều lệ theo Quyết định phê duyệt Tổng công ty Lương thực miền Nam và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Về chuỗi cửa hàng bán lẻ chưa mạnh dạn đầu tư để nâng cao cơ sở vật chất tại các cửa hàng, cũng như có chiến lược đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa trong lĩnh vực bán lẻ dẫn đến thị phần kinh doanh chuỗi cửa hàng bán lẻ bị sụt giảm.

- Chưa thực hiện được việc thoái vốn tại các dự án liên doanh liên kết.

- Chưa chuyển tên sang Công ty cổ phần các cơ sở nhà, đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Phương hướng hoạt động năm 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	620

2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0
3	Nợ ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định

Phương hướng hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019 như sau:

1. Định hướng năm 2019, kết hợp nhiều giải pháp để kinh doanh hòa vốn và có hiệu quả, cụ thể:

- Tập trung khai thác tối đa các nguồn lực về kho tàng, mặt bằng, máy móc thiết bị để gia tăng nguồn thu thêm nữa, bù đắp các chi phí.

- Xin chủ trương để thực hiện thoái vốn tại các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty.

- Đối với lương thực, sẵn sàng từng bước khôi phục hoạt động sản xuất khi có đủ điều kiện về vốn, thị trường và cơ hội.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ và nâng cao hơn nữa hiệu quả tại chuỗi cửa hàng FoodcoMart.

- Kinh doanh xăng dầu, tiếp tục củng cố công tác quản lý, đầu tư và nhân sự để khai thác tốt hơn nữa và có hiệu quả.

2. Về pháp lý các cơ sở nhà đất, sớm hoàn tất việc chuyển đổi pháp lý sang Công ty cổ phần đối với các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chỉ đạo Ban điều hành bằng mọi biện pháp, thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết dứt điểm các tồn tại của các dự án liên doanh, liên kết với từng đối tác cụ thể.

4. Sớm hoàn tất việc thực hiện đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới để các cổ đông lớn thống nhất thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Về lâu dài nhằm giải quyết triệt để các tồn tại về tài chính, Công ty sẽ xây dựng phương án thanh lý các xí nghiệp lương thực dư thừa công suất hoặc liên doanh liên kết dưới hình thức Công ty TNHH hoặc cổ phần hóa bộ phận.

6. Tìm kiếm đối tác khai thác các tiềm năng hiện có của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định và có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /BC-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

I. Tình hình chung của Công ty

Ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã nhận định được tình hình Công ty vẫn còn nhiều khó khăn nên đã đồng hành, chỉ đạo Ban Điều hành Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp như ngoài việc kinh doanh lĩnh vực chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh lương thực, còn phải tập trung khai thác các lợi thế của Công ty như đẩy mạnh khai thác dịch vụ, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh chuỗi Cửa hàng bán Si và bán Lẻ để có nguồn thu tốt nhất trong ngắn hạn. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của Công ty đã từng bước đi vào ổn định và có những chuyển biến tích cực. Kết quả sản xuất kinh doanh tuy chưa đạt chỉ tiêu về lợi nhuận khi số lỗ là -15.55 tỷ đồng nhưng đã giảm lỗ 11,35 tỷ đồng (tương ứng 42,2%) so với năm 2018.

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

1. Tổng kết các cuộc họp, các quyết định của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất 06 phiên; ban hành 08 Nghị quyết và 04 Quyết định về những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của Công ty theo nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc thay đổi Người đại diện phân vốn và số cổ phần đại diện của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tại Công ty và việc hoãn không tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vì Công ty đang trong quá trình điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thông qua việc thay đổi vốn điều lệ từ 294.500.000.000 đồng tương ứng 29.450.000 cổ phần giảm còn 255.138.000.000 đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 ngày 29/09/2017 nên chưa thống nhất tỷ lệ biểu quyết Đại hội.

- Về nhân sự Hội đồng quản trị: Tháng 07/2019 có thay đổi 01 thành viên

Hội đồng quản trị không chuyên trách; bà Trần Thị Xuân Mai đại diện 3.500.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tham gia ứng cử vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trong thời gian chờ đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ, tạm thời bà Trần Thị Xuân Mai sẽ tiếp nhận vị trí thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách tại Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 20/07/2019; ông Trương Tiến Dũng, đại diện 6.190.114 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tại Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị

Mức tiền lương và thù lao HĐQT thực hiện trong năm 2019 như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách 20.250.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: không thực hiện chi trả cho người quản lý không chuyên trách.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện định hướng chung năm 2019, Công ty tiếp tục kinh doanh mặt hàng chính là kinh doanh lương thực, củng cố hoạt động kinh doanh của chuỗi bán lẻ FoodcoMart, tập trung khai thác dịch vụ (giữ hàng, gia công lương thực tại các Xí nghiệp), không đầu tư mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, quản lý sản xuất kinh doanh chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý. Tổng số lao động thời điểm ngày 31/12/2019: 211 người (trong đó có 87 lao động nữ), giảm 18 lao động so với thời điểm 31/12/2018. Trong năm 2019, tuyển mới 15 người và chấm dứt Hợp đồng lao động cho 33 người (trong đó có 01 lao động nghỉ hưu).

4. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

- Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn được thực hiện chặt chẽ, để nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết; Ban Điều hành cũng đã kịp thời đề xuất tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác điều hành Công ty theo thẩm quyền.

- Theo số liệu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 cho thấy, mặc dù đứng trước những khó khăn về nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản chi phí khấu hao, truy thu tiền thuê đất, trợ cấp mất việc làm, chi phí lãi theo nghĩa vụ hợp đồng,... Ban Điều hành đã rất nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty, các chủ trương từ Hội đồng quản trị, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Công ty. Từ đó, khai thác tối đa các nguồn lực hiện có, tạo nguồn thu để bù đắp chi phí; Kết quả kinh doanh của từng ngành hàng năm 2019 nhìn chung đều đạt hiệu quả cao hơn so với cùng kỳ như kinh doanh lương thực, kinh doanh hàng công nghệ phẩm đã giảm được lỗ, khai thác dịch vụ có hiệu quả, mặt hàng xăng dầu có giảm hiệu quả so với cùng kỳ do gặp một số khó khăn khách quan nhưng vẫn đạt hiệu quả đáng kể trong

cơ cấu các ngành hàng; Đặc biệt, trong năm 2019 Công ty cũng đã trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số tiền 18 tỷ đồng.

- Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, các Thành viên Ban Điều hành thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tốt, đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty và thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định.

- Kết quả kinh doanh năm 2019 tóm tắt như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% TH so với KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	620,01	731,53	117,98%
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0	-15,55	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	26,28	40,89	155,60%

(Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được trình bày cụ thể trong báo cáo của Ban Điều hành Công ty).

5. Các mặt hoạt động còn hạn chế

Do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình kinh tế xã hội chung cũng như tình hình tài chính, nhân lực của Công ty nên một số mục tiêu của Hội đồng quản trị có đề ra nhưng chưa thực hiện được như:

- Chưa chủ động để tìm hướng đi mới để hoạch định chiến lược kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như tìm những giải pháp kinh doanh có hiệu quả hơn trong giai đoạn khó khăn của ngành lương thực.

- Chưa thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do các chỉ tiêu tài chính xấu và kết quả kinh doanh của Công ty chưa có hiệu quả; Công ty không có vốn nên Công ty không tổ chức thu mua dự trữ trong năm 2019 và hiện kinh doanh lương thực của Công ty tạm thu hẹp, chủ yếu là bán nội địa và xuất cho Tổng công ty, bình ổn thị trường tại khu vực TP. Hồ Chí Minh.

- Chưa thực hiện được việc giảm vốn điều lệ theo Quyết định phê duyệt Tổng công ty Lương thực miền Nam và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Chưa thực hiện được việc thoái vốn tại các dự án liên doanh liên kết.

- Chưa chuyển tên sang Công ty cổ phần các cơ sở nhà, đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Phương hướng hoạt động năm 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	799,139
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	31,285

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện chức năng giám sát năng lực thực thi nhiệm vụ và năng lực giải trình của Ban điều hành và đội ngũ cán bộ chủ chốt Công ty trong triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua.

b) Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 Hội đồng quản trị đã thông qua.

c) Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

e) Chỉ đạo sớm hoàn tất việc thực hiện đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới; việc chuyển đổi pháp lý sang Công ty cổ phần đối với các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết dứt điểm các tồn tại của các dự án liên doanh, liên kết với từng đối tác cụ thể.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tâm

Số: /BC-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. Tình hình chung của Công ty

Chúng ta đã biết năm 2020 là năm đã trải qua nhiều khó khăn thách thức lớn như phải đối phó với dịch Covid-19 thiên tai lũ lụt nghiêm trọng ở miền Trung... tác động mạnh đến đời sống sự ổn định kinh tế và hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh đó hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn khi doanh thu bị sụt giảm của các ngành hàng bị giảm mạnh. Đặc biệt là khi Công ty phải trả thêm khoản truy thu tiền thuế đất ghi nhận khoản tiền lãi do chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Trước tình hình khó khăn đó Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và sát cánh cùng với Ban Điều hành đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của Công ty để duy trì hoạt động và chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

1. Các cuộc họp, các quyết định của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện 03 phiên họp; ban hành 06 Nghị quyết và 03 Quyết định về những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động quản trị điều hành của Công ty theo nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

- Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2020; tiếp nhận và bổ nhiệm các thành viên Ban điều hành.

2. Về tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị

Mức tiền lương và thù lao HĐQT thực hiện trong năm 2020 như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách 20.250.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: không thực hiện chi trả cho người quản lý không chuyên trách.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Ban Điều hành

- Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh chung năm 2020 của Công ty là tập trung kinh doanh mặt hàng lương thực cơ cấu lại chuỗi bán sỉ bán lẻ của Công ty theo hướng kinh doanh tập trung vào hiệu quả kinh doanh xăng dầu khai thác dịch vụ (giữ hàng và gia công lương thực tại các Xí nghiệp) không đầu tư mới cơ sở vật chất trang thiết bị quản lý sản xuất kinh doanh chặt chẽ tiết kiệm tối đa các khoản chi phí đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty; Trên cơ sở nhận định tình hình sản xuất kinh doanh trong thời gian tới có nhiều yếu tố thuận lợi khả quan nên Công ty tập trung mọi nguồn lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tiếp tục mục tiêu phấn đấu giảm lỗ ở mức thấp nhất theo tình hình thực tế của Công ty để tiến đến hòa vốn và kinh doanh có lãi trong những năm tới.

Tiếp tục và cố gắng hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý về việc đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và việc chuyển đổi cơ sở pháp lý của 56 cơ sở nhà đất do Công ty quản lý đang trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Các thành viên Hội đồng Quản trị đã nỗ lực thực thi nhiệm vụ được phân công nắm bắt tình hình hoạt động quản lý điều hành tình hình kết quả kinh doanh hàng tháng hàng quý để có ý kiến trực tiếp hoặc ban hành nghị quyết kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị.

4. Công tác giám sát đối với Ban điều hành

- Năm 2020 mặc dù chịu sự tác động tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh những khó khăn về nguồn vốn phục vụ cho hoạt động Sản xuất kinh doanh các khoản chi phí khấu hao truy thu tiền thuê đất giá đất tăng thêm chi phí lãi phát sinh ... Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực triển khai thực hiện các chủ trương của Hội đồng Quản trị linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Công ty. Từ đó khai thác tối đa các nguồn lực hiện có tạo nguồn thu để bù đắp chi phí và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành luôn được thực hiện chặt chẽ để nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết; Ban Điều hành cũng đã kịp thời đề xuất tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các nghị quyết quyết định của Hội đồng Quản trị liên quan đến công tác điều hành Công ty theo thẩm quyền.

- Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày các Thành viên Ban Điều hành thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tốt đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty và thực hiện báo cáo Hội đồng Quản trị theo quy định.

- Kết quả kinh doanh năm 2020 tóm tắt như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH so với KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	799,14	794,210	99,38%
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng		-36,704	

3	ộp ngân sách	Tỷ đồng	31,061	42,802	137,80%
---	--------------	---------	--------	--------	---------

(Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được trình bày cụ thể trong báo cáo của Ban điều hành Công ty).

5. Các mặt hoạt động còn hạn chế

Do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình kinh tế xã hội chung cũng như tình hình tài chính nhân lực của Công ty nên một số mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra nhưng chưa thực hiện được như:

- Chưa chủ động đề tìm hướng đi mới để hoạch định chiến lược kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh đẩy mạnh xuất khẩu cũng như tìm những giải pháp kinh doanh có hiệu quả cho ngành lương thực.

- Chưa thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do các chỉ tiêu tài chính xấu và kết quả kinh doanh của Công ty chưa có hiệu quả; Công ty không có vốn nên Công ty không tổ chức thu mua dự trữ, chủ yếu là bán nội địa, xuất cho Tổng công ty và tham gia bình ổn thị trường tại khu vực TP. Hồ Chí Minh.

- Chưa thực hiện được việc giảm vốn điều lệ theo Quyết định phê duyệt của Tổng công ty Lương thực miền Nam và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Chưa thực hiện được việc thoái vốn tại các dự án liên doanh liên kết.

- Chưa chuyển tên sang Công ty cổ phần các cơ sở nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Phương hướng hoạt động năm 2021

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	887,000
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	12,000
3	ộp ngân sách	Tỷ đồng	32,577

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021:

a) Thực hiện chức năng giám sát năng lực thực thi nhiệm vụ và năng lực giải trình của Ban điều hành và đội ngũ cán bộ chủ chốt Công ty trong triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được thông qua.

b) Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Hội đồng quản trị đã thông qua.

c) Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật liên quan.

e) Chỉ đạo sớm hoàn tất việc thực hiện đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới; việc chuyển đổi pháp lý sang Công ty cổ phần đối với các cơ sở nhà đất tại thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết dứt điểm các tồn tại của các dự án liên doanh liên kết với từng đối tác cụ thể.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tâm

Số: /BC-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Kính thưa Quý cổ đông! Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về quản trị và kết quả hoạt động năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện gồm có các thành viên:

- Ông Nguyễn Quang Tâm - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Anh Vũ - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Thanh Điền - Thành viên HĐQT
- Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Xuân Mai - Thành viên HĐQT

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% TH so với KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	887,260	905,605	101,07%
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng		-19,694	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	32,577	27,839	85,46%

Về doanh thu: tổng doanh thu năm 2021 thực hiện là 905,605 tỷ đồng, vượt 1,07% tương đương số tiền 18,345 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2021.

2.2 Tiền lương, thù lao của HĐQT

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách 20.250.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: không thực hiện chi trả cho người quản lý không chuyên trách.

2.3 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Trong thời gian chờ sự thông qua của ĐHĐCĐ, trên cơ sở đề xuất của Ban Điều hành, HĐQT đã quyết định chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

3. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2021 là một năm đầy biến động của tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến toàn bộ của toàn Công ty cũng như ảnh hưởng đến công tác họp trực tiếp của Hội đồng Quản trị. Vì vậy, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 03 phiên họp, trong đó chỉ có 01 cuộc họp tập trung và 02 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong năm qua đã ban hành 05 nghị quyết (liệt kê chi tiết nội dung 05 Nghị quyết), quyết định chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-LT-HĐQT	04/02/2021	1. Đồng ý thống nhất chủ trương thông qua nội dung Tờ trình số 16/TTr-LT-TCHC ngày 14/01/2021 và Tờ trình số 17/TTr-LT-TCHC ngày 14/01/2021 của Tổng Giám đốc Công ty. 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc chi trả và có thông báo gửi các đơn vị trực thuộc đồng viên người lao động an tâm công tác, vui Xuân đón Tết cổ truyền an toàn, tiết kiệm.	5/5 (100%)
02	02/NQ-LT-HĐQT	04/02/2021	1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 12/TTr-LT-KD ngày 12/01/2021 về	5/5 (100%)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>việc tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty với các chỉ tiêu cụ thể như sau:</p> <p>1. Mua vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lúa gạo (qui gạo) : 4.016 tấn, tương đương 46,66 tỷ đồng. + Xăng dầu nhớt : 7.300 ngàn lít, tương đương 91,01 tỷ đồng. + Công nghệ phẩm, hàng khác: 659,43 tỷ đồng. <p>2. Bán ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lúa gạo (qui gạo) : 4.008 tấn, tương đương 55,31 tỷ đồng. + Xăng dầu nhớt : 7.294 ngàn lít, tương đương 98,23 tỷ đồng. + Công nghệ phẩm, hàng khác: + Khai thác dịch vụ, thu nhập khác: <p>3. Doanh thu:</p> <p>4. Lợi nhuận sau thuế: (không tính thu nhập bán tài sản)</p> <p>5. Nộp ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện nội dung tại Điều 1.</p>	
03	03/NQ-LT-HĐQT	31/03/2021	<p>1. Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương thông qua nội dung Văn bản số 100/LT-ĐTKT ngày 29/03/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc đề xuất với Hội đồng quản trị phương án sử dụng đối với 04 cơ sở nhà đất, cụ thể như sau:</p> <p>* 03 cơ sở nhà đất đã được Bộ</p>	05/05 (100%)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>Tài chính phê duyệt cho Công ty CP Lương thực Tp.HCM bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gồm:</p> <p>1. 491/12 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Tp.HCM (Diện tích đất: 126,5m²; diện tích nhà: 179,62m²) Được giữ lại để kinh doanh Cửa hàng Lương thực thực phẩm.</p> <p>2. 106/2 Khóm 2, Phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Diện tích đất 80m²; diện tích nhà: 184m²) Được giữ lại để kinh doanh Cửa hàng Lương thực thực phẩm.</p> <p>3. 175B Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, Tp.HCM (Diện tích đất 294m²; diện tích nhà: 803,72m²) Được giữ lại để kinh doanh Cửa hàng Lương thực thực phẩm và kho hàng.</p> <p>* Về cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt sắp xếp lại, xử lý theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Tại số 50/19 Nguyễn Minh Châu (nay là đường Nam Cao), Khu phố 09, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (Diện tích đất 11.267m²; diện tích nhà: 136,8m²) Được giữ lại để sử dụng làm Cơ sở Chế biến Thủy Hải sản</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty xây dựng phương án khai thác sử dụng và lập hồ sơ kê</p>	

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			khai đối với cơ sở nhà đất chưa kê khai sắp xếp theo đúng quy định của Nghị định 167/2017/NĐ-CP.	
04	04/NQ-LT-HĐQT	27/12/2021	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua nội dung Tờ trình 198/TTr-LT-TCKT ngày 08/06/2021 về việc xem xét chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021.	05/05 (100%)

4. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

4.1. Hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban Điều hành và chỉ đạo kịp thời để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra những giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hiện hành. Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

4.2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và thử thách. Toàn xã hội đối mặt với Đại dịch Covid-19, đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Tuy nhiên, nhờ sự nhận định kịp thời của Ban Điều hành cũng như Hội đồng Quản trị về công tác chuẩn bị sản xuất kinh doanh đảm bảo không bị động trước diễn biến tiêu cực của dịch bệnh và sự cố gắng của toàn thể người lao động nên các giải pháp kinh doanh liên tục được triển khai, dòng tiền được kiểm soát tốt, sử dụng linh hoạt và có hiệu quả dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty ngày càng khả quan, tổng doanh thu tăng mạnh và giảm lỗ đáng kể so với cùng kỳ.

Các chỉ tiêu cơ bản:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2021	So với năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	887,265	905,605	794,209	102,07%	114,02

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện		So với kế hoạch 2021	So với năm 2020
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	887,265	925,299	830,913	104,28%	111,35
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0	-19,694	-36,704		

Năm 2021 được xem là năm có nhiều thách thức trong công tác sản xuất kinh doanh, nhưng với quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu Hội đồng quản trị giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được. Hội đồng Quản trị đánh giá cao các hoạt động của Ban điều hành trong năm qua, nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo gia tăng giá trị cho Công ty, lợi ích của các Cổ đông và Người lao động.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Năm 2022, được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức. Hội đồng Quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của Ban Điều hành trình Hội đồng Quản trị để thông qua trong kỳ Đại hội này như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	905,605	361,552
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	-19,694	0,100
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	27,839	

2. Công tác chỉ đạo

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị tập trung vào việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và triển khai hoạt động của năm 2022 theo định hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2026 và theo kế hoạch hoạt động, kinh doanh năm 2022 được ĐHCĐ phê duyệt.

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị. Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt chặng đường vừa qua và mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Quý cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Tâm

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Ngày 30/6/2017 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 đã thông qua việc miễn nhiệm Ông Võ Thành Nhân, thành viên Ban kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm. Đồng thời, ĐHĐCĐ đã bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát, kết quả Ông Phan Lê Duy đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016-2021, với tỷ lệ bầu dồn phiếu đạt 100%. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016-2021 với các thành viên như sau:

- 1/ Bà Trần Thị Đoàn Thu: Trưởng Ban
- 2/ Ông Thân Tấn Thuận: Thành viên
- 3/ Ông Phan Lê Duy: Thành viên

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2017: 204.000.000 đồng.

- Thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2017: 34.000.000 đồng (với mức thù lao 2.000.000 đồng/tháng). Kể từ tháng 6 năm 2017, Ông Thân Tấn Thuận thành viên Ban kiểm soát xin được không nhận khoản thù lao này.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên với nội dung như sau:

- + Chuẩn bị báo cáo để trình ĐHĐCĐ của công ty.
- + Có ý kiến về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc.

- + Kế hoạch kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc công ty.
- + Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát do thay đổi nhân sự.

+ Thực hiện kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc công ty.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Các công tác đã thực hiện trong năm 2017:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty; Ban kiểm soát tham gia thảo luận tại các cuộc họp và tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, góp ý xây dựng các quy chế và một số công tác khác tại cuộc họp của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trên cơ sở báo cáo của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính các quý trong năm 2017, báo cáo bán niên 2017 và báo cáo năm 2017.

- Thực hiện kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty.

5. Phương hướng kế hoạch năm 2018:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất (nếu có) liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Báo cáo giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2017 phù hợp với quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Trong năm 2017, HĐQT công ty có nhiều thay đổi, cụ thể như sau:

+ Ông Trương Tiến Dũng được bổ nhiệm là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 tạm thời từ ngày 02/6/2017 và chính thức từ ngày 30/6/2017, thay thế ông Nguyễn Hạnh Phúc theo đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

+ Ông Nguyễn Quang Tâm được bổ nhiệm là thành viên HĐQT tạm thời nhiệm kỳ 2016-2021 với chức danh Chủ tịch kể từ ngày 16/10/2017, thay thế ông Trịnh Ngọc Thuận theo đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

+ Ông Trần Thanh Điền được bổ nhiệm là thành viên HĐQT tạm thời nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 16/10/2017, thay thế ông Tô Phước Khải theo đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc :

- Việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ đã ban hành trong năm 2017: ngoài những nội dung đã thực hiện, Công ty chưa hoàn thành các nội dung sau:

+ Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017: Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

+ Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017: Công ty đang tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn điều lệ.

- Việc thực hiện các nghị quyết do Hội đồng quản trị đề ra: Ban điều hành đã chấp hành chủ trương của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, việc triển khai và thực hiện một số nghị quyết và yêu cầu của Hội đồng quản trị chưa kịp thời.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính năm 2017 đúng thời hạn theo quy định.

- Về công tác tổ chức nhân sự: trong năm 2017 Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện sắp xếp, định biên lao động đối với văn phòng công ty và các đơn vị kinh doanh lương thực tạm thu hẹp hoạt động, đã giải quyết nghỉ dôi

đư cho 74 trường hợp. Thực hiện chi trả trợ cấp đầy đủ cho người lao động nghỉ việc.

- Về công tác đầu tư ra ngoài: Công ty đang tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện theo chủ trương của HĐQT đã đề ra.

Trong năm 2017 Ban Tổng giám đốc công ty chỉ còn 02 thành viên, do ông Tô Phước Khải Phó Tổng Giám đốc công ty đã chuyển công tác, đến nay Ban Tổng Giám đốc vẫn chưa bổ sung thành viên mới.

2. Thăm định báo cáo tài chính.

2.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính trong năm 2017 được lập đầy đủ các biểu mẫu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Đến thời điểm 31/12/2017 việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần. Tuy nhiên, thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn chưa được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận nên số lượng cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vẫn là 29.450.000 cổ phần. Hiện nay, Công ty tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017, sau đó sẽ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh để được điều chỉnh số lượng cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017
1	2	3	4
A	Tài sản và nguồn vốn		
I	Tài sản ngắn hạn	54.420.921.664	319.147.639.969
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.279.335.406	6.935.177.449
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	14.486.689.455	53.031.397.924
4	Hàng tồn kho	29.498.007.149	250.496.939.342
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.156.889.654	8.684.125.254
II	Tài sản dài hạn	820.290.319.398	852.414.117.137
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	794.591.611.588	825.310.099.485
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.700.500	14.791.409
5	Đầu tư tài chính dài hạn	17.587.380.068	18.654.619.254

6	Tài sản dài hạn khác	8.105.627.242	8.434.606.989
	Tổng cộng tài sản	874.711.241.062	1.171.561.757.106
	I Nợ phải trả	714.704.884.298	908.558.614.352
1	Nợ ngắn hạn	147.586.529.298	340.926.799.384
2	Nợ dài hạn	567.118.355.000	567.631.814.968
	II Vốn chủ sở hữu	160.006.356.764	263.003.142.754
1	Vốn chủ sở hữu	160.006.356.764	263.003.142.754
2	Vốn góp của chủ sở hữu	255.138.000.000	294.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(95.131.643.236)	(31.496.857.246)
4	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng cộng nguồn vốn	874.711.241.062	1.171.561.757.106
	B Kết quả kinh doanh	Năm 2017	Từ 01/9/2016 đến 31/12/2016
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.021.379.035.522	311.929.837.917
	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	32.087.710.625	7.624.322.377
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.634.785.990)	(31.496.857.246)
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(63.634.785.990)	(31.496.857.246)
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

2.3. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017		Tỷ lệ % TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Mua vào				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	150.000	1.195	0,79
2	Xăng dầu	Tỷ đồng	172	134	78
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	561	630	112,3
II	Bán ra				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	150.000	29.286	19,5
2	Xăng dầu	Tỷ đồng	195	145	74,35
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	581	654	112,6
4	Khai thác dịch vụ	Tỷ đồng		25	
III	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.275	1.054	46,3
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng	15	(63,635)	
V	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	29,712	18,865	63,49

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 lỗ 63,635 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 95,132 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty lỗ trong năm 2017:

+ Tồn kho lương thực năm 2016 chuyển sang với số lượng là 29.000 tấn gạo các loại. Trong điều kiện Công ty không có vốn hoạt động, với áp lực trả nợ vay ngân hàng nên phải bán hàng tồn kho trong điều kiện giá thị trường lương thực không thuận lợi, giá bán thấp hơn giá vốn, lãi gộp âm. Do không có lợi nhuận gộp nên không thể bù đắp các khoản định phí như chi phí khấu hao, chi phí phân bổ và tiền lương tại Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp lương thực.

+ Kết quả kinh doanh tại Foodcomart Đắk Nông có lãi. Hệ thống cửa hàng tại Foodcomart Sài Gòn chưa hiệu quả, và tiếp tục lỗ trong năm 2017.

+ Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện sắp xếp lại lao động, giảm nhân sự tại các Xí nghiệp lương thực và Văn phòng Công ty, nên phải gánh một khoản chi phí trợ cấp mất việc làm.

+ Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại các đơn vị: Công ty CP Phú Tam Khôi, Công ty TMDV Đồng Thịnh được kế thừa từ Công ty TNHH vẫn vẫn chưa hiệu quả nên phát sinh khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

2.4. Các chỉ tiêu phân tích tài chính, nhận xét và đánh giá:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	93,78	72,76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	6,22	27,24
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81,7	77,55
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	18,3	22,45
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,17	0,2
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,37	0,94
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	4,46	3,45

Qua các chỉ tiêu tài chính cho thấy:

- Cơ cấu tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tăng tỷ trọng tài sản dài hạn. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm, chủ yếu là giảm giá trị hàng tồn kho, do trong năm 2017 Công ty chủ yếu bán hàng lương thực để trả nợ đến hạn và không có nguồn vốn để thực hiện sản xuất kinh doanh lương thực, hàng tồn kho đến 31/12/2017 chủ yếu là hàng hóa tại hệ thống Foodcomart, và tại Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake, Foodcomart Đắk Nông.

- Cơ cấu nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng nợ ngắn hạn, là do các ngân hàng thương mại đã cắt giảm các khoản tín dụng đối với Công ty. Tình hình tài chính của Công

ty không lành mạnh, tiếp tục lỗ nên Công ty không được Tổng công ty bảo lãnh để vay vốn tại các ngân hàng.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu luôn vượt mức an toàn theo quy định, tại ngày 31/12/2017 là **4,46** lần.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 lỗ 63,635 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 95,132 tỷ đồng, cùng với việc điều chỉnh giảm vốn nhà nước theo quyết định của ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2017 nên vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 giảm so với đầu năm là: 102,997 tỷ đồng. Hệ số bảo toàn vốn nhỏ hơn 1 (160,006 tỷ đồng/263,003 tỷ đồng = 0,6 lần), không bảo toàn được nguồn vốn chủ sở hữu.

2.5. Về tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ:

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2017: 14,487 tỷ đồng (Công ty không có khoản phải thu dài hạn). Nợ phải thu khó đòi: 0,072 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 0,046 tỷ đồng).

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2017: 714,705 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 147,587 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả đã đến hạn hiện công ty chưa cân đối được nguồn tiền để thanh toán như:

. *Nợ phải trả Tổng công ty theo hợp đồng mua bán: 27,361 tỷ đồng.*

. *h oản phải nộp về ố ph n h a: 57,423 tỷ đồng*

+ Nợ phải trả dài hạn: 567,118 tỷ đồng (chủ yếu là giá trị tạm tính của 04 lô đất theo phương án được giao đất: 561,416 tỷ đồng).

2.6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với số tiền 18.864.934.382 đồng, số còn phải nộp nhà nước tại thời điểm 31/12/2017 là 650.582.367 đồng.

2.7. Tình hình hoạt động đ u tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

a/ Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại các đơn vị: Công ty CP Phú Tam Khôi, Công ty TMDV Đồng Thịnh được kế thừa từ Công ty TNHH vẫn chưa hiệu quả.

d/ *Về hợp đồng hợp tác kinh doanh:* Công ty đang tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện theo chủ trương của HĐQT đã đề ra.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho công tác giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông kịp thời và đầy đủ.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Đối với Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị tiếp tục có những giải pháp để hỗ trợ Ban điều hành nhằm giúp Công ty sớm vượt qua giai đoạn khó khăn.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Tiếp tục tiến hành các thủ tục để sớm được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra và giám sát trong toàn Công ty, nhằm ngăn chặn tình trạng thất thoát hàng hóa.

- Cần có các biện pháp nhằm giảm lỗ tại các cửa hàng sỉ, lẻ thuộc hệ thống Foodcomart Sài Gòn, góp phần tăng hiệu quả chung cho Công ty.

- Về công tác nhân sự: tiếp tục rà soát, bố trí nhân sự hợp lý, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình.

- Tiếp tục rà soát và tiết giảm chi phí trong tình hình khó khăn hiện nay.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua. Xin kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu BKS

Trần Thị Đoàn Thu

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh có 03 thành viên gồm 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách.

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 18.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao thành viên Ban kiểm soát: thành viên Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao nào.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên, các nội dung cụ thể như sau:

+ Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

+ Thông qua báo cáo thẩm định báo cáo tài chính của công ty.

+ Chuẩn bị báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên của công ty.

+ Kế hoạch kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc công ty.

+ Thông qua kết quả kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc.

+ Rà soát các mặt hoạt động của Công ty để chuẩn bị kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

Nhìn chung, các cuộc họp đều nhận được sự thống nhất của các thành viên nên kết quả biểu quyết đa số 3/3 phiếu tán thành.

4. Các công tác đã thực hiện trong năm 2018:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty; Ban kiểm soát tham gia thảo luận tại các cuộc họp và tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, góp ý xây dựng các quy chế và một số công tác khác tại cuộc họp của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trên cơ sở báo cáo của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo năm 2018.

- Thực hiện kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc.

5. Phương hướng kế hoạch năm 2019:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất (nếu có) liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Báo cáo giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng

thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc :

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018: Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Việc thực hiện các nghị quyết do Hội đồng quản trị đề ra: Ban điều hành đã chấp hành chủ trương của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, việc triển khai và thực hiện một số nghị quyết và yêu cầu của Hội đồng quản trị chưa kịp thời.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính theo định kỳ trong năm 2018 đúng thời hạn theo quy định. Tuy nhiên, do chưa thống nhất với đơn vị kiểm toán nên việc phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán bị chậm trễ.

- Về công tác tổ chức nhân sự: trong năm 2018 Ban điều hành tiếp tục thực hiện tái cấu trúc về nhân sự tại Xí nghiệp lương thực Sài Gòn Satake.

- Về công tác đầu tư ra ngoài: Công ty đang tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện theo chủ trương của HĐQT đã đề ra.

- Công tác công bố thông tin đã thực hiện đầy đủ, tuy nhiên do việc phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán bị chậm nên công bố thông tin không kịp thời và bị trễ hạn.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

2.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính trong năm 2018 được lập đầy đủ các biểu mẫu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Đến thời điểm 31/12/2018 việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần. Tuy nhiên, thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn chưa được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận nên số lượng cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vẫn là 29.450.000 cổ phần. Hiện nay, Công ty tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017, sau đó sẽ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh để được điều chỉnh số lượng cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
1	2	3	4
A	Tài sản và nguồn vốn		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	45.699.236.644	54.420.921.664
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.504.228.968	5.279.335.406
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.080.793.213	14.486.689.455
4	Hàng tồn kho	27.782.985.142	29.498.007.149
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.331.229.321	5.156.889.654
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	788.618.858.679	820.290.319.398
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	764.808.804.163	794.591.611.588
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.700.500	5.700.500
5	Đầu tư tài chính dài hạn	16.417.589.206	17.587.380.068
6	Tài sản dài hạn khác	7.386.764.810	8.105.627.242
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	834.318.095.323	874.711.241.062
I	NỢ PHẢI TRẢ	701.203.567.844	714.704.884.298
1	Nợ ngắn hạn	132.977.912.844	147.586.529.298
2	Nợ dài hạn	568.225.655.000	567.118.355.000
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	133.114.527.479	160.006.356.764
1	Vốn chủ sở hữu	133.114.527.479	160.006.356.764
2	Vốn góp của chủ sở hữu	255.138.000.000	255.138.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(122.023.472.521)	(95.131.643.236)
4	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	834.318.095.323	874.711.241.062
B	Kết quả kinh doanh	Năm 2018	Năm 2017
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	586.708.646.446	1.021.379.035.522
	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	10.028.295.232	32.087.710.625
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.891.829.285)	(63.634.785.990)
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.891.829.285)	(63.634.785.990)
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.054)	(2.237)

2.3. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018		Tỷ lệ % TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Mua vào				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	60.000	3.309	6%

2	Xăng dầu	Tỷ đồng	142	151	106%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	421	334	79%
II	Bán ra				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	60.000	3.636	6%
2	Xăng dầu	Tỷ đồng	158	165	104%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	428	345	81%
4	Khai thác dịch vụ	Tỷ đồng	43	47	109%
III	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.327	597	45%
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,36	(26,892)	
V	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	21	29	140%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 lỗ 26,891 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là 122,023 tỷ đồng. Tuy đã giảm lỗ qua từng tháng nhưng kết quả kinh doanh vẫn chưa thoát lỗ do nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Chưa huy động được nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh lương thực, các Xí nghiệp Lương thực tại các tỉnh miền Tây chỉ tập trung khai thác gửi giữ hàng hóa, gia công nên chỉ đủ bù đắp một phần định phí (do định phí tại các Xí nghiệp Lương thực rất lớn).

- Kinh doanh công nghệ phẩm tại hệ thống cửa hàng của Foodcomart Sài Gòn vẫn chưa hòa vốn và lỗ ở mức khá cao.

- Trong năm 2018, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc về nhân sự nên phát sinh khoản chi phí trợ cấp mất việc làm.

- Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại các đơn vị vẫn tiếp tục lỗ nên phát sinh khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

2.4. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

ST T	Chỉ tiêu	Đvt	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	94,52	93,78	72,76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	5,48	6,22	27,24
2	Cơ cấu vốn				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,05	81,7	77,55
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	15,95	18,3	22,45
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	5,27	4,46	3,45
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,17	0,2
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,34	0,37	0,94

Nhận xét, đánh giá các chỉ tiêu tài chính:

- Tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 có tỷ trọng tài sản ngắn hạn rất thấp chỉ chiếm 5,48% trên tổng tài sản.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu luôn vượt mức an toàn theo quy định, tại ngày 31/12/2018 là **5,27** lần.

- Hệ số thanh toán của Công ty luôn nhỏ hơn 1 nên khả năng thanh toán ở mức thấp.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 lỗ 26,892 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là 122,023 tỷ đồng. Hệ số bảo toàn vốn nhỏ hơn 1 (133,115 tỷ đồng/ 160,006 tỷ đồng = 0,83 lần), không bảo toàn được nguồn vốn chủ sở hữu.

2.5. Về tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ:

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2018: 7,081 tỷ đồng (Công ty không có khoản phải thu dài hạn). Nợ phải thu khó đòi: 0,051 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 0,034 tỷ đồng).

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2018: 701,204 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 132,978 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả đã đến hạn hiện công ty chưa cân đối được nguồn tiền để thanh toán như:

. *Nợ phải trả Tổng công ty theo hợp đồng mua bán: 24,385 tỷ đồng.*

. *h oản phải nộp ề ổ ph n h a 47,722 tỷ đồng.*

+ Nợ phải trả dài hạn: 568,226 tỷ đồng (chủ yếu là giá trị tạm tính của 04 lô đất theo phương án được giao đất: 561,416 tỷ đồng).

2.6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với số tiền 29 tỷ đồng.

2.7. Tình hình hoạt động đầu tư bên ngoài doanh nghiệp:

a/ Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại các đơn vị: Công ty CP Phú Tam Khôi, Công ty TMDV Đồng Thịnh được kế vẫn chưa hiệu quả và trong năm 2018 Công ty đã tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tại Công ty TMDV Đồng Thịnh .

d/ *Về hợp đồng hợp tác kinh doanh:* Công ty đang tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện theo chủ trương của HĐQT đã đề ra.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho công tác giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông kịp thời và đầy đủ.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Đối với Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị tiếp tục có những định hướng trung và dài hạn đề khai thác triệt để tài sản tại các Xí nghiệp Lương thực đặc biệt là Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Tiếp tục bám sát và thực hiện các thủ tục đề được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017.

- Đẩy mạnh khai thác dịch vụ gửi giữ hàng hóa tại Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake nhằm tăng cường hiệu quả, giảm lỗ tại Xí nghiệp này.

- Đối với các cửa hàng si, lẻ thuộc hệ thống Foodcomart Sài Gòn có mức lãi gộp không đủ bù đắp chi phí bán hàng, đề nghị Ban điều hành rà soát, sắp xếp để kinh doanh hiệu quả hơn nhằm góp phần tăng hiệu quả chung cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua. Xin kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT (để báo cáo)
- Lưu BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh có 03 thành viên gồm 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách.

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 18.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao thành viên Ban kiểm soát: thành viên Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao nào.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên, các nội dung cụ thể như sau:

+ Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

+ Thông qua báo cáo thẩm định về kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty.

+ Thông qua kết quả kiểm tra sau rà soát số dư trích trước tiền thuê đất.

+ Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

- Nhìn chung, các cuộc họp đều nhận được sự thống nhất của các thành viên nên kết quả biểu quyết đa số 3/3 phiếu tán thành.

- Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu qua skype, zalo, mail.

4. Các công tác đã thực hiện trong năm 2019:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty; Ban kiểm soát tham gia thảo luận tại các cuộc họp và tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, góp ý xây dựng các quy chế và một số công tác khác tại cuộc họp của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trên cơ sở báo cáo và kiểm tra thực tế tại Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo năm 2019.

- Thực hiện kiểm tra tại Văn phòng công ty, các đơn vị trực thuộc

5. Phương hướng kế hoạch năm 2020:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất (nếu có) liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Báo cáo giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2019 phù hợp với quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng

thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc :

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2019: Công ty chưa đạt kế hoạch lợi nhuận nhưng đã từng bước giảm lỗ, giảm 42,2% so với cùng kỳ 2018.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định.

- Đối với khoản nợ Tổng công ty Lương thực miền Nam (tiền gạo và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp): Công ty tiếp tục c n đối dòng tiền để hàng tháng chuyển trả Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Về công tác tổ chức: thực hiện n ng lương cho người lao động đối với các đơn vị, bộ phận, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao .

- Về công tác đầu tư, kỹ thuật công nghệ: thực hiện thủ tục chuyển đổi pháp lý các cơ sở nhà, đất của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ: Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2017 về việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết để được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản không chấp thuận, và Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ, đến nay Công ty vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới.

- Việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản của HĐQT: bên cạnh những việc đã thực hiện, Ban điều hành đang triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Công tác công bố thông tin đã thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

2.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính trong năm 2019 được lập đầy đủ các biểu mẫu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Đến thời điểm 31/12/2019 việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần. Tuy nhiên, thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn

chưa được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận nên số lượng cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vẫn là 29.450.000 cổ phần. Hiện nay, Công ty tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017, sau đó sẽ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh để được điều chỉnh số lượng cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Báo cáo chưa ghi nhận số tiền lãi của khoản phải nộp về cổ phần hóa và được nêu chi tiết tại Vấn đề cần nhấn mạnh trên Báo cáo Kiểm toán.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
1	2	3	4
A	Tài sản và nguồn vốn		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	36.050.789.093	45.699.236.644
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.581.982.699	7.504.228.968
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.200.735.049	7.080.793.213
4	Hàng tồn kho	24.187.175.544	27.782.985.142
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.080.895.801	3.331.229.321
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	758.833.091.998	788.618.858.679
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	735.131.379.824	764.808.804.163
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.700.500	5.700.500
5	Đầu tư tài chính dài hạn	16.728.720.699	16.417.589.206
6	Tài sản dài hạn khác	6.967.290.975	7.386.764.810
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	794.883.881.091	834.318.095.323
I	NỢ PHẢI TRẢ	677.314.509.770	701.203.567.844
1	Nợ ngắn hạn	108.727.354.770	132.977.912.844
2	Nợ dài hạn	568.587.155.000	568.225.655.000
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	117.569.371.321	133.114.527.479
1	Vốn góp của chủ sở hữu	255.138.000.000	255.138.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(137.568.628.679)	(122.023.472.521)
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>(122.023.472.521)</i>	<i>(95.131.643.236)</i>
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>(15.545.156.158)</i>	<i>(26.891.829.285)</i>
3	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	794.883.881.091	834.318.095.323
B	Kết quả kinh doanh	Năm 2019	Năm 2018
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	713.863.484.314	586.708.646.446

	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	17.671.252.463	10.028.295.232
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.545.156.158)	(26.891.829.285)
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.545.156.158)	(26.891.829.285)
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(609)	(1.054)

2.3. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019		Tỷ lệ % TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Mua vào				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	7.500	3.490	46,5%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.520	8.628	90,6%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	296,69	482,48	162,6%
II	Bán ra				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	7.400	3.348	45,2%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.368	8.420	89,9%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	304,35	504,94	165,9%
4	Khai thác dịch vụ	Tỷ đồng	51,016	48,75	95,6%
III	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	620	731,53	118%
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0	(15.545)	
V	Nộp ngân sách theo quy định của pháp luật				

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 chưa đạt kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận tuy nhiên đã giảm lỗ 42,2% so với cùng kỳ năm 2018. Doanh thu năm 2019 vượt 18% so với kế hoạch (tăng 22% so với cùng kỳ 2018) và đ y là sự phấn đấu của tập thể Ban lãnh đạo công ty và toàn thể người lao động. Kinh doanh mặt hàng xăng dầu do giảm sút về số lượng, giảm tỷ lệ chiết khấu từ nhà cung cấp nên lãi gộp giảm so với cùng kỳ 2018; khai thác gửi giữ hàng hóa, gia công bù đắp một phần định phí.

Nguyên nhân lỗ: năm 2019 công ty chưa có định hướng kinh doanh tại các Xí nghiệp Lương thực do chưa có vốn, chỉ khai thác gửi giữ hàng hóa đủ bù đắp một phần định phí rất lớn tại 7 xí nghiệp (chỉ riêng chi phí khấu hao 21,9 tỷ đồng). Như vậy, kết quả lỗ 15,545 tỷ đồng của công ty là do lợi nhuận các ngành hàng khác chưa thể bù đắp hết phần khấu hao của các Xí nghiệp Lương thực.

2.4. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

ST T	Chỉ tiêu	Đvt	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016
1	Cơ cấu tài sản					
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	95,46	94,52	93,78	72,76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	4,54	5,48	6,22	27,24
2	Cơ cấu vốn					
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	85,20	84,05	81,7	77,55
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn	%	14,79	15,95	18,3	22,45

	vốn					
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	5,76	5,27	4,46	3,45
3	Khả năng thanh toán					
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,11	0,13	0,17	0,2
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,33	0,34	0,37	0,94

2.5. Về tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ:

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2019: 6,201 tỷ đồng (Công ty không có khoản phải thu dài hạn). Nợ phải thu khó đòi: 48.999.020 đồng (đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 41.953.045 đồng).

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2019: 677,315 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 108,727 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả đã đến hạn hiện công ty chưa c n đối được nguồn tiền để thanh toán như:

. Nợ phải trả Tổng công ty theo hợp đồng mua bán: 24,361 tỷ đồng.

. h oản phải nộp ề ổ ph n h a 29,722 tỷ đồng.

. h oản phải trả Bộ Tài chính: 7,553 tỷ đồng.

+ Nợ phải trả dài hạn: 568,587 tỷ đồng (chủ yếu là giá trị tạm tính của 04 lô đất theo phương án được giao đất: 561,416 tỷ đồng).

2.6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.

2.7. Tình hình hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a/ Các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp của Công ty tại các đơn vị: Công ty CP Phú Tam Khôi, Công ty TMDV Đông Thịnh và Công ty CP Bao bì Bình Tây vẫn chưa hiệu quả.

d/ Về hợp đồng hợp tác kinh doanh: Công ty đang tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện theo chủ trương của HĐQT đã đề ra.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho công tác giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông kịp thời và đầy đủ.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Đối với Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị tiếp tục có những định hướng trung và dài hạn để khai thác triệt để tài sản tại các Xí nghiệp Lương thực đặc biệt là Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Tiếp tục bám sát và thực hiện các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017.

- Đẩy mạnh khai thác dịch vụ gửi giữ hàng hóa tại Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake nhằm tăng cường hiệu quả, giảm lỗ tại Xí nghiệp này.

- Đối với các cửa hàng si, lẻ thuộc hệ thống Foodcomart Sài Gòn có mức lãi gộp không đủ bù đắp chi phí bán hàng, đề nghị Ban điều hành rà soát, sắp xếp để kinh doanh hiệu quả hơn nhằm góp phần tăng hiệu quả chung cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua. Xin kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT (để báo cáo)
- Lưu BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh có 03 thành viên gồm 01 thành viên chuyên trách là Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên không chuyên trách.

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được thực hiện theo mức lương đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Thù lao thành viên Ban kiểm soát: thành viên Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao nào.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 07 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên, các nội dung cụ thể như sau:

+ Thảo luận các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông và thống nhất dự thảo văn bản trả lời cổ đông.

+ Thông qua báo cáo thẩm định về kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty.

+ Thông qua kết quả kiểm tra tại Văn phòng công ty và một số đơn vị trực thuộc.

+ Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

- Nhìn chung, các cuộc họp đều nhận được sự thống nhất của các thành viên nên kết quả biểu quyết đa số 3/3 phiếu tán thành.

- Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu qua skype, zalo, mail.

4. Các công tác đã thực hiện trong năm 2020:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty; Ban kiểm soát tham gia thảo luận tại các cuộc họp và tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, góp ý xây dựng các quy chế và một số công tác khác tại cuộc họp của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trên cơ sở báo cáo và kiểm tra thực tế tại Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo năm.

- Thực hiện kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc

5. Phương hướng kế hoạch năm 2021:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất (nếu có) liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Báo cáo giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng

thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

1.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc :

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020: Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 vẫn chưa ngăn chặn đà lồi, ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động đến kinh doanh xăng dầu và khai thác dịch vụ, nhà bán hàng giảm tỷ lệ chiết khấu xăng dầu nên lợi nhuận ngành hàng xăng dầu giảm đáng kể trong năm 2020, song song đó do phát sinh khoản truy thu tiền thuê đất nên chi phí tiền thuê đất tăng đáng kể làm cho lợi nhuận toàn công ty năm 2020 lồi cao hơn so với cùng kỳ 2019.

Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã hạch toán chi phí lãi đối với khoản nợ phải nộp Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp nên số lỗ lũy kế đến 31/12/2020 đã vượt 60% vốn điều lệ của công ty.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định.

- Đối với khoản nợ Tổng công ty Lương thực miền Nam (tiền gạo và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp): Công ty tiếp tục c n đối dòng tiền để hàng tháng chuyển trả Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Về công tác đầu tư, kỹ thuật công nghệ: thực hiện thủ tục chuyển đổi pháp lý các cơ sở nhà, đất của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ: Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2017 về việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết để được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản không chấp thuận, và Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ, đến nay Công ty vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới.

- Việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản của HĐQT: bên cạnh những việc đã thực hiện, Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Công tác công bố thông tin đã thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

2.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của công ty là rõ ràng, đáng tin cậy. Báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Đến thời điểm 31/12/2020 việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần. Tuy nhiên, thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn chưa được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận nên số lượng cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vẫn là 29.450.000 cổ phần. Hiện nay, Công ty tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017, sau đó sẽ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh để được điều chỉnh số lượng cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Báo cáo đã ghi nhận số tiền lãi của khoản phải nộp về cổ phần hóa đến ngày 08/10/2018 theo Nghị quyết số 04/NQ-LT-HĐQT ngày 19/8/2020.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
	I TÀI SẢN NGẮN HẠN	34.528.394.200	36.050.789.093
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.006.930.633	3.581.982.699
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.025.454.749	6.200.735.049
4	Hàng tồn kho	23.572.923.428	24.187.175.544
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.923.085.390	2.080.895.801
	II TÀI SẢN DÀI HẠN	730.842.830.959	758.833.091.998
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	707.418.132.488	735.131.379.824
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.700.500	5.700.500
5	Đầu tư tài chính dài hạn	16.974.910.573	16.728.720.699
6	Tài sản dài hạn khác	6.444.087.398	6.967.290.975
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	765.371.225.159	794.883.881.091

INỢ PHẢI TRẢ	684.506.136.214	677.314.509.770
1 Nợ ngắn hạn	115.165.381.214	108.727.354.770
2 Nợ dài hạn	569.340.755.000	568.587.155.000
II VỐN CHỦ SỞ HỮU	80.865.088.945	117.569.371.321
1 Vốn góp của chủ sở hữu	255.138.000.000	255.138.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(174.272.911.055)	(137.568.628.679)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>(137.568.628.679)</i>	<i>(122.023.472.521)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>(36.704.282.376)</i>	<i>(15.545.156.158)</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	765.371.225.159	794.883.881.091

2.3. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH /KH năm
I	Mua vào				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	4.200	2.053	48,88%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.640	7.215	74,84%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	521,204	598,377	114,81%
II	Bán ra				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	4.000	2.058	51,45%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.307	7.218	77,55%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	538,139	614,588	114,21%
4	Khai thác dịch vụ	Tỷ đồng	60,279	56,136	93,13%
III	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	799	794	99,37%
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng		(36,704)	

Kết quả kinh doanh của công ty trong năm 2020 vẫn tiếp tục lỗ do những nguyên nhân sau:

- Hạch toán chi phí lãi của khoản nợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (đến ngày 08/10/2018), số tiền 14,177 tỷ đồng.

- Định phí tại các Xí nghiệp Lương thực lớn, nên việc khai thác dịch vụ gửi giữ hàng hóa tại các đơn vị này chỉ bù đắp một phần định phí.

- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm của công ty tại Foodcomart Sài Gòn vẫn chưa hòa vốn.

- Mặt hàng xăng dầu do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới nên chiết khấu trong năm 2020 giảm liên tục, một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng xăng dầu bán ra giảm đáng kể, đạt 77,55% sản lượng kế hoạch và đạt 85,73% so với cùng kỳ, dẫn đến lãi gộp mặt hàng này giảm 2,094 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí tiền thuê đất tăng do đơn giá đất tăng và phát sinh các khoản truy thu tiền thuê đất.

2.4. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	95,49	95,46
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	4,51	4,54
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,43	85,20
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,56	14,79
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	8,46	5,76
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,09	0,11
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,30	0,33

Nhận xét, đánh giá các chỉ tiêu tài chính:

- Tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020 chủ yếu là tài sản dài hạn (chiếm 95,49% trên tổng tài sản).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu luôn vượt mức an toàn theo quy định.

- Hệ số thanh toán của Công ty luôn nhỏ hơn 1 nên khả năng thanh toán ở mức rất thấp.

- Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 174,273 tỷ đồng, mất 68% vốn góp của nhà đầu tư.

2.5. Về tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ:

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2020: 7,025 tỷ đồng (Công ty không có khoản phải thu dài hạn).

Nợ phải thu khó đòi: 46.599.020 đồng (đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 41.953.045 đồng).

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2020: 684,506 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 115,165 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả đã đến hạn hiện công ty chưa c n đối được nguồn tiền để thanh toán như:

. *Nợ phải trả Tổng công ty theo hợp đồng mua bán: 24,361 tỷ đồng.*

. *h oản phải nộp ề ở ph n hóa: 24,223 tỷ đồng.*

. h oản phải trả Bộ Tài chính: 7,553 tỷ đồng.

+ Nợ phải trả dài hạn: 569,341 tỷ đồng (chủ yếu là giá trị tạm tính của 04 lô đất theo phương án được giao đất: 561,416 tỷ đồng).

Nhìn chung, công ty quản lý tốt tài sản và không để phát sinh thêm công nợ khó đòi.

2.6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.

2.7. Tình hình hoạt động đầu tư ở ngoài doanh nghiệp:

Đvt: đồng

STT	Tên đơn vị	Thời điểm ngày 31/12/2020			
		Vốn điều lệ	Số vốn đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ vốn góp (%)	Đã trích lập dự phòng
A	Đầu tư vào Công ty liên kết	31.000.000.000	5.853.508.822		(437.724.796)
1	Cty CP Phú Tam Khôi	31.000.000.000	5.853.508.822	40,0%	(437.724.796)
B	Đầu tư dài hạn khác	3.198.000.000.000	13.769.085.107		(2.209.958.560)
1	NH TMCP Sài Gòn Công Thương	3.080.000.000.000	1.268.317.114	0,04%	
2	Công ty bao bì Bình Tây	38.850.000.000	1.923.733.832	4,73%	(6.774.924)
3	Cty TNHH TMDV Đồng Thịnh	80.000.000.000	10.577.034.161	15,0%	(2.203.183.636)
	Tổng cộng		19.622.593.929		(2.647.683.356)

Đến ngày 31/12/2020 Công ty đang sở hữu 112.056 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, và 183.820 cổ phần tại Công ty cổ phần Bao bì Bình Tây.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các bộ quản lý và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho công tác giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông kịp thời và đầy đủ.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua kết quả đã thực hiện trong năm 2020, đề nghị Ban điều hành tiếp tục theo dõi để triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục bám sát và thực hiện các thủ tục đề được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017.

- Tiếp tục theo dõi thực hiện công tác chuyển đổi hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà đất của công ty.

- Kết quả kinh doanh tại các cửa hàng si, lẻ thuộc hệ thống Foodcomart Sài Gòn năm 2020 vẫn chưa hiệu quả, đề nghị Ban điều hành tiếp tục rà soát, từ đó có phương án kinh doanh ngành hàng công nghệ phẩm hiệu quả hơn nhằm góp phần tăng hiệu quả chung cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua. Xin kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT (để báo cáo)
- Lưu BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh có 03 thành viên gồm 01 thành viên chuyên trách là Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên không chuyên trách.

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được thực hiện theo mức lương đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Thù lao thành viên Ban kiểm soát: thành viên Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao nào.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 07 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên, các nội dung cụ thể như sau:

+ Thảo luận các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông và thống nhất dự thảo văn bản trả lời cổ đông.

+ Thông qua báo cáo thẩm định về kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty.

+ Thông qua kết quả kiểm tra tại Văn phòng công ty và một số đơn vị trực thuộc.

+ Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

- Nhìn chung, các cuộc họp đều nhận được sự thống nhất của các thành viên nên kết quả biểu quyết đa số 3/3 phiếu tán thành.

- Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu qua skype, zalo, mail.

4. Các công tác đã thực hiện trong năm 2020:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty; Ban kiểm soát tham gia thảo luận tại các cuộc họp và tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, góp ý xây dựng các quy chế và một số công tác khác tại cuộc họp của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trên cơ sở báo cáo và kiểm tra thực tế tại Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo năm.

- Thực hiện kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc

5. Phương hướng kế hoạch năm 2021:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất (nếu có) liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Báo cáo giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng

thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

1.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc :

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020: Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 vẫn chưa ngăn chặn đà lồi, ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động đến kinh doanh xăng dầu và khai thác dịch vụ, nhà bán hàng giảm tỷ lệ chiết khấu xăng dầu nên lợi nhuận ngành hàng xăng dầu giảm đáng kể trong năm 2020, song song đó do phát sinh khoản truy thu tiền thuê đất nên chi phí tiền thuê đất tăng đáng kể làm cho lợi nhuận toàn công ty năm 2020 lồi cao hơn so với cùng kỳ 2019.

Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã hạch toán chi phí lãi đối với khoản nợ phải nộp Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp nên số lỗ lũy kế đến 31/12/2020 đã vượt 60% vốn điều lệ của công ty.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định.

- Đối với khoản nợ Tổng công ty Lương thực miền Nam (tiền gạo và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp): Công ty tiếp tục c n đối dòng tiền để hàng tháng chuyển trả Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Về công tác đầu tư, kỹ thuật công nghệ: thực hiện thủ tục chuyển đổi pháp lý các cơ sở nhà, đất của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ: Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2017 về việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết để được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản không chấp thuận, và Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ, đến nay Công ty vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới.

- Việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản của HĐQT: bên cạnh những việc đã thực hiện, Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Công tác công bố thông tin đã thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

2.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của công ty là rõ ràng, đáng tin cậy. Báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Đến thời điểm 31/12/2020 việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần. Tuy nhiên, thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) vẫn chưa được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận nên số lượng cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán vẫn là 29.450.000 cổ phần. Hiện nay, Công ty tiếp tục tiến hành các thủ tục để được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017, sau đó sẽ cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh để được điều chỉnh số lượng cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Báo cáo đã ghi nhận số tiền lãi của khoản phải nộp về cổ phần hóa đến ngày 08/10/2018 theo Nghị quyết số 04/NQ-LT-HĐQT ngày 19/8/2020.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
	I TÀI SẢN NGẮN HẠN	34.528.394.200	36.050.789.093
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.006.930.633	3.581.982.699
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.025.454.749	6.200.735.049
4	Hàng tồn kho	23.572.923.428	24.187.175.544
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.923.085.390	2.080.895.801
	II TÀI SẢN DÀI HẠN	730.842.830.959	758.833.091.998
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	707.418.132.488	735.131.379.824
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.700.500	5.700.500
5	Đầu tư tài chính dài hạn	16.974.910.573	16.728.720.699
6	Tài sản dài hạn khác	6.444.087.398	6.967.290.975
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	765.371.225.159	794.883.881.091

II NỢ PHẢI TRẢ	684.506.136.214	677.314.509.770
1 Nợ ngắn hạn	115.165.381.214	108.727.354.770
2 Nợ dài hạn	569.340.755.000	568.587.155.000
III VỐN CHỦ SỞ HỮU	80.865.088.945	117.569.371.321
1 Vốn góp của chủ sở hữu	255.138.000.000	255.138.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(174.272.911.055)	(137.568.628.679)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>(137.568.628.679)</i>	<i>(122.023.472.521)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>(36.704.282.376)</i>	<i>(15.545.156.158)</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	765.371.225.159	794.883.881.091

2.3. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH /KH năm
I	Mua vào				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	4.200	2.053	48,88%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.640	7.215	74,84%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	521,204	598,377	114,81%
II	Bán ra				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	4.000	2.058	51,45%
2	Xăng dầu	Ngàn lít	9.307	7.218	77,55%
3	Công nghệ phẩm và hàng khác	Tỷ đồng	538,139	614,588	114,21%
4	Khai thác dịch vụ	Tỷ đồng	60,279	56,136	93,13%
III	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	799	794	99,37%
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng		(36,704)	

Kết quả kinh doanh của công ty trong năm 2020 vẫn tiếp tục lỗ do những nguyên nhân sau:

- Hạch toán chi phí lãi của khoản nợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (đến ngày 08/10/2018), số tiền 14,177 tỷ đồng.

- Định phí tại các Xí nghiệp Lương thực lớn, nên việc khai thác dịch vụ gửi giữ hàng hóa tại các đơn vị này chỉ bù đắp một phần định phí.

- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm của công ty tại Foodcomart Sài Gòn vẫn chưa hòa vốn.

- Mặt hàng xăng dầu do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới nên chiết khấu trong năm 2020 giảm liên tục, một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng xăng dầu bán ra giảm đáng kể, đạt 77,55% sản lượng kế hoạch và đạt 85,73% so với cùng kỳ, dẫn đến lãi gộp mặt hàng này giảm 2,094 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí tiền thuê đất tăng do đơn giá đất tăng và phát sinh các khoản truy thu tiền thuê đất.

2.4. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	95,49	95,46
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	4,51	4,54
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,43	85,20
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,56	14,79
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	8,46	5,76
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,09	0,11
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,30	0,33

Nhận xét, đánh giá các chỉ tiêu tài chính:

- Tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020 chủ yếu là tài sản dài hạn (chiếm 95,49% trên tổng tài sản).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu luôn vượt mức an toàn theo quy định.

- Hệ số thanh toán của Công ty luôn nhỏ hơn 1 nên khả năng thanh toán ở mức rất thấp.

- Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 174,273 tỷ đồng, mất 68% vốn góp của nhà đầu tư.

2.5. Về tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ:

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2020: 7,025 tỷ đồng (Công ty không có khoản phải thu dài hạn).

Nợ phải thu khó đòi: 46.599.020 đồng (đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 41.953.045 đồng).

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2020: 684,506 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 115,165 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả đã đến hạn hiện công ty chưa c n đối được nguồn tiền để thanh toán như:

. *Nợ phải trả Tổng công ty theo hợp đồng mua bán: 24,361 tỷ đồng.*

. *h oản phải nộp ề ở ph n hóa: 24,223 tỷ đồng.*

. h oản phải trả Bộ Tài chính: 7,553 tỷ đồng.

+ Nợ phải trả dài hạn: 569,341 tỷ đồng (chủ yếu là giá trị tạm tính của 04 lô đất theo phương án được giao đất: 561,416 tỷ đồng).

Nhìn chung, công ty quản lý tốt tài sản và không để phát sinh thêm công nợ khó đòi.

2.6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.

2.7. Tình hình hoạt động đầu tư ở ngoài doanh nghiệp:

Đvt: đồng

STT	Tên đơn vị	Thời điểm ngày 31/12/2020			
		Vốn điều lệ	Số vốn đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ vốn góp (%)	Đã trích lập dự phòng
A	Đầu tư vào Công ty liên kết	31.000.000.000	5.853.508.822		(437.724.796)
1	Cty CP Phú Tam Khôi	31.000.000.000	5.853.508.822	40,0%	(437.724.796)
B	Đầu tư dài hạn khác	3.198.000.000.000	13.769.085.107		(2.209.958.560)
1	NH TMCP Sài Gòn Công Thương	3.080.000.000.000	1.268.317.114	0,04%	
2	Công ty bao bì Bình Tây	38.850.000.000	1.923.733.832	4,73%	(6.774.924)
3	Cty TNHH TMDV Đồng Thịnh	80.000.000.000	10.577.034.161	15,0%	(2.203.183.636)
	Tổng cộng		19.622.593.929		(2.647.683.356)

Đến ngày 31/12/2020 Công ty đang sở hữu 112.056 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, và 183.820 cổ phần tại Công ty cổ phần Bao bì Bình Tây.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các bộ quản lý và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho công tác giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông kịp thời và đầy đủ.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua kết quả đã thực hiện trong năm 2020, đề nghị Ban điều hành tiếp tục theo dõi để triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục bám sát và thực hiện các thủ tục đề được thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh theo quyết định giảm vốn điều lệ (giảm phần vốn Nhà nước) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017.

- Tiếp tục theo dõi thực hiện công tác chuyển đổi hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà đất của công ty.

- Kết quả kinh doanh tại các cửa hàng si, lẻ thuộc hệ thống Foodcomart Sài Gòn năm 2020 vẫn chưa hiệu quả, đề nghị Ban điều hành tiếp tục rà soát, từ đó có phương án kinh doanh ngành hàng công nghệ phẩm hiệu quả hơn nhằm góp phần tăng hiệu quả chung cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua. Xin kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT (để báo cáo)
- Lưu BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

**FOODCOSA****CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39672060 – 39672038; Fax: (84-8) 39672022;

Email: info@foodcosa.vn

Web: http://www.foodcosa.vn

Số: /BC-LT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 19/01/2018.

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 26/03/2018.

Kết quả kiểm toán như sau:

A. Báo cáo tài chính tóm tắt**I. Bảng cân đối kế toán**

STT	Nội dung	Số dư ngày 31/12/2017	Số dư ngày 01/01/2017
			<i>Đơn vị tính: VND</i>
I	Tài sản ngắn hạn	54.420.921.664	319.147.639.969
1	Tiền	5.279.335.406	6.935.177.449
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
3	Các khoản phải thu	14.486.689.455	53.031.397.924
4	Hàng tồn kho	29.498.007.149	250.496.939.342
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.156.889.654	8.684.125.254
II	Tài sản dài hạn	820.290.319.398	852.414.117.137
1	Tài sản cố định	794.591.611.588	825.310.099.485
-	Tài sản cố định hữu hình	224.715.010.908	255.132.217.147
-	Tài sản cố định thuê tài chính		
-	Tài sản cố định vô hình	569.876.600.680	570.177.882.338
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	17.587.380.068	18.654.619.254
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.700.500	14.791.409
4	Tài sản dài hạn khác	8.105.627.242	8.434.606.989
III	Tổng cộng tài sản	874.711.241.062	1.171.561.757.106
IV	Nợ phải trả	714.704.884.298	908.558.614.352
1	Nợ ngắn hạn	147.586.529.298	340.926.799.384
2	Nợ dài hạn	567.118.355.000	567.631.814.968
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	160.006.356.764	263.003.142.754
1	Vốn góp ban đầu	255.138.000.000	294.500.000.000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(95.131.643.236)	(31.496.857.246)
4	Vốn điều chỉnh		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	874.711.241.062	1.171.561.757.106

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

			<i>Đơn vị tính: VND</i>
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	4 tháng cuối năm 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.096.879.035.522	311.929.837.917
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	75.500.000.000	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.021.379.035.522	311.929.837.917
4	Giá vốn hàng bán	1.017.381.635.363	313.281.897.360
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.997.400.159	(1.352.059.443)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	109.537.455	1.141.137.551
7	Chi phí tài chính	7.452.697.611	7.508.126.508
8	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	92.196.524.545	30.157.144.649
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(95.542.284.542)	(37.876.193.049)
10	Thu nhập khác	31.978.173.170	6.483.184.826
11	Chi phí khác	70.674.618	103.849.023
12	Lợi nhuận khác	31.907.498.552	6.379.335.803
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.634.785.990)	(31.496.857.246)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(63.634.785.990)	(31.496.857.246)

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2017	4 tháng cuối năm 2016
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	93,78%	72,76%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		6,22%	27,24%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81,71%	77,55%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		18,29%	22,45%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,37	0,94
	Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn</i>)		0,17	0,20
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-7,27%	-2,69%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-6,23%	-10,10%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		-39,77%	-11,98%

B. Ý kiến của kiểm toán

(Đính kèm ý kiến của đơn vị kiểm toán AASC tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số 260318.001/BCTC.HCM ngày 26/03/2018 - Chấp nhận toàn phần, không có ý kiến loại trừ).

Trên đây là báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán. Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông (*đọc tại báo cáo*);
- HĐQT, Ban KS (*để báo cáo*);
- Ban TGD Công ty (*để thông tin*);
- Lưu: P.TCKT, TK.HĐQT.

**FOODCOSA**

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39672060 – 39672038; Fax: (84-8) 39672022;
Email: info@foodcosa.vn Web: http://www.foodcosa.vn

Số: /BC-LT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 08/05/2019.

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 08/05/2019.

Kết quả kiểm toán như sau:

A. Báo cáo tài chính tóm tắt

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư ngày 31/12/2018	Số dư ngày 01/01/2018
			<i>Đơn vị tính: VND</i>
I	Tài sản ngắn hạn	45.699.236.644	54.420.921.664
1	Tiền	7.504.228.968	5.279.335.406
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
3	Các khoản phải thu	7.080.793.213	14.486.689.455
4	Hàng tồn kho	27.782.985.142	29.498.007.149
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.331.229.321	5.156.889.654
II	Tài sản dài hạn	788.618.858.679	820.290.319.398
1	Tài sản cố định	764.808.804.163	794.591.611.588
-	Tài sản cố định hữu hình	195.114.303.549	224.715.010.908
-	Tài sản cố định thuê tài chính		
-	Tài sản cố định vô hình	569.694.500.614	569.876.600.680
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	16.417.589.206	17.587.380.068
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.700.500	5.700.500
4	Tài sản dài hạn khác	7.386.764.810	8.105.627.242
III	Tổng cộng tài sản	834.318.095.323	874.711.241.062
IV	Nợ phải trả	701.203.567.844	714.704.884.298
1	Nợ ngắn hạn	132.977.912.844	147.586.529.298
2	Nợ dài hạn	568.225.655.000	567.118.355.000
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	133.114.527.479	160.006.356.764
1	Vốn góp ban đầu	255.138.000.000	255.138.000.000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(122.023.472.521)	(95.131.643.236)
4	Vốn điều chỉnh		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	834.318.095.323	874.711.241.062

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	586.708.646.446	1.096.879.035.522	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		75.500.000.000	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	586.708.646.446	1.021.379.035.522	
4	Giá vốn hàng bán	526.574.492.015	1.017.381.635.363	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.134.154.431	3.997.400.159	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	215.116.372	109.537.455	
7	Chi phí tài chính	2.864.841.205	7.452.697.611	
8	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	94.128.260.536	92.196.524.545	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(36.643.830.938)	(95.542.284.542)	
10	Thu nhập khác	9.813.178.860	31.978.173.170	
11	Chi phí khác	61.177.207	70.674.618	
12	Lợi nhuận khác	9.752.001.653	31.907.498.552	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.891.829.285)	(63.634.785.990)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.891.829.285)	(63.634.785.990)	

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	94,52%	93,78%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		5,48%	6,22%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,05%	81,71%
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		15,95%	18,29%
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,34	0,37
-	Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn</i>)		0,13	0,17
4	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-3,22%	-7,27%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-4,58%	-6,23%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		-20,20%	-39,77%

B. Ý kiến của kiểm toán

(Đính kèm ý kiến của đơn vị kiểm toán AASC tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số 080519.005/BCTC.HCM ngày 08/05/2019 - Chấp nhận toàn phần, không có ý kiến loại trừ).

Trên đây là báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán. Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông (*đọc tại báo cáo*);
- HĐQT, Ban KS (*để báo cáo*);
- Ban TGD Công ty (*để thông tin*);
- Lưu: P.TCKT, TK.HĐQT.



FOODCOSA

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39672060 – 39672038; Fax: (84-8) 39672022;
Email: info@foodcosa.vn Web: http://www.foodcosa.vn

Số: /BC-LT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 09/01/2020.

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 09/03/2020.

Kết quả kiểm toán như sau:

A. Báo cáo tài chính tóm tắt

I. Bảng cân đối kế toán

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
STT	Nội dung	Số dư ngày 31/12/2019	Số dư ngày 01/01/2019	
I	Tài sản ngắn hạn	36.050.789.093	45.699.236.644	
1	Tiền	3.581.982.699	7.504.228.968	
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác			
3	Các khoản phải thu	6.200.735.049	7.080.793.213	
4	Hàng tồn kho	24.187.175.544	27.782.985.142	
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.080.895.801	3.331.229.321	
II	Tài sản dài hạn	758.833.091.998	788.618.858.679	
1	Tài sản cố định	735.131.379.824	764.808.804.163	
-	Tài sản cố định hữu hình	165.677.415.255	195.114.303.549	
-	Tài sản cố định thuê tài chính			
-	Tài sản cố định vô hình	569.453.964.569	569.694.500.614	
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	16.728.720.699	16.417.589.206	
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.700.500	5.700.500	
4	Tài sản dài hạn khác	6.967.290.975	7.386.764.810	
III	Tổng cộng tài sản	794.883.881.091	834.318.095.323	
IV	Nợ phải trả	677.314.509.770	701.203.567.844	
1	Nợ ngắn hạn	108.727.354.770	132.977.912.844	
2	Nợ dài hạn	568.587.155.000	568.225.655.000	
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	117.569.371.321	133.114.527.479	
1	Vốn góp ban đầu	255.138.000.000	255.138.000.000	
2	Vốn bổ sung			
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(137.568.628.679)	(122.023.472.521)	
4	Vốn điều chỉnh			
VI	Tổng cộng nguồn vốn	794.883.881.091	834.318.095.323	

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	713.863.484.314	586.708.646.446	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	713.863.484.314	586.708.646.446	
4	Giá vốn hàng bán	651.891.698.250	526.574.492.015	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.971.786.064	60.134.154.431	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	40.313.281	215.116.372	
7	Chi phí tài chính	1.280.761.885	2.864.841.205	
8	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	93.637.635.305	94.128.260.536	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(32.906.297.845)	(36.643.830.938)	
10	Thu nhập khác	17.630.939.182	9.813.178.860	
11	Chi phí khác	269.797.495	61.177.207	
12	Lợi nhuận khác	17.361.141.687	9.752.001.653	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.545.156.158)	(26.891.829.285)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.545.156.158)	(26.891.829.285)	

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2019	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	95,46%	94,52%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		4,54%	5,48%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	85,21%	84,05%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		14,79%	15,95%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,33	0,34
	- Khả năng thanh toán nhanh (<i>(Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn</i>)		0,11	0,13
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-1,96%	-3,22%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-2,18%	-4,58%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		-13,22%	-20,20%

B. Ý kiến của kiểm toán

(Đính kèm ý kiến của đơn vị kiểm toán AISC tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số A0719291-R/AISC-DN5 ngày 09/03/2020 - Chấp nhận toàn phần, không có ý kiến loại trừ).

Trên đây là báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán. Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cổ đông (*đọc tại báo cáo*);
- HĐQT, Ban KS (*để báo cáo*);
- Ban TGD Công ty (*để thông tin*);
- Lưu: P.TCKT, TK.HĐQT.



FOODCOSA

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39672060 – 39672038; Fax: (84-8) 39672022;
Email: info@foodcosa.vn Web: http://www.foodcosa.vn

Số: /BC-LT Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 11/01/2021.
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 09/03/2021.

Kết quả kiểm toán như sau:

A. Báo cáo tài chính tóm tắt

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư ngày 31/12/2020	Số dư ngày 01/01/2020
			<i>Đơn vị tính: VND</i>
I	Tài sản ngắn hạn	34.528.394.200	36.050.789.093
1	Tiền	2.006.930.633	3.581.982.699
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
3	Các khoản phải thu	7.025.454.749	6.200.735.049
4	Hàng tồn kho	23.572.923.428	24.187.175.544
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.923.085.390	2.080.895.801
II	Tài sản dài hạn	730.842.830.959	758.833.091.998
1	Tài sản cố định	707.418.132.488	735.131.379.824
-	Tài sản cố định hữu hình	138.203.678.033	165.677.415.255
-	Tài sản cố định thuê tài chính		
-	Tài sản cố định vô hình	569.214.454.455	569.453.964.569
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	16.974.910.573	16.728.720.699
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.700.500	5.700.500
4	Tài sản dài hạn khác	6.444.087.398	6.967.290.975
III	Tổng cộng tài sản	765.371.225.159	794.883.881.091
IV	Nợ phải trả	684.506.136.214	677.314.509.770
1	Nợ ngắn hạn	115.165.381.214	108.727.354.770
2	Nợ dài hạn	569.340.755.000	568.587.155.000
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	80.865.088.945	117.569.371.321
1	Vốn góp ban đầu	255.138.000.000	255.138.000.000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(174.272.911.055)	(137.568.628.679)
4	Vốn điều chỉnh		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	765.371.225.159	794.883.881.091

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	774.108.259.485	713.863.484.314	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	774.108.259.485	713.863.484.314	
4	Giá vốn hàng bán	711.236.520.939	651.891.698.250	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.871.738.546	61.971.786.064	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	52.238.333	40.313.281	
7	Chi phí tài chính	15.592.130.438	1.280.761.885	
8	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	104.050.471.196	93.637.635.305	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(56.718.624.755)	(32.906.297.845)	
10	Thu nhập khác	20.049.343.847	17.630.939.182	
11	Chi phí khác	35.001.468	269.797.495	
12	Lợi nhuận khác	20.014.342.379	17.361.141.687	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(36.704.282.376)	(15.545.156.158)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.704.282.376)	(15.545.156.158)	

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	95,49%	95,46%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		4,51%	4,54%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,43%	85,21%
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		10,57%	14,79%
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,30	0,33
-	Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn</i>)		0,10	0,11
4	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-4,80%	-1,96%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-4,74%	-2,18%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		-45,39%	-13,22%

B. Ý kiến của kiểm toán

(Đính kèm ý kiến của đơn vị kiểm toán AISC tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số A0620205-R/AISC-DN5 ngày 09/03/2021 - Chấp nhận toàn phần, không có ý kiến loại trừ).

Trên đây là báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông (*đọc tại báo cáo*);
- HĐQT, Ban KS (*để báo cáo*);
- Ban TGD Công ty (*để thông tin*);
- Lưu: P.TCKT, TK.HĐQT.

**FOODCOSA**

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39672060 – 39672038; Fax: (84-8) 39672022;
Email: info@foodcosa.vn Web: http://www.foodcosa.vn

Số: /BC-LT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 11/01/2022.

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 28/02/2022.

Kết quả kiểm toán như sau:

A. Báo cáo tài chính tóm tắt

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư ngày 31/12/2021	Số dư ngày 01/01/2021
			<i>Đơn vị tính: VND</i>
I	Tài sản ngắn hạn	44.861.749.122	34.528.394.200
1	Tiền	2.417.368.044	2.006.930.633
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
3	Các khoản phải thu	9.313.234.412	7.025.454.749
4	Hàng tồn kho	31.098.888.152	23.572.923.428
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.032.258.514	1.923.085.390
II	Tài sản dài hạn	703.777.535.525	730.842.830.959
1	Tài sản cố định	681.813.057.465	707.418.132.488
-	Tài sản cố định hữu hình	112.831.936.044	138.203.678.033
-	Tài sản cố định thuê tài chính		
-	Tài sản cố định vô hình	568.981.121.421	569.214.454.455
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	15.960.628.349	16.974.910.573
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.700.500	5.700.500
4	Tài sản dài hạn khác	5.998.149.211	6.444.087.398
III	Tổng cộng tài sản	748.639.284.647	765.371.225.159
IV	Nợ phải trả	687.468.532.246	684.506.136.214
1	Nợ ngắn hạn	119.698.177.246	115.165.381.214
2	Nợ dài hạn	567.770.355.000	569.340.755.000
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	61.170.752.401	80.865.088.945
1	Vốn góp ban đầu	255.138.000.000	255.138.000.000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(193.967.247.599)	(174.272.911.055)
4	Vốn điều chỉnh		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	748.639.284.647	765.371.225.159

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	895.289.809.352	774.108.259.485	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	895.289.809.352	774.108.259.485	
4	Giá vốn hàng bán	832.150.262.421	711.236.520.939	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.139.546.931	62.871.738.546	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.026.211	52.238.333	
7	Chi phí tài chính	2.720.436.381	15.592.130.438	
8	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	90.373.663.778	104.050.471.196	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(29.951.527.017)	(56.718.624.755)	
10	Thu nhập khác	10.312.822.298	20.049.343.847	
11	Chi phí khác	55.631.825	35.001.468	
12	Lợi nhuận khác	10.257.190.473	20.014.342.379	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.694.336.544)	(36.704.282.376)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.694.336.544)	(36.704.282.376)	

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2021	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	94,01%	95,49%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		5,99%	4,51%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	91,83%	89,43%
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		8,17%	10,57%
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,37	0,30
-	Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn</i>)		0,11	0,10
4	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2,63%	-4,80%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-2,20%	-4,74%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		-32,20%	-45,39%

B. Ý kiến của kiểm toán

(Đính kèm ý kiến của đơn vị kiểm toán AISC tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số A0621320-R/AISC-DN5 ngày 28/02/2022 - Chấp nhận toàn phần, không có ý kiến loại trừ).

Trên đây là báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cổ đông (*đọc tại báo cáo*);
- HĐQT, Ban KS (*để báo cáo*);
- Ban TGD Công ty (*để thông tin*);
- Lưu: P.TCKT, TK.HĐQT.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 19 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Trong năm 2017, Công ty thực hiện giảm vốn điều lệ số tiền 39,362 tỷ VND (tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Nam về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/09/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/09/2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước), ban hành Nghị quyết số 02/NQLT-DHDCD cùng ngày. Công ty đang tiến hành các thủ tục để thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 19).
- Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 93.165.607.634 VND, lỗ lũy kế là 95.131.643.236 VND, tương ứng 37,29% vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được Công ty trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.
- Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang theo dõi giá trị Quyền sử dụng bốn (04) lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nghĩa vụ phải nộp Nhà nước liên quan trên chỉ tiêu Tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Phải trả khác đối với với tổng giá trị là 561,416 tỷ VND. Giá trị này được xác định theo Quyết định số 27/QĐ-HĐTV ngày 22/04/2016 của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty TNHH Một thành viên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa mà chưa có ý kiến phê duyệt của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phương án sử dụng đất cũng như giá đất để xác định quyền sử dụng đất. Do vậy, giá trị cũng như phương án sử dụng đất của các lô đất này có thể thay đổi khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 11 và số 17).
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 35, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa có quyết định chính thức về hình thức giao đất hay cho thuê đất đối với lô đất 270-277 Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chưa có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận phân chênh lệch giá trị hỗ trợ đền bù, di dời lô đất.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 39 – Bản thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Bùi Văn Thảo
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 Số 0522-2018-002-1
 Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Trung Hiếu
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 2202-2018-002-1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300559014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 01 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Tâm	Chủ tịch	
Ông Trần Anh Vũ	Ủy viên	
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên	
Ông Trần Thanh Điền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 01/04/2018)
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2018)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Anh Vũ	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Đoàn Thu	Trưởng ban
Ông Thân Tuấn Thuận	Thành viên
Ông Phan Lê Duy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300559014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc điều chỉnh mã ngành kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu; bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Và các ngành nghề khác theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: FOODCOSA.

Mã chứng khoán: FCS.

Trụ sở chính: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Quang Tâm	Chủ tịch HĐQT
Ông	Trần Anh Vũ	Thành viên HĐQT
Ông	Trương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
Ông	Trần Thanh Điền	Thành viên HĐQT
Bà	Trần Thị Xuân Mai	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà	Trần Thị Đoàn Thu	Trưởng ban
Ông	Thân Tấn Thuận	Thành viên
Ông	Phan Lê Duy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Trần Anh Vũ	Tổng Giám Đốc
Bà	Đỗ Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Huỳnh Thị Phương	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Ông	Trần Anh Vũ	Tổng Giám Đốc
-----	-------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

5. Cam kết và xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 và 2020.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Vũ

Tổng Giám Đốc

13
ĐNI
TNI
TC
/U
NH
GHI
P



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@alsc.com.vn Website: www.alsc.com.vn

Số:A0719291-R/AISC-DNS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 01 năm 2020, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

Trong năm 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ số tiền 39,362 tỷ đồng (tương ứng giảm 3.926.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/08/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 01/09/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/09/2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQLT-ĐHĐCĐ cùng ngày. Công ty đang tiến hành các thủ tục để thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh.

Trang 3

Branch In Hà Nội: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ho Noi
Branch In Đà Nẵng: 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City
Representative In Cần Thơ: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City
Representative In Hải Phòng: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel : (84.24) 3782 0045
Tel : (84.236) 3747 619
Tel : (84.28) 3832 9129
Tel : (84.24) 3782 0045

Fax : (84.24) 3782 0048
Fax : (84.236) 3747 620
Fax : (84.28) 3834 2957
Fax : (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@alsc.com.vn
Email: danang@alsc.com.vn
Email: cantho@alsc.com.vn
Email: haiphong@alsc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng 4 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nghĩa vụ phải nộp Nhà nước lần lượt liên quan đến chỉ tiêu "Tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" với tổng giá trị là 561.416.855.000 đồng. Giá trị này được xác định theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/08/2017 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/09/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh mà chưa có ý kiến phê duyệt của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phương án sử dụng đất cũng như đơn giá đất để xác định quyền sử dụng đất. Do vậy, giá trị cũng như phương án sử dụng đất của các lô đất này có thể thay đổi khi có ý kiến chính thức của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.9 và số V.16).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số VIII.1, UBND thành phố Hồ Chí Minh chưa có quyết định chính thức về hình thức giao đất hay cho thuê đất đối với lô đất 270-277 Trần Văn Kiểu, Phường 3, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chưa có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận phần chênh lệch giá trị hỗ trợ đền bù, di dời lô đất.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về thông tin được Công ty trình bày tại thuyết minh báo cáo tài chính số V.16. Tại thuyết minh này, Công ty đang cùng Tổng Công ty Lương thực miền Nam thương thảo phần tiền lãi theo quy định của pháp luật liên quan đến số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Số tiền còn phải nộp về cổ phần hóa tại ngày 31/12/2019 là 29.722.929.928 VND (tại ngày 31/12/2018 là 47.722.929.928 VND).

Báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này không bao gồm những điều chỉnh có thể có phát sinh từ các sự kiện nêu trên và các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phát hành báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính này bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác vào ngày 08 tháng 5 năm 2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2020

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HÙNG DŨNG

Số Giấy CNDKHNKT: 3174-2020-005-01
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN

Số Giấy CNDKHNKT: 2172-2018-005-01
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0620205-R/AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 01 năm 2021, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Branch In Ha Noi: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi	Tel: (84.24) 3782 0045	Fax: (84.24) 3782 0048	Email: hanoi@aisc.com.vn
Branch In Da Nang: 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City	Tel: (84.236) 3747 619	Fax: (84.236) 3747 620	Email: danang@aisc.com.vn
Representative In Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City	Tel: (84.28) 3832 9129	Fax: (84.28) 3834 2957	Email: cantho@aisc.com.vn
Representative In Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong	Tel: (84.24) 3782 0045	Fax: (84.24) 3782 0048	Email: halphong@aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

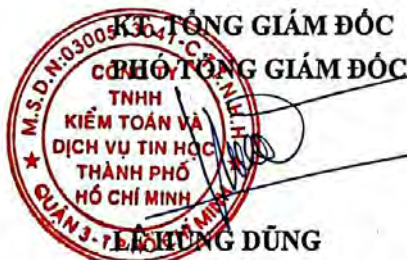
Trong năm 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ số tiền là 39,362 tỷ đồng (tương ứng giảm 3.926.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/08/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 01/09/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/09/2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQLT-ĐHĐCĐ cùng ngày. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, tuy nhiên vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng 4 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nghĩa vụ phải nộp nhà nước lần lượt liên quan đến chỉ tiêu "tài sản cố định vô hình" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" với tổng giá trị là 561.416.855.000 đồng. Giá trị này được xác định theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/08/2017 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/09/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh mà chưa có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phương án sử dụng đất cũng như đơn giá đất để xác định quyền sử dụng đất. Do vậy giá trị cũng như phương án sử dụng đất của các lô đất này có thể thay đổi sau khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.9 và số V.15).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số VIII.1, UBND thành phố Hồ Chí Minh chưa có quyết định chính thức về hình thức giao đất hay cho thuê đất đối với lô đất 270-277 Trần Văn Kiêu, Phường 3, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chưa có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận phần chênh lệch giá trị hỗ trợ đền bù, di dời lô đất.

Báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này không bao gồm những điều chỉnh có thể có phát sinh từ các sự kiện nêu trên và các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021



Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2020-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐỖ THỊ HẰNG

Số Giấy CNĐKHNKT: 4226-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty đến thời điểm hiện tại có nhiều nội dung không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động, tăng khả năng khai thác nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu trên để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (dự thảo Điều lệ có sửa đổi, bổ sung một số điều gồm 21 mục và 59 điều).

(Toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu trên để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này gồm 08 chương 100 điều.

(Toàn văn dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu trên để xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này gồm 07 chương 23 điều.

(Toàn văn dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty. Ban kiểm soát đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua.

(Toàn văn dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



FOODCOSA

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
(đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Mục 1. CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20

	Trang
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua -	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	30
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	32
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	33
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	35
Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36

	Trang
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	37
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	37
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	37
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 48. Năm tài chính	38
Điều 49. Chế độ kế toán	38
Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	38
Điều 51. Báo cáo thường niên	38
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 52. Kiểm toán	38
Chương XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	39
Điều 53. Dấu của Công ty	39
Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	39
Điều 54. Giải thể công ty	39
Điều 55. Gia hạn hoạt động	39
Điều 56. Thanh lý	39
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 58. Điều lệ công ty	41
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 59. Ngày hiệu lực	41

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh quyết định thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm 2022.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Ho Chi Minh City Food Joint Stock Company**

- Tên Công ty viết tắt: **FOODCOSA**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1610 đường Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại : (08) 3967 2060 – 3967 2038

- Fax : (08) 3967 2022

- E-mail : info@foodcosa.vn

- Website : www.foodcosa.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: Kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm; Kinh doanh kẹo; Kinh doanh các loại thức ăn uống nhanh; Kinh doanh thủy hải sản, hàng tươi sống; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)	4632 (Chính)
2	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở)	1071
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng tiêu dùng, phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Kinh doanh hương liệu, gia vị.	4669
4	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	4610
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị	6810
6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất thùng các tông, bao bì đóng gói các loại (trừ tái chế giấy, sản xuất bột giấy)	3290
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Kinh doanh hàng bách hóa, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, vải sợi, quần áo, mỹ phẩm, hàng trang sức-xi mạ, bóp ví, giày da, văn phòng phẩm, sành sứ, thủy tinh, nhựa gia dụng. Mua bán giấy, vở, bìa các tông.	4649
8	Nuôi trồng thủy sản biển - Chi tiết: Nuôi trồng các loại thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	0321
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan -Chi tiết: Mua bán khí đốt hóa lỏng	4661
10	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Kinh doanh hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ. Mua bán phim chụp ảnh	4773
11	Chế biến và bảo quản rau quả - Chi tiết: Sản xuất, chế biến, kinh doanh hàng nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở)	1030

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Dịch vụ trưng bày giới thiệu sản phẩm	8299
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa).	4620
14	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt - Chi tiết: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm và công nghệ phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	1010
15	Bán buôn đồ uống - Chi tiết: Mua bán rượu các loại trên 30 độ cồn	4633
16	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào - Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước	4634
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - Chi tiết; Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ rửa xe	5221
18	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép -Chi tiết: Mua bán vải bố, vải bạt	4641
19	Xay xát và sản xuất bột thô - Chi tiết: Sản xuất , xay xát, chế biến lương thực (Không hoạt động tại trụ sở)	1061
20	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Không hoạt động tại trụ sở)	4631
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường sông	5022
22	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại trụ sở)	4730
25	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
26	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
27	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
28	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
32	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành)	4761
33	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
34	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Vận tải xăng dầu, sản phẩm lọc dầu.	4933
35	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
36	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
37	Xây dựng nhà để ở	4101
38	Xây dựng nhà không để ở	4102
39	Xây dựng công trình điện	4221
40	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41	Phá dỡ	4311
42	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
45	Hoàn thiện công trình	4330
46	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
47	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
48	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
49	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
51	Bán mô tô, xe máy	4541

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
52	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
54	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
55	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận và hiệu quả cao nhất; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty trong điều kiện tuân thủ các quy định pháp luật; Phát triển bền vững lâu dài, không ngừng cải tiến các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh doanh, uy tín và năng lực cạnh tranh của Công ty. Hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề, trong đó ưu tiên ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông và người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành đăng ký hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Chương IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 294.500.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 29.450.000 cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ

đồng quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc

Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1 CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 2

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này

có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế

bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là từ 03 người đến 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành

vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm 01 Tổng giám đốc, từ 02 đến 04 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

k) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các thành viên này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc

chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



FOODCOSA

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

MỤC LỤC

Trang

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
Điều 2. Đối tượng áp dụng	6
Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Mục 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	7
Mục 2. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT	7
BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP (BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP)	
Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách.....dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 11. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Thảo luận tại cuộc họp.....	12
Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu	14
Điều 17. Cách thức kiểm phiếu.....	16
Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	16
Điều 19. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	17
Điều 20. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	18
Mục 3. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT	
BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	19
Điều 23. Thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	19
Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông ...bằng văn bản.....	19
Mục 4. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT	
BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	21
Điều 25. Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	21
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự họp.....	21

Điều 27. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	22
Điều 28. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	22
Điều 29. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp -----	22
Điều 30. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử -----	23
Điều 31. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	23
Điều 32. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến -----	24
Điều 33. Hình thức thông qua Nghị quyết -----	24
Điều 34. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến/điện tử-----	24
Điều 35. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu-----	25
Điều 36. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	26
Mục 5. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN -----	26
Điều 37. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	26
Điều 38. Cách thức đăng ký tham dự -----	26
Điều 39. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp -----	26
Điều 40. Điều kiện tiến hành -----	26
Điều 41. Hình thức thông qua nghị quyết -----	26
Điều 42. Cách thức bỏ phiếu -----	26
Điều 43. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu -----	26
Điều 44. Điều kiện để nghị quyết được thông qua -----	26
Điều 45. Lập biên bản họp và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông -----	26
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	27
Mục 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	27
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị-----	27
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị -----	27
Mục 2. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	28
Điều 48. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị -----	28
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị-----	28
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị-----	28
Điều 51. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị-----	29
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị -----	29
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị----	30
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị-----	30
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	30

Mục 3. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	31
Điều 56. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	31
Mục 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	32
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	32
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	32
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị -----	33
Điều 60. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát -----	33
Điều 61. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	33
Điều 62. Cách thức biểu quyết-----	33
Điều 63. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị-----	34
Điều 64. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị ---	34
Điều 65. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	34
Điều 66. Trường hợp chủ tọachối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị-----	35
Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	35
Mục 5. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	35
Điều 68. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị-----	35
Mục 6. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	36
Điều 69. Người phụ trách quản trị Công ty-----	36
Điều 70. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty-----	36
Điều 71. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty-----	36
Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty -----	37
Chương IV. BAN KIỂM SOÁT -----	37
Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát -----	37
Điều 74. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát -----	39
Điều 75. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát -----	39
Điều 76. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát-----	39
Điều 77. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát-----	40
Điều 78. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát -----	40
Điều 79. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát -----	41
Điều 80. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát-----	41
Điều 81. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	42
Chương V. TỔNG GIÁM ĐỐC -----	42
Điều 82. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----	42
Điều 83. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc-----	43
Điều 84. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc -----	43
Điều 85. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc -----	43

Điều 86. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----	43	
Điều 87. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc-----	44	
Chương VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
Mục 1. QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG		
GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC-----	44	
Điều 88. Trình tự, thủ tục triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc -----	44	
Điều 89. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	44	
Điều 90. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc	44	
Điều 91. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị-----	44	
Điều 92. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	45	
Điều 93. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc -----	45	
Điều 94. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát-----	45	
Điều 95. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	46	
Mục 2. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG -----		48
Điều 96. Quy định về đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	48	
Điều 97. Khen thưởng-----	49	
Điều 98. Kỷ luật-----	49	
Chương VII. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY-----		50
Điều 99. Bổ sung và sửa đổi quy định về quản trị nội bộ công ty -----	50	
Chương VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH-----		50
Điều 100. Ngày hiệu lực-----	50	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số.....ngày...của Hội đồng quản trị)

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 4 năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty (gọi tắt là Quy chế) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế.

**Chương II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Mục 1
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 2

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP (BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP)

Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của

cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

b) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự quy định của Công ty.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

4. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Thảo luận tại cuộc họp

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra cuộc họp.

2. Cổ đông thảo luận và phát biểu trực tiếp hoặc gửi ý kiến cho Ban thư ký tổng hợp và gửi cho Chủ tọa.

Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

i) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Biểu quyết là việc cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện để Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Hình thức biểu quyết bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Đại biểu họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

3. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết:

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết. Việc biểu quyết tiến hành bằng cách kiểm đếm Thẻ biểu quyết tán thành, sau đó kiểm đếm Thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số Thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Cổ đông dự họp không giơ thẻ biểu quyết thì được xem như chấp thuận/đồng ý/tán thành nội dung biểu quyết. Trường hợp cổ đông dự họp giơ thẻ biểu quyết nhiều hơn 1 lần khi biểu quyết (không xác định được việc tán thành hay không tán thành hoặc ý kiến khác) thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết được in sẵn có dấu (Mộc đỏ) của Công ty gồm các mục tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền cho ý kiến bằng cách đánh dấu vào ô mình chọn, gấp phiếu lại và bỏ vào thùng phiếu kín theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu được quyền bỏ phiếu.

4. Nội dung biểu quyết được thông qua khi số phiếu thu về hợp lệ đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

3. Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/ đại diện cổ đông được xác định theo công thức: Tổng số quyền bầu cử bằng tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu (*Tổng số quyền bầu cử = Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện x Số thành viên được bầu*).

*Ví dụ: Số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị là 5 người (trong số 5 hoặc 6 người được giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị), vào Ban Kiểm soát là 3 người (trong số 3 hoặc 4 người được giới thiệu, đề cử). Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, quyền bầu cử Hội đồng quản trị của ông X là $(1.000*5) = 5.000$ phiếu và quyền bầu cử Ban Kiểm soát là $(1.000*3) = 3.000$ phiếu.*

4. Nội dung phiếu bầu: Phiếu bầu cử được in giấy, có đóng dấu (mộc đỏ) của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Phiếu in sẵn họ tên cổ đông/đại diện theo ủy quyền, số thứ tự, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số quyền bầu cử, danh sách ứng viên.

Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

5. Cách ghi Phiếu bầu cử được thực hiện như sau:

a) Cổ đông/đại diện cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu bầu cho một ứng viên hoặc nhiều ứng viên, đánh dấu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng;

b) Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng.

c) Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu của ô “Số phiếu bầu”.

6. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

a) Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu (mộc đỏ) của Công ty;

b) Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu (*Phiếu bầu ghi tổng số đã*

bầu bị cộng sai mà ban kiểm phiếu cộng lại lớn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu).

c) Phiếu bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định (tức bầu nhiều hơn 5 người đối với Hội đồng quản trị và hơn 3 người đối với Ban kiểm soát)

d) Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xoá vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại tên phiếu mới)

7. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Người trúng cử phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất 1 quyền bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp và được nhiều phiếu hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định.

Nếu có nhiều ứng viên ngang số phiếu bầu làm cho việc chọn ra đủ số cần bầu không thực hiện được thì số ứng viên đó có phải bầu lại để chọn ra số còn thiếu sau khi các ứng viên có số phiếu bầu cao hơn đã được trúng cử. Việc bầu lại cũng vẫn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

Điều 17. Cách thức kiểm phiếu

1. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.

2. Nếu cổ đông có yêu cầu và trường hợp cần thiết, Công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tổng hợp, ghi thành biên bản và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu.
2. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 20. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 21. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nghị quyết, biên bản họp và các tài liệu ban hành kèm theo biên bản, nghị quyết phải được công bố theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 3

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 23. Thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

3. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 6 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Phương án bầu cử - nếu có;

g) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quy chế này.

Mục 4

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 25. Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của cuộc họp theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Ban tổ chức cuộc họp.

2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại cuộc họp.

3. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong cuộc họp.

4. Đăng ký thông tin liên lạc với Ban tổ chức cuộc họp đồng thời chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của cuộc họp.

5. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như phương thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

6. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp để đăng nhập vào Hệ thống tổ chức, vận hành chương trình họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử của Công ty (gọi tắt là Hệ thống).

7. Thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của cuộc họp. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra cuộc họp tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

8. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ

đồng và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

9. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến cho tới khi cuộc họp kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất (logout) Hệ thống.

Điều 27. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.
2. Phiếu biểu quyết/bầu cử không bắt buộc gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 28. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty có quyền đăng ký tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

2. Cổ đông đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác và gửi thư phản hồi cho Công ty để Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.

3. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập (mã xác thực - nếu có) để đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty (<https://www.Foodcosa.vn>).

5. Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 29. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin của bên nhận ủy quyền như số điện thoại, địa chỉ liên lạc, email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác đối với bên nhận ủy quyền.

3. Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến như có đầy đủ thông tin theo mẫu, có chữ ký và

ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến, Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến bằng cách cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được bản chính của văn bản đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu bên nhận ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử với bất kỳ nội dung nào của chương trình cuộc họp.

5. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của cuộc họp.

Điều 30. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Công ty cung cấp đường dẫn truy cập, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác để cổ đông/đại diện ủy quyền đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử của Công ty theo số điện thoại hoặc email, các hình thức liên lạc khác mà cổ đông/đại diện ủy quyền đã đăng ký với Công ty.

2. Khi cổ đông dự họp có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể thông báo qua các hình thức trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền biểu quyết do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống tổ chức, vận hành chương trình họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử của Công ty, đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến theo quy định. Tài khoản truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được cấp cho từng cổ đông.

Điều 31. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này. Số cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

2. Hệ thống tổ chức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức cuộc họp bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình cuộc họp trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 32. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra cuộc họp trực tuyến.

2. Cổ đông có thể thảo luận tại cuộc họp trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức cuộc họp, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho chủ tọa.

Điều 33. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 34. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến/điện tử

1. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã xác thực – nếu có để đăng nhập vào Hệ thống để thực hiện biểu quyết.

2. Thông qua Hệ thống, cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của cuộc họp, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình cuộc họp, thành phần Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức cuộc họp - nếu có. Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc cuộc họp trực tuyến.

4. Khi điều hành cuộc họp, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về

việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức cuộc họp để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

5. Thông qua hệ thống, cổ đông thực hiện việc bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu bằng cách đánh dấu chọn vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên phiếu bầu cử. Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

6. Các quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu trực tuyến/điện tử như sau:

a) Cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử các vấn đề đó;

b) Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình cuộc họp đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử các vấn đề phát sinh đó;

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử những vấn đề phát sinh ngoài chương trình cuộc họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách ghi số thì phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác lớn hơn hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu bầu của đại biểu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

đ) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử của đại biểu.

8. Việc bầu cử theo phương thức biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 35. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận và tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

2. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết, lập thành biên bản kết quả bỏ phiếu từ hệ thống và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp trực tuyến.

Điều 36. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này. Nội dung cuộc họp trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

3. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Chủ tọa hoặc Ban Thư ký đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp trực tuyến.

Mục 5

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 37. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 27 của Quy chế này.

Điều 38. Cách thức đăng ký tham dự

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 28 của Quy chế này.

Điều 39. Vệc ủy quyền cho người đại diện dự họp

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 29 của Quy chế này.

Điều 40. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 31 của Quy chế này.

Điều 41. Hình thức thông qua nghị quyết

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 33 của Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 34 của Quy chế này.

Điều 43. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 19 và Điều 35 của Quy chế này.

Điều 44. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này

Điều 45. Lập biên bản họp và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 36 của Quy chế này.

**Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mục 1

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau (*Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*):

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 48. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là từ 03 người đến 11 người

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác - nếu có theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị - nếu có.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web (Website) của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3

THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 56. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 60. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 61. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 62. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Công ty quy định – nếu có.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

5. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Điều 63. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 64. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 65. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 66. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web (Website) của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 5

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 68. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Các nội dung chi tiết về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định.

Mục 6 NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 69. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 70. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

4. Tham dự các cuộc họp.

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 71. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi xét thấy Người phụ trách quản trị Công ty thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc lý do khác nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty của Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web (Website) của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương IV
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ

sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ

đồng thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 74. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 75. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 76. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 77. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 79. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 80. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát - nếu có

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 81. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 82. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 83. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 84. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử ứng viên làm Tổng giám đốc Công ty theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 83 của Quy chế này và trình lên Hội đồng quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tuyển dụng chức danh Tổng giám đốc.

Điều 85. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc Công ty.

Điều 86. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Sau khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc Công ty của Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web (Website) của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 87. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty đồng thời phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 88. Trình tự, thủ tục triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Trình tự, thủ tục triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại mục 4 Chương III của Quy chế này.

Điều 89. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 90. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi có các nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 91. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

d) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty không được thực thi;

c) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành khác của Công ty sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 92. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Định kỳ quý/năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 93. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc sau khi có các báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 94. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng quản trị các vấn đề sau:

a) Các nội dung theo Điều 92 của Quy chế này;

b) Các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong 07 ngày làm việc.

Trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và thông báo cho Ban kiểm soát các vấn đề sau:

a) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 95. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Việc phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị được quy định như sau:

a) Ban kiểm soát thường xuyên thông báo cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra và gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc, thống

nhất với Hội đồng quản trị trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất được quan điểm với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thì được bảo lưu ý kiến, ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

đ) Kiểm soát viên thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.

g) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc nhằm thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát như sau:

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ, các vấn đề mà kiểm soát viên quan tâm.

b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra và gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác điều hành, quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc, thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất được quan điểm với Tổng giám đốc thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến, ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

c) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước 48 giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được

phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để tiết lộ các giao dịch có liên quan.

đ) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất là 07 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả cần sự phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị theo quy định sau:

a) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần có quyết định;

b) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

đ) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất là 07 ngày làm việc so với ngày dự định nhận phản hồi của Hội đồng quản trị.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 96. Quy định về đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành Công ty với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định

tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác của Công ty thực hiện theo các quy định nội bộ Công ty – nếu có hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 97. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban tham mưu công tác lương thưởng do Hội đồng quản trị quyết định thành lập có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 96 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty – nếu có) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với người điều hành Công ty (bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng): nguồn kinh phí được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 98. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty không hoàn thành nhiệm vụ so với yêu cầu và sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

Điều 99. Bổ sung và sửa đổi quy định về quản trị nội bộ công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương VIII
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 100. Ngày hiệu lực

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 08 chương, 100 Điều được Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực thi hành toàn văn của quy định này kể từ ngày ... tháng 4 năm 2022.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



FOODCOSA

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG -----	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng -----	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị -----	3
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị-----	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị -----	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị -----	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị -----	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị -----	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ----	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị -----	8
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị -----	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch-----	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường-----	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị -----	11
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị-----	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	13
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH-----	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm -----	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan-----	14
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị-----	15
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành -----	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát -----	15
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH-----	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành -----	16

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(kèm theo Quyết định số.....ngày...của Hội đồng quản trị)

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (gọi tắt là Quy chế) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành của Công ty khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là từ 03 đến 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Trường hợp doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho

Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



FOODCOSA

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Chương II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Chương III - BAN KIỂM SOÁT.....	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	9
Chương V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	10
Chương VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11
Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	11

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số.....ngày...của Ban kiểm soát Công ty)

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đối tượng có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo

đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban

kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường

hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản

lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát

hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

**Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

**Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHIỆM KỲ II NĂM 2021-2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2 năm 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày / /2022.

Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II năm 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Quy chế) Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) bao gồm các nội dung sau:

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các nội dung liên quan đến việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II năm 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2. Quy chế này áp dụng đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (gọi tắt là người được ủy quyền dự họp).

**Chương 2
NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II năm 2021-2026 là 05 người.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 là 03 người.

Điều 3. Danh sách ứng viên

Danh sách ứng viên được sắp xếp tên theo vần ABC, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Điều 4. Cách thức bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) có tổng số phiếu bầu (gọi là Tổng số quyền bầu cử) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (gọi là tổng số cổ phần nắm giữ) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát theo công thức như sau:

Tổng số quyền bầu cử = Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện x Số thành viên được bầu

Ví dụ 1: Số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị là 5 người. Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, tổng số quyền bầu cử Hội đồng quản trị của ông X là $(1.000 \times 5) = 5.000$ phiếu.

Ví dụ 2: Số thành viên được bầu vào Ban kiểm soát là 3 người. Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, tổng số quyền bầu cử Ban kiểm soát của ông X là $(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu.

3. Cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Bầu dồn hết là việc cổ đông sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên.

+ Trường hợp bầu dồn hết cho 01 ứng cử viên nghĩa là cổ đông sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho 01 ứng cử viên trong số các ứng cử viên

+ Trường hợp bầu dồn hết đều cho các ứng cử viên nghĩa là cổ đông sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình chia đều cho các ứng cử viên

+ Trường hợp bầu dồn hết không đều cho các ứng cử viên nghĩa là cổ đông sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình chia hết cho các ứng cử viên nhưng với mỗi ứng cử viên có thể có số phiếu bầu không bằng nhau.

Ví dụ: Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Số người được giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị là 5 người. Tổng số quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của ông X là 5.000 phiếu.

Danh sách bầu có các Ông A, Ông B, Ông C, Ông D và Bà E. Ông X bầu dồn hết cho một ứng cử viên là đem hết 5.000 phiếu để bầu cho 01 trong 05 người. Ông X bầu dồn hết đều là đem hết 5.000 phiếu chia đều 05 người là Ông A, Ông B, Ông C, Ông D và Bà E mỗi người được 1.000 phiếu. Ông X bầu dồn hết không đều là đem hết 5.000 phiếu để bầu 05 người là Ông A, Ông B, Ông C, Ông D và Bà E mỗi người được số phiếu khác nhau nhưng tổng cộng không vượt quá 5.000 phiếu.

- Bầu dồn một phần là việc cổ đông không sử dụng hết tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại không cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Ví dụ: Ông X bầu dồn một phần cho một ứng viên là bầu thấp hơn 5.000 phiếu cho 01 trong 05 người là Ông A hoặc Ông B hoặc Ông C hoặc Ông D hoặc Bà E.

Ông X bầu dồn một phần cho 05 người là Ông A, Ông B, Ông C, Ông D và Bà E mỗi người được số phiếu giống nhau hoặc khác nhau nhưng tổng cộng thấp hơn 5.000 phiếu.

Điều 5. Nội dung Phiếu bầu

1. Phiếu bầu được in giấy màu xanh, khổ A4, có đóng dấu (mộc đỏ) của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh. Phiếu in sẵn họ tên cổ đông/đại diện theo ủy quyền, số thứ tự, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số quyền bầu cử, danh sách ứng viên.

2. Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

3. Cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu. Nếu có sai sót, thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi phiếu.

Điều 6. Cách ghi Phiếu bầu

1. Cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. Cách ghi phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo 01 trong 04 trường hợp sau:

a) Phiếu bầu dồn hết cho 01 người: Cổ đông đánh dấu X vào ô Bầu dồn đều phiếu cho duy nhất 01 người trong một số người theo danh sách bầu.

Mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: Trần Văn X

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp): 001

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: 1.000 cổ phần.

Tổng số phiếu bầu cử: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu bầu.

STT	Họ tên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A		
02	Trần Văn B	X	
03	Huỳnh Văn C		
04	Nguyễn Văn D		
05	Võ Thị E		

b) Mẫu phiếu bầu tròn hết đều cho 05 người: Cử đồng đánh dấu X vào ô Bầu tròn đều phiếu cho 05 người theo danh sách bầu.

Mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

TÊN CỬ ĐỒNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: **Trần Văn X**

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp): **001**

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: **1.000 cổ phần.**

Tổng số phiếu bầu cử: **1.000 x 5 = 5.000 phiếu bầu.**

STT	Họ tên	Bầu tròn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	gu yễn Văn A	X	
02	Trần Văn B	X	
03	Huỳnh Văn C	X	
04	gu yễn Văn D	X	
05	Võ Thị E	X	

c) Mẫu phiếu bầu tròn hết không đều: Cử đồng ghi rõ số phiếu bầu vào ô Số phiếu bầu của ứng viên tương ứng.

Mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

TÊN CỬ ĐỒNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: **Trần Văn X**

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp): **001**

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: **1.000 cổ phần.**

Tổng số phiếu bầu cử: **1.000 x 5 = 5.000 phiếu bầu.**

STT	Họ tên	Bầu tròn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	gu yễn Văn A		2.000
02	Trần Văn B		1.000
03	Huỳnh Văn C		1.000
04	gu yễn Văn D		500
05	Võ Thị E		500

d) Mẫu phiếu bầu tròn một phần: Cử đồng ghi rõ số phiếu bầu vào ô Số phiếu bầu của ứng viên tương ứng.

Mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

TÊN CỬ ĐỒNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: **Trần Văn X**

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp): **001**

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: **1.000 cổ phần.**

Tổng số phiếu bầu cử: **1.000 x 5 = 5.000 phiếu bầu.**

STT	Họ tên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	gu yễn Văn A		2.000
02	Trần Văn B		500
03	Huỳnh Văn C		500
04	gu yễn Văn D		500
05	Võ Thị E		500

Ghi chú: Cổ đông ghi phiếu bầu theo điểm d khoản 1 Điều này đã không sử dụng hết tổng số quyền bầu của mình cho các ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại (1.000 phiếu) không cho bất kỳ ứng cử viên nào.

2. Mẫu phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát tương tự mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, khác số người ứng cử.

3. Trong trường hợp cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu của ô “Số phiếu bầu”.

Điều 7. Phiếu bầu hợp lệ và Phiếu bầu không hợp lệ

1. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu phải có đủ các điều kiện sau:

a) Phiếu bầu theo mẫu in sẵn xếp theo thứ tự vần ABC, có đóng dấu (Mộc đỏ) Công ty do Ban kiểm phiếu phát ra, không tẩy, xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu được quy định của Quy chế này;

b) Phiếu có tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu cử của cổ đông.

2. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

a) Phiếu bầu không do Ban kiểm phiếu phát ra, phiếu không đóng dấu (Mộc đỏ) Công ty hoặc đã tẩy, xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

b) Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.

c) Gạch họ, tên ứng viên trên phiếu bầu.

d) Phiếu trắng là phiếu bỏ trống, không bầu cho bất kỳ người nào có tên trong phiếu bầu.

đ) Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu (*Phiếu bầu có tổng số phiếu đã bầu do Ban kiểm phiếu cộng lại lớn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu*).

e) Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại tên phiếu mới)

g) Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở thùng phiếu để kiểm phiếu.

Điều 8. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Trong trường hợp có sai sót, cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp lại phiếu bầu cũ trước khi bỏ phiếu bầu mới vào thùng phiếu.

2. Cổ đông (hoặc người được ủy quyền dự họp) tiến hành bỏ phiếu vào thùng phiếu theo trình tự (hướng đi bỏ phiếu) do Ban kiểm phiếu quy định.

3. Ban kiểm phiếu giám sát việc bỏ phiếu, thực hiện việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Nguyên tắc trúng cử

1. Thứ tự trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Trường hợp kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Chương III HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 3 chương, 10 điều được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra vào lúc...giờ...ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thực hiện giao dịch đối với tổ chức có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua nội dung sau:

Trong niên độ tài chính năm 2022 chấp thuận cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh quyết định thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định đối với từng loại hợp đồng, giao dịch và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật; báo cáo định kỳ hàng tháng, quý cho Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 của Công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 1.280.836.546 đồng

- Quỹ tiền lương của người lao động: 21.948.130.023 đồng

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 124.000.000 đồng

Từ tháng 06/2017, 02 thành viên HĐQT không chuyên trách và 01 thành viên BKS không chuyên trách tự nguyện không nhận thù lao do Công ty chi trả.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2018

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 1.089.000.000 đồng, tương ứng với 05 người (90.750.000 đồng/tháng x 12 tháng = 1.089.000.000 đồng). Trường hợp trong năm 2018 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ lương sẽ thay đổi. Mức lương các chức danh như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 20.250.000 đồng/người/tháng

- Tổng giám đốc: 19.500.000 đồng/người/tháng

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 18.000.000 đồng/người/tháng

- Phó Tổng giám đốc:	17.250.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng:	15.750.000 đồng/người/tháng
Tổng cộng:	90.750.000 đồng/tháng

2.2. *Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động:* 18.028.878.766 đồng, tiền lương bình quân 5.627.000 đồng/người/tháng.

2.3. *Thù lao đối với người quản lý không chuyên trách và Thư ký HĐQT:* Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao là 1.000.000 đồng/người/tháng.

3. Cách thức chi trả tiền lương

Thực hiện theo quy định của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2018 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 của Công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018

Năm 2018, Công ty không tổ chức Đại hội đồng cổ đông, do đó đối với người quản lý chuyên trách, Công ty áp dụng mức lương, thù lao các chức danh người quản lý chuyên trách đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua để chi trả lương, thù lao cho năm 2018.

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (05 người): 1.089.000.000 đồng

- Quỹ tiền lương của người lao động: 15.847.602.685 đồng

1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2018

- Năm 2018, Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao chi trả là 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao của thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 12.000.000 đồng.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2019

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách (05 người): **1.101.000.000 đồng** (91.750.000 đồng x 12 tháng). Trường hợp trong năm 2019 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ tiền lương sẽ thay đổi. Mức lương các chức danh như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 20.250.000 đồng/người/tháng
- Tổng giám đốc: 19.500.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc: 17.250.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 18.000.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng: 16.750.000 đồng/người/tháng

2.2. *Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (234 người): 16.446.247.000 đồng*, tiền lương b nh quân 5.857.000 đồng/người/tháng.

2.3. *Quỹ thù lao kế hoạch đối với người quản lý không chuyên trách và Thư ký HĐQT*: Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao là 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng mức thù lao kế hoạch năm 2019 là **12.000.000 đồng**

3. Cách thức chi trả tiền lương

Thực hiện theo quy định của Công ty.

Kính tr nh Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN T I
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2019 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của Công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019

Năm 2019, Công ty không tổ chức Đại hội đồng cổ đông, do đó đối với người quản lý chuyên trách, Công ty áp dụng mức lương, thù lao các chức danh người quản lý chuyên trách đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua để chi trả lương, thù lao cho năm 2019.

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (05 người): 1.089.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của người lao động: 16.465.202.820 đồng.

1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2019

- Năm 2019, Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao chi trả là 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao của thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 12.000.000 đồng.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2020

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách (05 người): **1.376.400.000 đồng** (114.700.000 đồng x 12 tháng). Trường hợp trong năm 2020 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ tiền lương sẽ thay đổi. Mức tiền lương của các chức danh cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người): 25.300.000 đồng/người/tháng
- Tổng giám đốc (01 người): 24.400.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc (01 người): 21.600.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 22.500.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người): 20.900.000 đồng/người/tháng

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch, Công ty tính toán mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý chuyên trách không quá 80% mức tiền lương kế hoạch như trên. Số còn lại (20%) căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm, Công ty sẽ quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Trường hợp Công ty bị lỗ, mức tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách bằng mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người): 20.250.000 đồng/người/tháng
 - Tổng giám đốc (01 người): 19.500.000 đồng/người/tháng
 - Phó Tổng giám đốc (01 người): 17.250.000 đồng/người/tháng
 - Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 18.000.000 đồng/người/tháng
 - Kế toán trưởng (01 người): 16.750.000 đồng/người/tháng
- Tổng cộng: 91.750.000 đồng/tháng

2.2. *Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (214 người): 17.744.314.000 đồng*, tiền lương b nh quân 6.910.000 đồng/người/tháng.

2.3. *Quỹ thù lao kế hoạch đối với người quản lý không chuyên trách và Thư ký HĐQT*: Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao là 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng mức thù lao kế hoạch năm 2020 là **12.000.000 đồng**

3. Cách thức chi trả tiền lương

Thực hiện theo quy định của Công ty.

Kính tr nh Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN T I
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của Công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020

Năm 2020, Công ty không tổ chức Đại hội đồng cổ đông, do đó đối với người quản lý chuyên trách, Công ty áp dụng mức lương, thù lao các chức danh người quản lý chuyên trách đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua để chi trả lương, thù lao cho năm 2020.

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (07 người): 1.095.142.857 đồng.

- Quỹ tiền lương của người lao động: 15.711.965.491 đồng.

1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2020

- Năm 2020, Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao chi trả là 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao của thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 12.000.000 đồng.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2021

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách (07 người): **1.894.800.000 đồng** (157.900.000 đồng x 12 tháng). Trường hợp trong năm 2021 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ tiền lương sẽ thay đổi. Mức tiền lương của các chức danh cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người): 25.300.000 đồng/người/tháng
- Tổng giám đốc (01 người): 24.400.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc (03 người): 21.600.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 22.500.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người): 20.900.000 đồng/người/tháng

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch, Công ty tính toán mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý chuyên trách không quá 80% mức tiền lương kế hoạch như trên. Số còn lại (20%) căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm, Công ty sẽ quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Trường hợp Công ty bị lỗ, mức tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách bằng mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người): 20.250.000 đồng/người/tháng
- Tổng giám đốc (01 người): 19.500.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc (03 người): 17.250.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 18.000.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người): 16.750.000 đồng/người/tháng

2.2. *Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (214 người): 19.692.760.000 đồng*, tiền lương b nh quân 7.165.000 đồng/người/tháng.

2.3. *Quỹ thù lao kế hoạch đối với người quản lý không chuyên trách và Thư ký HĐQT*: Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao là 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng mức thù lao kế hoạch năm 2021 là **12.000.000 đồng**

3. Cách thức chi trả tiền lương

Thực hiện theo quy định của Công ty.

Kính tr nh Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN T I
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-LT-HĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trnh Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021

Năm 2021, Công ty không tổ chức Đại hội đồng cổ đông, do đó đối với người quản lý chuyên trách, Công ty áp dụng mức lương, thù lao các chức danh người quản lý chuyên trách đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua để chi trả lương, thù lao cho năm 2021.

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 1.333.789.773 đồng.

- Quỹ tiền lương của người lao động: 15.434.124.407 đồng.

1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2021

- Năm 2021, Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao chi trả là 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao của thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 12.000.000 đồng.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2022

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách (06 người):
1.272.000.000 đồng (106.000.000 đồng x 12 tháng). Mức tiền lương của các chức danh cụ thể như sau:

- Tổng giám đốc (01 người): 19.500.000 đồng/người/tháng

- Phó Tổng giám đốc (03 người):	17.250.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người):	18.000.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người):	16.750.000 đồng/người/tháng
Tổng cộng:	106.000.000 đồng/tháng

(Trường hợp trong năm 2022 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ tiền lương sẽ thay đổi)

2.2. Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: **12.418.000.000 đồng**

2.3. Quỹ thù lao kế hoạch đối với Thư ký Công ty/HĐQT:

- Thư ký Công ty/HĐQT kiêm nhiệm	1.000.000 đồng/người/tháng
----------------------------------	----------------------------

2.4. Quỹ thù lao kế hoạch đối với người quản lý không chuyên trách

- Thành viên HĐQT không chuyên trách	3.000.000 đồng/người/tháng
--------------------------------------	----------------------------

- Thành viên BKS không chuyên trách	2.000.000 đồng/người/tháng
-------------------------------------	----------------------------

Khi Công ty đạt lợi nhuận sẽ thực hiện việc chi thù lao cho người quản lý và thời gian thực hiện được tính từ sau Đại hội. Riêng với thù lao thư ký th thực hiện chi hàng tháng.

3. Cách thức chi trả tiền lương

Thực hiện theo quy định của Công ty.

Kính tr nh Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN T I
CHỦ TỊCH**

Số: /BKS-LTTP.2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

Về việc đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/02/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua các nội dung sau:

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Ban kiểm soát xin đề xuất với Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng tại Việt Nam.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán cho Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban kiểm soát xin đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2022 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

3. Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
T UỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

Số: /BKS-LTTP.2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

**Về việc đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tin học TP.HCM (AISC) là đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì AISC đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán cho Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu.

2. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc chọn AISC thực hiện việc soát xét và kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
T UỶNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

Số: /BKS-LTTP.2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

**Về việc đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tin học TP.HCM (AISC) là đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì AISC đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán cho Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu.

2. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc chọn AISC thực hiện việc soát xét và kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
T UỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

Số: /BKS-LTTP.2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

**Về việc đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tin học TP.HCM (AISC) là đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì AISC đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán cho Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu.

2. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc chọn AISC thực hiện việc soát xét và kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
T UỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

Số: /BKS-LTTP.2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

T T NH

**Về việc đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.
Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty Cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì AASC đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán cho Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu.

2. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc chọn AASC thực hiện việc soát xét và kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
T UỞNG BAN**

Trần Thị Đoàn Thu

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và thay thế thành viên
Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I năm 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (FOODCOSA)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết số 30 và 31/NQ-LT-HĐQT ngày 16/10/2017, số 02/NQ-LT-HĐQT ngày 30/03/2018 và số 05/NQ-LT-HĐQT ngày 19/07/2019 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị theo đơn từ nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh,

Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) FOODCOSA có sự thay đổi vào tháng 10/2017, tháng 04/2018 và tháng 07/2019. Theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Điều lệ công ty “Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó.”. Từ năm 2018 đến nay, Công ty không tổ chức cuộc họp ĐHCĐ nên chưa thông qua sự thay đổi này.

Hôm nay, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ I năm 2016-2021 đối với các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông Trịnh Ngọc Thuận, thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Thời điểm miễn nhiệm từ ngày 16/10/2017 theo đơn từ nhiệm.
2. Ông Tô Phước Khải, thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc: Thời điểm miễn nhiệm từ ngày 16/10/2017 theo đơn từ nhiệm.
3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy, thành viên HĐQT: Thời điểm miễn nhiệm từ ngày 01/04/2018 theo đơn từ nhiệm.

II. Thông qua việc công nhận chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2018 đến ngày 19/07/2019 và miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 20/07/2019 đối với Ông Nguyễn Thành Vinh

Ông Nguyễn Thành Vinh được HĐQT bổ nhiệm tạm thời là thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Lâm Vinh Huy từ ngày 01/04/2019 (theo Nghị quyết số 02/NQ-LT-HĐQT ngày 30/03/2018) và được miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 20/07/2019 theo đơn từ nhiệm (theo Nghị quyết số 05/NQ-LT-HĐQT ngày 19/07/2019).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Công nhận ông Nguyễn Thành Vinh là thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2018 đến ngày 19/07/2019.
2. Ông Nguyễn Thành Vinh được miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 20/07/2019 theo đơn từ nhiệm.

III. Thông qua các quyết định thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ I năm 2016-2021 (tỷ lệ phần vốn đại diện chiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty)

Hội đồng quản trị FOODCOSA nhận được Văn bản số 2175/TCT-TC ngày 16/10/2017 của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam (nay là Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần), Văn bản số 04/2018/BGD-SFC ngày 21/03/2018 và số 11/2019/CV/BGD-SFC ngày 15/07/2019 của Công ty cổ phần Đầu tư SFC (nay là Công ty cổ phần Tập đoàn SOMO Việt Nam) về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và tham gia ứng cử chức vụ thành viên HĐQT; Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết số 30, 31/NQ-LT-HĐQT ngày 16/10/2017, số 02/NQ-LT-HĐQT ngày 30/03/2018 và số 05/NQ-LT-HĐQT ngày 19/07/2019 thông qua:

1. Ông Nguyễn Quang Tâm, đại diện 21% vốn Nhà nước của Tổng công ty Lương thực miền Nam trên vốn điều lệ tại FOODCOSA, tham gia ứng cử chức vụ thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách tại FOODCOSA, nhiệm kỳ I năm 2016-2021.

2. Ông Trần Thanh Điền, đại diện 15% vốn Nhà nước của Tổng công ty Lương thực miền Nam trên vốn điều lệ tại FOODCOSA, tham gia ứng cử chức vụ thành viên HĐQT không chuyên trách tại FOODCOSA, nhiệm kỳ I năm 2016-2021.

3. Bà Trần Thị Xuân Mai, người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Đầu tư SFC tại FOODCOSA (với số lượng cổ phần đại diện là 3.500.000 cổ phần), tham gia ứng cử chức vụ thành viên HĐQT không chuyên trách tại FOODCOSA, nhiệm kỳ I năm 2016-2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ I năm 2016-2021 như sau:

- Số lượng thành viên thay thế: 03 thành viên.
- Tiêu chuẩn: theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
- Danh sách thay thế thành viên Hội đồng quản trị (Đính kèm sơ yếu lý lịch) gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Tâm
2. Ông Trần Thanh Điền
3. Bà Trần Thị Xuân Mai

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-LT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ I năm 2016-2021 và thông qua danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (FOODCOSA)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Hôm nay, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc biểu quyết miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ I năm 2016-2021 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh do hết nhiệm kỳ

1. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I năm 2016-2021 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Quang Tâm, Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Trần Anh Vũ, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
3. Ông Trần Thanh Điền, , thành viên HĐQT.
4. Ông Trương Tiến Dũng, thành viên HĐQT.
5. Bà Trần Thị Xuân Mai, thành viên HĐQT .

2. Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ I năm 2016-2021 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Bà Trần Thị Đoàn Thu, Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ông Phan Lê Duy, thành viên Ban kiểm soát.
3. Ông Thân Tấn Thuận, thành viên Ban kiểm soát.

II. Thông qua việc biểu quyết danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới – nhiệm kỳ II năm 2021-2026 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

1. Danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II năm 2021-2026 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
2. Ông Nguyễn Quang Tâm (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
3. Ông Đoàn Quang Long (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
4. Ông Trương Tiến Dũng (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
5. Bà Trần Thị Xuân Mai (Đính kèm sơ yếu lý lịch)

2. Danh sách ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông Ngô Thành Giao (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
2. Nguyễn Thị Cẩm Nhung (Đính kèm sơ yếu lý lịch)
3. (Đính kèm sơ yếu lý lịch)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BIÊN BẢN
THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết số 02/NQ-LT-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/3/2022 của Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh;

Hôm nay, ngày __/__/2022, tại trụ sở chính Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (FOODCOSA), địa chỉ: số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông gồm:

1. Bà Trần Thị Thu Hằng, Trưởng Phòng ĐT-KTCN : Trưởng ban;
2. Bà Trần Thị Kim Hồng, Chuyên viên Phòng TCKT : Thành viên
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Đã tiến hành thẩm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 02/NQ-LT-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2017 nêu trên, vốn điều lệ của Công ty từ 294,500 tỷ đồng giảm còn 255,138 tỷ đồng do điều chỉnh giảm phần vốn Nhà nước 39,362 tỷ đồng tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty theo Nghị quyết này đã được cập nhật trên báo cáo tài chính theo số vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng tương ứng 25.513.800 cổ phần.

Từ năm 2017 đến nay, Công ty vẫn chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Do vậy, việc thẩm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tính theo 02 tỷ lệ:

- Một là vốn điều lệ, số cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- + Vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng
- + Tổng số cổ phần: 29.450.000 cổ phần

- Hai là vốn điều lệ, số cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 thông qua:

- + Vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng
- + Tổng số cổ phần: 25.513.800 cổ phần

Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phát hành ngày __/__/2022 có __ cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp như sau:

- Một là: tổng số cổ phần: 29.450.000 cổ phần, chia ra:

- + __ cổ đông là tổ chức trong nước, sở hữu _____ cổ phần;
- + __ cổ đông là cá nhân trong nước, sở hữu _____ cổ phần;
- + __ cổ đông là cá nhân người nước ngoài, sở hữu _____ cổ phần.

- Hai là: tổng số cổ phần: 25.513.800 cổ phần, chia ra:

- + __ cổ đông là tổ chức trong nước, sở hữu _____ cổ phần;
- + __ cổ đông là cá nhân trong nước, sở hữu _____ cổ phần;
- + __ cổ đông là cá nhân người nước ngoài, sở hữu _____ cổ phần.

Đến thời điểm __ giờ __ phút ngày __/__/2022, đã có _____ cổ đông và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp. Tổng số cổ phần là 29.450.000 cổ phần cóđại diện cho _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Với tổng số cổ phần là 25.513.800 cổ phần cóđại diện cho _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Dựa trên kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, các cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Như vậy, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh đã đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành

Biên bản được lập thành 02 bản và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào hôm nay ngày / /2022../.

**TRƯỞNG BAN THẨM TRA
TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh
(Foodcosa)

Địa chỉ trụ sở: 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp.Hồ Chí Minh

Mã số doanh nghiệp: 0300559014, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/3/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian họp ĐHĐCĐ: Bắt đầu lúc giờ phút, thứ __, ngày __/__/2022

Địa điểm họp ĐHĐCĐ: Hội trường Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM
Số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM.

NỘI DUNG KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Ban kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh gồm 12 thành viên có tên sau :

1. Bà Phạm Thị Phương Lan, Phó trưởng P. Tài chính-KT : Trưởng ban;
2. Bà Trần Thị Thu Hằng, Trưởng phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
4. Bà Trần Thị Kim Hồng, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
5. Bà Hồ Thị Thu Trang, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
6. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, CV phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
7. Bà Nguyễn Thụy Hải Yến, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
8. Bà Phùng Thị Tuyết Hạ, CV phòng Tổ chức – HC : Thành viên;
9. Bà Hồ Thị Kim Anh, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
10. Bà Trịnh Thu Thúy, CV phòng Kinh doanh : Thành viên;
11. Bà Võ Phương Loan, CV phòng Kinh doanh FCM SG : Thành viên;
12. Bà Lưu Thị Kim Thi, CV phòng Tổng hợp FCM SG : Thành viên.

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, xin báo cáo kết quả như sau:

1. Về quyền biểu quyết tại cuộc họp

a) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và tổng số cổ phần 29.450.000 cổ phần

b) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng và tổng số cổ phần 25.513.800 cổ phần.

2. Về số phiếu biểu quyết tại cuộc họp

a) Tổng số phiếu phát ra: ____ phiếu

b) Tổng số phiếu thu vào: ____ phiếu

c) Số phiếu hợp lệ:

- Tổng số phiếu hợp lệ _____ phiếu, tương ứng _____ cổ phần, tỷ lệ _____ %

- Tổng số phiếu hợp lệ _____ phiếu, tương ứng _____ cổ phần, tỷ lệ _____ %

d) Số phiếu không hợp lệ:

- Tổng số phiếu không hợp lệ _____ phiếu, tương ứng _____ cổ phần, tỷ lệ _____ %

- Tổng số phiếu không hợp lệ _____ phiếu, tương ứng _____ cổ phần, tỷ lệ _____ %

3. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết (CP, %)					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		CP	%	CP	%	CP	%
1	Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động SXKD từ năm 2017 đến năm 2020						
2	Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022						
3	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT từ năm 2017 đến năm 2020						

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết (CP, %)					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		CP	%	CP	%	CP	%
4	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022						
5	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2020						
6	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021						
7	Báo cáo hoạt động của BKS từ năm 2017 đến năm 2020						
8	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022						
9	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty						
10	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty						
11	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty						
12	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS Công ty						
13	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao từ năm 2017 đến năm 2020						

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết (CP, %)					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		CP	%	CP	%	CP	%
14	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022						
15	Tờ trình chọn công ty kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2021						
16	Tờ trình chọn công ty kiểm toán năm 2022						
17	Tờ trình thông qua miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 1 năm 2016-2021						

Trên đây là kết quả kiểm phiếu biểu quyết (giấy A4, màu vàng) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Biên bản được lập thành 02 bản chính và thông qua Đại hội đồng cổ đông vào lúc ___ giờ ___ phút ngày ___/___/2022.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Thành viên Ban kiểm phiếu (đồng ký tên)

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| 1. Trần Thị Thu Hằng..... | 7. Phùng Thị Tuyết Hạ..... |
| 2. Nguyễn Thị Kim Ngân..... | 8. Hồ Thị Kim Anh..... |
| 3. Trần Thị Kim Hồng..... | 9. Trịnh Thu Thúy..... |
| 4. Hồ Thị Thu Trang..... | 10. Võ Phương Loan..... |
| 5. Nguyễn Quốc Tuấn..... | 11. Lưu Thị Kim Thi..... |
| 6. Nguyễn Thụy Hải Yến..... | |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ II NĂM 2021-2026
TẠI CUỘC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh
(Foodcosa)
Địa chỉ trụ sở: 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp.Hồ Chí Minh
Mã số doanh nghiệp: 0300559014, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi
lần thứ 17 ngày 03/3/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hồ Chí Minh
Thời gian họp ĐHĐCĐ: Bắt đầu lúc giờ ... phút, thứ __, ngày __/__/2022
Địa điểm họp ĐHĐCĐ: Hội trường Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM
Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, TP.HCM.

**NỘI DUNG KIỂM PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ II NĂM 2021-2026**

Ban kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh gồm 12 thành viên có tên sau :

1. Bà Phạm Thị Phương Lan, Phó trưởng P. Tài chính-KT : Trưởng ban;
2. Bà Trần Thị Thu Hằng, Trưởng phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
4. Bà Trần Thị Kim Hồng, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
5. Bà Hồ Thị Thu Trang, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
6. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, CV phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
7. Bà Nguyễn Thụy Hải Yến, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
8. Bà Phùng Thị Tuyết Hạ, CV phòng Tổ chức – HC : Thành viên;
9. Bà Hồ Thị Kim Anh, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
10. Bà Trịnh Thu Thúy, CV phòng Kinh doanh : Thành viên;
11. Bà Võ Phương Loan, CV phòng Kinh doanh FCM SG : Thành viên;
12. Bà Lưu Thị Kim Thi, CV phòng Tổng hợp FCM SG : Thành viên.

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ II năm 2021-2026.

I. Số lượng và danh sách ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua là 05 người gồm các ông bà có tên sau:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Ông Trương Tiến Dũng
3. Ông Đoàn Quang Long
4. Bà Trần Thị Xuân Mai
5. Ông Nguyễn Quang Tâm

Ban kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT báo cáo kết quả bầu cử như sau:

1. Về quyền bầu cử tại cuộc họp

a) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và tổng số cổ phần 29.450.000 cổ phần

b) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng và tổng số cổ phần 25.513.800 cổ phần.

2. Về số phiếu bầu tại cuộc họp

a) Tổng số phiếu phát ra: ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử

b) Tổng số phiếu thu vào: ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử

c) Số phiếu hợp lệ:

- Tổng số phiếu hợp lệ ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử, tỷ lệ ____ %

- Tổng số phiếu hợp lệ ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử, tỷ lệ ____ %

d) Số phiếu không hợp lệ:

- Tổng số phiếu không hợp lệ ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử, tỷ lệ ____ %

- Tổng số phiếu không hợp lệ ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử, tỷ lệ ____ %

3. Kết quả:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu (VĐL: 294,5 tỷ)		Số phiếu bầu (VĐL: 255,1 tỷ)	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%
1	Nguyễn Tiến Dũng				

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu (VĐL: 294,5 tỷ)		Số phiếu bầu (VĐL: 255,1 tỷ)	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%
2	Trương Tiến Dũng				
3	Đoàn Quang Long				
4	Trần Thị Xuân Mai				
5	Nguyễn Quang Tâm				

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp này, danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ II năm 2021-2026 (xếp theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp), gồm:

1.
2.
3.
4.
5.

II. Số lượng và danh sách ứng viên bầu thành viên Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua là 0 người gồm các ông bà có tên sau

1.
2.
3.

Ban kiểm phiếu bầu thành viên BKS báo cáo kết quả bầu cử như sau:

1. Về quyền bầu cử tại cuộc họp

a) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và tổng số cổ phần 29.450.000 cổ phần

b) Số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham gia bỏ phiếu là ____ cổ đông, đại diện cho _____ cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng và tổng số cổ phần 25.513.800 cổ phần.

2. Về số phiếu bầu tại cuộc họp

a) Tổng số phiếu phát ra: ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử

b) Tổng số phiếu thu vào: ____ phiếu, đại diện cho _____ quyền bầu cử

c) Số phiếu hợp lệ:

- Tổng số phiếu hợp lệ _____ phiếu, đại diện cho _____ quyền
bầu cử, tỷ lệ _____ %

- Tổng số phiếu hợp lệ _____ phiếu, đại diện cho _____ quyền
bầu cử, tỷ lệ _____ %

d) Số phiếu không hợp lệ:

- Tổng số phiếu không hợp lệ _____ phiếu, đại diện cho _____ quyền
bầu cử, tỷ lệ _____ %

- Tổng số phiếu không hợp lệ _____ phiếu, đại diện cho _____ quyền
bầu cử, tỷ lệ _____ %

3. Kết quả:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu (VDL: 294,5 tỷ)		Số phiếu bầu (VDL: 255,1 tỷ)	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%
1					
2					
3					

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp này, danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ II năm 2021-2026 (xếp theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp), gồm:

1.
2.
3.

Trên đây là kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ II năm 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Biên bản được lập thành 02 bản chính và thông qua Đại hội đồng cổ đông vào lúc ___ giờ ___ phút ngày ___ / ___ /2022.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Thành viên Ban kiểm phiếu (đồng ý tên)

1. Trần Thị Thu Hằng.....
7. Phùng Thị Tuyết Hạ.....

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| 2. Nguyễn Thị Kim Ngân..... | 8. Hồ Thị Kim Anh..... |
| 3. Trần Thị Kim Hồng..... | 9. Trịnh Thu Thúy..... |
| 4. Hồ Thị Thu Trang..... | 10. Võ Phương Loan..... |
| 5. Nguyễn Quốc Tuấn..... | 11. Lưu Thị Kim Thi..... |
| 6. Nguyễn Thụy Hải Yến..... | |

Số: /BB-LT-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC TP.HỒ CHÍ MINH**

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (FOODCOSA)
Địa chỉ trụ sở chính: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, Tp.Hồ Chí Minh
Mã số doanh nghiệp: 0300559014, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/3/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian họp: Bắt đầu lúc giờ phút, thứ __, ngày __/__/2022
Địa điểm họp: Hội trường Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh Số 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM.

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

I. Nghi thức khai mạc, thủ tục tiến hành cuộc họp

1. Thông qua nghi thức chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự họp.
2. Thông qua báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.

Bà, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.

- Tổng số cổ đông mời tham dự cuộc họp là...cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 01/4/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Tại thời điểm khai mạc lúc 8 giờ 00 phút, số lượng cổ đông và người đại diện theo ủy quyền dự họp là _____ người, đại diện cho _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Theo khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành.

4. Giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.

a) V thành phần Đoàn Chủ tọa

Đại biểu dự họp biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết thành phần Đoàn chủ tọa với tỷ lệ _____% gồm có các Ông/Bà sau:

1. Ông Nguyễn Quang Tâm : Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa cuộc họp;
- 2.
- 3.

b) V thành phần Ban thư ký

Chủ tọa cuộc họp cử 02 người làm thư ký cuộc họp gồm có các Ông/Bà sau:

1. Bà Trương Thị Ngọc Mão, Thư ký Công ty – Phó trưởng phòng TCHC
2. Bà Đặng Nguyễn Ki u Thanh – Chuyên viên Phòng Đầu tư - Kỹ thuật công nghệ

c) V thành phần Ban kiểm phiếu

Đại biểu dự họp biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu với tỷ lệ _____% gồm có các Ông/Bà sau:

1. Bà Phạm Thị Phương Lan, Phó trưởng P. Tài chính-KT : Trưởng ban;
2. Bà Trần Thị Thu Hằng, Trưởng phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
4. Bà Trần Thị Kim Hồng, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
5. Bà Hồ Thị Thu Trang, CV phòng Tài chính-KT : Thành viên;
6. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, CV phòng Đầu tư – KTCN : Thành viên;
7. Bà Nguyễn Thụy Hải Yến, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
8. Bà Phùng Thị Tuyết Hạ, CV phòng Tổ chức – HC : Thành viên;
9. Bà Hồ Thị Kim Anh, CV phòng Tổ chức - HC : Thành viên;
10. Bà Trịnh Thu Thúy, CV phòng Kinh doanh : Thành viên;
11. Bà Võ Phương Loan, CV phòng Kinh doanh FCM SG : Thành viên;
12. Bà Lưu Thị Kim Thi, CV phòng Tổng hợp FCM SG : Thành viên.

Chủ tọa cuộc họp phát biểu khai mạc, Đoàn chủ tọa đi u hành cuộc họp.

II. Nội dung chính của cuộc họp

1. Thông qua quy chế làm việc tại cuộc họp

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày dự thảo Quy chế làm việc tại cuộc họp và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ _____% cổ đông có quy n biểu quyết tại cuộc họp.

Thực hiện Đi u 4, chương II Quy chế làm việc vừa được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành. Tại cuộc họp này, tổng số cổ phần có quy n biểu quyết được tính/kiểm đếm theo 02 trường hợp: cổ đông sẽ biểu quyết 01 lần cho mỗi nội dung xin ý kiến nhưng kết quả biểu quyết được tính theo 02 tỷ lệ bằng cách quy đổi tương đương, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ % cổ đông có quy n biểu quyết tại cuộc họp được tính/kiểm đếm trên số cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 29.450.000 cổ phần tương ứng vốn đi u lệ 294, 500 tỷ đồng;

- Tương đương tỷ lệ % cổ đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp được tính/kiểm đếm trên số cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 thông qua 25.513.800 cổ phần tương ứng vốn đi u lệ 255,138 tỷ đồng.

Như vậy, Quy chế làm việc tại cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết với tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tương ứng với vốn đi u lệ 294,5 tỷ đồng và tổng số cổ phần 29.450.000 cổ phần đương nhiên cùng đã được thông qua với tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tương ứng với vốn đi u lệ 255,138 tỷ đồng và tổng số cổ phần 25.513.800 cổ phần.

2. Thông qua chương trình cuộc họp

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày Chương trình cuộc họp và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ _____% cổ đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

3. Thông qua báo cáo của Ban đi u hành

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày Báo cáo của Ban Đi u hành v kết quả hoạt động SXKD từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng). Kết quả

Đại biểu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng).

4. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

Đại biểu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng)

5. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày các Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2021

Đại biểu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng)

6. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

Đại biểu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng)

7. Thông qua các tờ trình

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày các tờ trình sau:

- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Đi u lệ công ty (Đính kèm);
- Tờ trình thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty (Đính kèm);

- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*Đính kèm*);
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*Đính kèm*);
- Tờ trình thông qua tỉ n lương, thù lao từ năm 2017 đến năm 2021 và kế hoạch tỉ n lương, thù lao năm 2022 (*Đính kèm*);
- Tờ trình chọn công ty kiểm toán các năm 2018, năm 2019, năm 2020, năm 2021 và năm 2022 (*Đính kèm*);
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ I năm 2016-2021 (*Đính kèm*).

Đại biểu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng)

8. Thông qua tờ trình miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT, BKS

Ông/Bà (chức danh)..... trình bày tờ trình v việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ I năm 2016-2021 và giới thiệu danh sách bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026.

9. Đại biểu thảo luận và phát biểu ý kiến

Chủ tọa cuộc họp mời cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình.

Cổ đông không có ý kiến.

Ghi ý kiến cổ đông (nếu có)

.....

10. Thông qua Quy chế bầu cử; hướng dẫn bầu cử

Ông/Bà (chức danh)..... thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026

Đại biểu dự họp biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ _____% cổ đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông cách thức ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử HĐQT và phiếu bầu cử BKS.

11. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết (phiếu màu vàng), phiếu bầu cử HĐQT (phiếu màu xanh), phiếu bầu cử BKS (phiếu màu hồng).

12. Công bố kết quả kiểm phiếu

Trưởng Ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2022-2027. Kết quả kiểm phiếu như sau:

a) Kết quả kiểm phiếu biểu quyết (*Đính kèm Biên bản kiểm phiếu biểu quyết*)

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu v

+ Số phiếu hợp lệ:

+ Số phiếu không hợp lệ:

Số TT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết % (% quy đổi tương đương)					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		CP	%	CP	%	CP	%
01	Báo cáo của HĐQT v kết quả SXKD từ năm 2017 đến năm 2020						
02	Báo cáo của HĐQT v kết quả SXKD năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022						
03	Báo cáo của HĐQT từ năm 2017 đến năm 2020						
04	Báo cáo của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022						
05	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS từ năm 2017 đến năm 2020						
06	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022						
07	Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2020						
08	Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán						
09	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty						
10	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ v qu ản trị công ty						
11	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị						
12	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát						
13	Các tờ trình thông qua tìn lương, thù lao từ năm 2017 đến năm 2020						
14	Tờ trình thông qua tìn lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022						
15	Các tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán từ năm 2018 đến năm 2021						

Số TT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết % (% quy đổi tương đương)					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		CP	%	CP	%	CP	%
16	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022						
17	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT NK I năm 2016 - 2021						
18	Tờ trình khác (nếu có)						

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua các (17) tờ trình nêu trên.

b) Kết quả phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ II năm 2021-2026 xếp theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (kèm Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT)

- Tổng số phiếu phát ra:
- Tổng số phiếu thu v
- + Số phiếu hợp lệ:
- + Số phiếu không hợp lệ:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu <i>(% tính theo tổng số CP có quyền biểu quyết dự họp tương ứng 02 vốn điều lệ)</i>	
1				
2				
3				
4				
5				

c) Kết quả phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 xếp theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (kèm Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên BKS)

- Tổng số phiếu phát ra:
- Tổng số phiếu thu v
- + Số phiếu hợp lệ:
- + Số phiếu không hợp lệ:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu <i>(% tính theo tổng số CP có quyền biểu quyết dự họp tương ứng 02 vốn điều lệ)</i>	
1				
2				
3				

13. Công bố kết quả cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Ông/Bà (chức danh)..... công bố kết quả cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II năm 2021-2026, cụ thể như sau:

Ông.....

Ông.....

Các thành viên HĐQT, BKS trúng cử nhiệm kỳ II năm 2021-2026 ra mắt Đại hội đồng cổ đông Công ty. Ông....., đại diện cảm ơn sự tín nhiệm của cổ đông.

III. Bế mạc cuộc họp

1. Thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp

Ông/Bà (chức danh)..... Thư ký cuộc họp trình bày nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết tán thành thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành bằng thẻ biểu quyết với tỷ lệ _____% cổ đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp tương ứng với vốn đi u lệ 294,5 tỷ đồng (tương đương với tỷ lệ _____% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tương ứng với vốn đi u lệ 255,138 tỷ đồng)

2. Phát biểu bế mạc cuộc họp

Ông thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu bế mạc cuộc họp.

3. Thực hiện nghi thức bế mạc (chào cờ).

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Lương thực Tp.Hồ Chí Minh kết thúc lúc __ giờ __ phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA**

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực thành phố Hồ Chí Minh ngày __/__/2022;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty) được tổ chức vào lúcgiờ... ngày / /2022 với sự tham gia củacổ đông và người được ủy quyền dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu chocổ phần có quyền biểu quyết chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tương ứng với vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và tổng số cổ phần 29.450.000 cổ phần; tương đương sở hữu và đại diện sở hữu chocổ phần có quyền biểu quyết chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tương ứng với vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng và tổng số cổ phần 25.513.800 cổ phần.

Sau khi nghe nội dung các báo cáo và các tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết này với các nội dung cụ thể như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

1. Bảng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
I	Mua vào		
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	1.037
		tỷ đồng	10,27
2	Xăng, dầu, nhớt	ngàn lít	6.200
		tỷ đồng	144,617

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	135,47
II	Bán ra		
1	Lúa gạo (quy gạo)	tấn	1.037
		tỷ đồng	13,94
a)	- Xuất khẩu	tấn	
		tỷ đồng	
b)	- Nội địa, bình ổn TT (tự doanh)	tấn	1.037
		tỷ đồng	13,94
2	Xăng, dầu, nhớt	ngàn lít	6.200
		tỷ đồng	151,074
3	CNP & hàng khác	tỷ đồng	139,78
4	Khai thác TS, DV, khác	tỷ đồng	57,50
III	Tổng doanh thu	tỷ đồng	362,34
IV	Lợi nhuận (không tính thu nhập bán tài sản)	tỷ đồng	-2,93
V	Nộp ngân sách	thực hiện theo qui định của pháp luật	

2. Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 2. Thông qua các Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 3. Thông qua các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2021.

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 4. Thông qua các Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát từ năm 2017 đến năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 5. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Thông qua việc bổ sung 23 ngành, nghề kinh doanh vào danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty, gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Phá dỡ	4311
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
11.	Hoàn thiện công trình	4330

STT	Tên ngành	Mã ngành
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
13.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
14.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
15.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
17.	Bán mô tô, xe máy	4541
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 6. Thông qua Tờ trình về Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Đính kèm Tờ trình)

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 7. Thông qua Tờ trình về Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (Đính kèm Tờ trình)

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 8. Thông qua Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (Đính kèm Tờ trình)

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 9. Thông qua các Tờ trình về tiền lương, thù lao từ năm năm 2017 đến năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022.

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách (07 người): 1.894.800.000 đồng (157.900.000 đồng x 12 tháng). Trường hợp trong năm 2022 có thay đổi số lượng người quản lý chuyên trách thì quỹ tiền lương sẽ thay đổi. Mức tiền lương của các chức danh cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người):	25.300.000 đồng/người/tháng
- Tổng giám đốc (01 người):	24.400.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc (03 người):	21.600.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người):	22.500.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người):	20.900.000 đồng/người/tháng
Tổng cộng:	114.700.000 đồng/tháng

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch, Công ty tính toán mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý chuyên trách không quá 80% mức tiền lương kế hoạch như trên. Số còn lại (20%) căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm, Công ty sẽ quyết toán và chi trả cho các chức danh.

2. Trường hợp năm 2022 Công ty bị lỗ, mức tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách bằng mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người):	20.250.000 đồng/người/tháng
------------------------------------------	-----------------------------

- Tổng giám đốc (01 người):	19.500.000 đồng/người/tháng
- Phó Tổng giám đốc (03 người):	17.250.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS chuyên trách (01 người):	18.000.000 đồng/người/tháng
- Kế toán trưởng (01 người):	16.750.000 đồng/người/tháng
Tổng cộng:	91.750.000 đồng/tháng

3. Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2022 (210 người): 17.637.312.000 đồng, tiền lương bình quân 7.205.000 đồng/người/tháng.

4. Quỹ thù lao kế hoạch đối với người quản lý không chuyên trách và Thư ký HĐQT năm 2022: Công ty đề xuất không thực hiện chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách/kiêm nhiệm. Riêng đối với chức danh Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, mức thù lao là 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng mức thù lao kế hoạch năm 2022 là 12.000.000 đồng.

5. Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 10. Thông qua các Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2017 đến năm 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 (Đính kèm tờ trình của Ban kiểm soát)

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 11. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I năm 2016-2021. (Đính kèm Tờ trình)

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Không có ý kiến				

Điều 12. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ I năm 2016-2021 và danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 (Đính kèm Tờ trình).

Kết quả biểu quyết như sau:

Nội dung	Vốn điều lệ 294,500 tỷ		Vốn điều lệ 294,500 tỷ	
	CP	%	CP	%
Tán thành				
Không tán thành				
Không có ý kiến				

Điều 13. Thống nhất công nhận kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II năm 2021-2026. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II năm 2021-2026 gồm các Ông/Bà có tên sau đây (xếp theo thứ tự người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp):

1. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.
2. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.
3. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.
4. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.
5. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.

Điều 14. Thống nhất công nhận kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II năm 2021-2026 gồm các Ông/Bà có tên sau đây (xếp theo thứ tự người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp):

1. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.
2. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.

3. đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 294,500 tỷ đồng và đạt% tỷ lệ phiếu bầu tương ứng vốn điều lệ 255,138 tỷ đồng.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty (đã sửa đổi, bổ sung) tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được đã Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2022.

Nơi nhận:

- Như Điều 15;
- Cổ đông FOODCOSA;
- Trưởng phòng nghiệp vụ Cty;
- Giám đốc đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



FOODCOSA

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

TH BIỂU QUYẾT

03

Số thứ tự:

Tên cổ đông/đại diện theo ủy quyền: **Phùng Thị Tuyết Hạ**

Số cổ phần sở hữu: **5.000 CP**

và/hoặc đại diện



FOODCOSA

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 39672038 – 08.39672060 Fax : (84-28) 39672022

Website : www.foodcosa.vn

Email : info@foodcosa.vn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã số :

TÊN CỔ ĐÔNG / ĐD THEO ỦY QUYỀN :

SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC QUYỀN BIỂU QUYẾT :

Trong đó : - Số CP sở hữu :

- Số CP được ủy quyền :

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA (đánh dấu “X” vào ô chọn)

Số TT	Nội dung	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo của BDH về kết quả SXKD từ năm 2017 đến năm 2020			
2	Báo cáo của BDH về kết quả SXKD năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022			
3	Báo cáo của HĐQT từ năm 2017 đến năm 2020			
4	Báo cáo của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022			
5	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS từ năm 2017 đến năm 2020			
6	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022			
7	Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ năm 2017 đến năm 2020			
8	Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán			
9	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
10	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty			
11	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
12	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
13	Các tờ trình thông qua tiền lương, thù lao từ năm 2017 đến năm 2020			
14	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022			
15	Các tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán từ năm 2018 đến năm 2021			
16	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022			
17	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT NK1 năm 2016 - 2021			
18	Các tờ trình khác			

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022
Họ tên và chữ ký

Mẫu phiếu bầu thành viên HĐQT



FOODCOSA

PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHIỆM KỲ II NĂM 2021 -2026

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: **Dương Chiếu Bảng**

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp ngày/5/2022): **01**

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: **5.600 cổ phần.**

Tổng số phiếu bầu cử: **5.000** x 5 = **28.000** phiếu bầu.

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A		
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		
04			
05			

Cách thức ghi phiếu bầu: chọn một trong hai cách sau:

Cách 1. Bầu dồn đều phiếu: dồn toàn bộ số phiếu bầu cho một ứng viên hoặc chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên thì đánh dấu “X” vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng.

Cách 2. Bầu số phiếu không đều nhau: ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên KHÔNG VƯỢT QUÁ tổng số phiếu bầu cử được phép bầu.

Hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu

- **Cách 1. Bầu dồn đều phiếu:** Dùng tổng số phiếu bầu cử của mình để dồn hết cho 01 ứng viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng viên thì đánh dấu “X” vào cột “Số phiếu bầu” tương ứng của ứng viên.

Minh họa

a) Trường hợp dồn hết cho 01 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		

b) Trường hợp chia đều cho 02 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B	X	
03	Nguyễn Văn C		

c) Trường hợp chia đều cho 03 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B	X	
03	Nguyễn Văn C	X	

- **Cách 2. Bầu số phiếu không đều nhau:** ghi số phiếu bầu vào cột “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng. Lưu ý tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên KHÔNG VƯỢT QUÁ tổng số phiếu bầu cử của cơ đồng.

Minh họa

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A		
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		

Nhằm đảm bảo tính chính xác của việc bầu cử, đề nghị Quý cơ đồng viết rõ số và không chỉnh sửa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trên phiếu bầu. Trường hợp Quý cơ đồng

muốn thay đổi phiếu đã bầu, chưa bỏ vào thùng phiếu xin đừng ngại thông tin với Ban kiểm phiếu để Ban kiểm phiếu thu hồi phiếu hỏng và cung cấp lại phiếu bầu mới cho Quý cổ đông.

Mẫu phiếu bầu thành viên BKS



FOODCOSA

PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHIỆM KỲ II NĂM 2021 - 2026

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN: **Bùi Thành Công**

Số thứ tự (ghi theo danh sách đăng ký dự họp ngày...../6/2022): **01**

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: **5.000 cổ phần.**

Tổng số phiếu bầu cử: **5.000 x 3 = 15.000 phiếu bầu.**

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A		
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		

Cách thức ghi phiếu bầu: chọn một trong hai cách sau:

Cách 1. Bầu dồn đều phiếu: dồn toàn bộ số phiếu bầu cho một ứng viên hoặc chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên thì đánh dấu “X” vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng.

Cách 2. Bầu số phiếu không đều nhau: ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên KHÔNG VƯỢT QUÁ tổng số phiếu bầu cử được phép bầu.

Hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu

- **Cách 1. Bầu dồn đều phiếu:** Dùng tổng số phiếu bầu cử của mình để dồn hết cho 01 ứng viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng viên thì đánh dấu “X” vào cột “Số phiếu bầu” tương ứng của ứng viên.

Minh họa

a) Trường hợp dồn hết cho 01 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		

b) Trường hợp chia đều cho 02 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B	X	
03	Nguyễn Văn C		

c) Trường hợp chia đều cho 03 ứng viên

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A	X	
02	Nguyễn Văn B	X	
03	Nguyễn Văn C	X	

- **Cách 2. Bầu số phiếu không đều nhau:** ghi số phiếu bầu vào cột “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng. Lưu ý tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên KHÔNG VƯỢT QUÁ tổng số phiếu bầu cử của cô đồng.

Minh họa

STT	Họ tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn A		
02	Nguyễn Văn B		
03	Nguyễn Văn C		

Nhằm đảm bảo tính chính xác của việc bầu cử, đề nghị Quý cô đồng viết rõ số và không chỉnh sửa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trên phiếu bầu. Trường hợp Quý cô đồng muốn thay đổi phiếu đã bầu, chưa bỏ vào thùng phiếu xin đừng ngại thông tin với Ban kiểm phiếu để Ban kiểm phiếu thu hồi phiếu hỏng và cung cấp lại phiếu bầu mới cho Quý cô đồng.